



DSPACE

<https://dspace.org/>

**Tìm hiểu về ứng dụng H Chí Minh trong xây dựng công nghệ mới
hình này**

Đinh Huy Liêm

2011

Trường Đại học CSND

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/141>

BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN

TÀI LIỆU THAM KHẢO
TÌM HIỂU, VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
TRONG XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI HIỆN NAY

*(Dùng cho sinh viên ĐHCSND
học môn TTHCM)*

TP. HỒ CHÍ MINH - 2011

TÀI LIỆU ĐƯỢC HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CSND

- *Công nhận kết quả biên soạn tại Quyết định số 582/QĐ-T48 ngày 15 tháng 5 năm 2012.*
- *Ban hành và sử dụng tại Quyết định số 1849/QĐ-T48 ngày 28 tháng 12 năm 2012.*

Chủ biên: TS. Đinh Huy Liêm

Những người thực hiện:

TS. Đinh Huy Liêm: Chuyên đề 1

ThS. Võ Thị Hồng Hoa: Chuyên đề 2

CN. Phạm Đức Lương: Chuyên đề 3

ThS. Đặng Thị Thúy Hoa: Chuyên đề 4

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU.....	1
<i>Chuyên đề 1: TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ VẬN DỤNG TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY</i>	<i>2</i>
<i>Chuyên đề 2: VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC VÀO VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CỦA THANH NIÊN HIỆN NAY</i>	<i>9</i>
<i>Chuyên đề 3: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI VÀ VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI TRONG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN HIỆN NAY.....</i>	<i>27</i>
<i>Chuyên đề 4: TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ THỐNG NHẤT GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN</i>	<i>63</i>

LỜI GIỚI THIỆU

Tập tài liệu tham khảo này gồm có bốn chuyên đề, dùng tham khảo cho học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó:

Chuyên đề 1 “*Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục - đào tạo và vận dụng trong công cuộc đổi mới hiện nay*”, sử dụng tham khảo để bổ sung cho tiền đề khách quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; hiểu rõ hơn nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, nhất là về lĩnh vực văn hóa giáo dục.

Chuyên đề 2 “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức vào việc giáo dục đạo đức, lối sống của thanh niên hiện nay*”, giúp sinh viên củng cố, hiểu sâu hơn tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, biết vận dụng vào xây dựng đạo đức, lối sống của tuổi trẻ hiện nay.

Chuyên đề 3 “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và việc xây dựng con người trong lực lượng Công an nhân dân hiện nay*”, giúp sinh viên hiểu sâu hơn về chiến lược “trồng người” theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhất là vận dụng xây dựng người Công an cách mạng hiện nay.

Chuyên đề 4 “*Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn*”, giúp sinh viên nhận thức sâu hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, nhất là văn hóa giáo dục, nguyên lý giáo dục theo quan điểm của Hồ Chí Minh.

Với mục tiêu trên đây, tập thể tác giả đã có nhiều cố gắng trong biên soạn, song chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được ý kiến phê bình, góp ý của bạn đọc.

Trân trọng giới thiệu tài liệu cùng bạn đọc.

TẬP THỂ BIÊN SOẠN

Chuyên đề 1

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ VẬN DỤNG TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI HIỆN NAY

Từ năm 1923, nhà thơ Xô Viết Oxíp Mandenxtam đã nhận xét: “Từ Nguyễn Ai quốc đã toả ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai”¹. Ông còn viết: “Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ai Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”².

Trưởng thành từ người thầy giáo trẻ Nguyễn Tất Thành ở trường Dục Thanh, đến giảng viên Lý Thuy của trường huấn luyện chính trị ở phố Văn Minh (Quảng Châu – Trung Quốc) và là lãnh tụ sáng lập ra Đảng CSVN, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, Hồ Chí Minh đã trở thành nhà giáo dục, người thầy lớn của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng của Người, trong đó có tư tưởng giáo dục – đào tạo là di sản quý báu của dân tộc ta.

Việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục – đào tạo là hết sức cần thiết, nhất là trong điều kiện hiện nay, khi Đảng ta khẳng định vai trò cực kỳ quan trọng của nhân tố con người, nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục – đào tạo vẫn đang quá trình nghiên cứu, chưa được đưa vào giáo trình chuẩn quốc gia như một nội dung cơ bản thuộc hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, chỉ mới đề cập một phần nào trong chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá.

Bởi vậy, chúng tôi lựa chọn việc đi sâu làm rõ một số luận điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục – đào tạo, giúp sinh viên đại học CSND tham khảo khi học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời đóng góp vào việc đi sâu, mở rộng tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh trên lĩnh vực giáo dục – đào tạo.

Nội dung tài liệu giới thiệu những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục-đào tạo; liên hệ vận dụng trong công cuộc đổi mới hiện nay.

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vị trí vai trò của giáo dục – đào tạo

- Trong các quyền tự do của một dân tộc, Hồ Chí Minh coi dạy và học là một quyền tự do. Người viết: “Tự do báo chí. Tự do du lịch. Tự do dạy và học. Tự do hội họp (tất cả những cái này đều bị những kẻ khai hoá thuộc địa ngăn cấm chúng tôi một cách dã man)”³.

- Giáo dục – đào tạo giúp nâng cao dân trí, giác ngộ quần chúng nhân dân nhận thức được nỗi khổ, nguyên nhân gây ra nỗi khổ và biết đứng dậy để giải phóng mình. Trong bài “Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa” viết ngày 25-5-1921, Hồ Chí Minh đã viết: “Quần chúng căn bản là có tinh thần nổi dậy, nhưng còn rất dốt

1. HCM, TT, T1, Nxb.CTQG, HN.2000, tr.478.

2. HCM, TT, T1, Nxb.CTQG, HN.2000, tr.489.

3. HCM, TT, T1, Nxb.CTQG, HN.2000, tr.36.

nát. Họ muốn giải phóng, nhưng họ chưa biết làm cách nào để đạt được mục đích ấy”⁴.

- Do xác định đúng vai trò của giáo dục- đào tạo, Hồ Chí Minh đã phê phán việc không quan tâm đến giáo dục của những người cách mạng. Trong bài “Đông dương” năm 1921, Người viết: “Nếu những người xã hội chủ nghĩa lơ là việc giáo dục, thì giai cấp tư sản thực dân và bản xứ – bon quan lại – cứ phụ trách giáo dục bằng phương pháp của chúng”⁵.

- Trong xây dựng chế độ mới, Hồ Chí Minh nhấn mạnh nhiệm vụ giáo dục. Ngày 3-9-1945, một ngày sau khi Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh xác định “Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”. Trong đó, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Chế độ thực dân đã đầu độc dân ta với rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn hòng hủ hóa dân tộc chúng ta bằng những thói xấu, lười biếng, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác. Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập. Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: cần, kiệm, liêm, chính”⁶.

- Trong bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch kiến quốc, Hồ Chí Minh nêu ra 4 điều phải thực hiện ngay: Làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành”⁷.

- Trong thư gửi học sinh (9-1945), Hồ Chí Minh viết: “Ngày nay các em được cái may mắn hơn cha anh là được hấp thụ một nền giáo dục của một nước độc lập, một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”⁸.

- Tháng 11-1945, trong bài “Nhân tài và kiến quốc”, Hồ Chí Minh nêu lên 4 điều cần nhất: “Kiến thiết ngoại giao. Kiến thiết quân sự. Kiến thiết kinh tế. Kiến thiết giáo dục”⁹.

Như vậy, không phải khi cách mạng tháng Tám thành công, mà ngay từ khi mới tiếp cận với chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ ràng vai trò, vị trí quan trọng của vấn đề giáo dục – đào tạo đối với sự phát triển của một dân tộc, cũng như đối với sự hoàn thiện của mỗi người dân. Do đó, ngay sau khi đã giành chính quyền, nhiệm vụ quan trọng được Hồ Chí Minh xác định đó cũng là giáo dục – đào tạo.

2. Hồ Chí Minh lên án chính sách ngu dân của thực dân Pháp

Đồng thời với việc đánh giá đúng vai trò của giáo dục – đào tạo, Hồ Chí Minh thẳng thắn lên án chính sách ngu dân của thực dân Pháp.

* *Về chính sách giáo dục của thực dân Pháp*: Qua phân tích tình hình xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh một mặt vạch rõ tội ác của thực dân Pháp cùng với phong kiến tay sai đã bóc lột nhân dân ta tận xương tuỷ, thi hành chính sách *áp bức tàn bạo về chính trị, sự nô dịch về mặt tinh thần, sự ngu dân về mặt văn hoá*.

⁴. HCM, TT, T4, Nxb.CTQG, HN.2000, tr.64

⁵. HCM, TT, T1, Nxb.CTQG, HN.2000, tr.28

⁶. HCM, TT, T4, Nxb.CTQG, HN.2000, tr.89

⁷. HCM, TT, T4, Nxb.CTQG, HN.2000, tr.152

⁸. HCM, TT, T4, Nxb.CTQG, HN.2000, tr.32

⁹. HCM, TT, T4, Nxb.CTQG, HN.2000, tr.99

Trong bài phát biểu đanh thép ngày 26 tháng 12 năm 1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp lần thứ XVIII, Nguyễn Ai Quốc nói: “Chủ nghĩa tư bản Pháp đã vào Đông dương từ nửa thế kỷ nay, ...từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và còn bị đầu độc một cách thâm... Nhà tù nhiều hơn trường học, lúc nào cũng mở cửa và chật ních người. Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và đôi khi bị giết mà không cần xét xử...Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có”¹⁰.

Hồ Chí Minh coi việc kinh doanh rượu và thuốc phiện của thực dân Pháp chính là sự đầu độc nhân dân ta. Người đã tố cáo sự đầu độc đó và đưa nêu ra sự so sánh cứ “10 trường học, 1500 đại lý rượu”¹¹. Người vạch rõ thủ đoạn thâm độc của chúng là “làm cho u mê để thống trị”, đó là phương pháp mà nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất”¹².

Cũng với phép so sánh đó, Hồ Chí Minh đã lên án một cách hùng hồn đối với thực dân Pháp: “Tuy chúng ta thiếu trường học, nhưng nước Pháp đã ban cho chúng ta rất nhiều nhà thổ, tiệm hút thuốc phiện và ty rượu”¹³.

Năm 1921, trong bài “Đông Dương”, Người viết: “Sự thật là người Đông dương không có một phương tiện hành động và học tập nào hết. Báo chí, hội họp, lập hội, đi lại đều bị cấm...Việc có những báo hoặc tạp chí mang tư tưởng tiến bộ một chút hoặc có một tờ báo của giai cấp công nhân Pháp là một tội nặng. Rượu còn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại”¹⁴.

* *Về phương pháp giáo dục*: Nền giáo dục thực dân mang tính nhồi sọ, tạo ra những con người giả dối, chỉ biết tôn sùng kẻ mạnh. Người viết: “Nếu bọn thực dân Pháp rất vụng về trong việc phát triển nền kinh tế ở thuộc địa, thì họ lại là những tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và trong việc chế tạo ra cái lòng trung thành bất buộc”¹⁵. Nhưng trong điều kiện áp bức thống trị hà khắc, các chí sĩ yêu nước dù có bất đồng cũng đành bất lực. Họ phải đứng trước bối cảnh “bị tất cả mọi thủ đoạn thâm hiểm của các toà án quân sự và toà án đặc biệt vây xung quanh, một người chiến sĩ ở bản xứ khó lòng tiến hành việc giáo dục đồng bào bị áp bức và đốt nát của mình không sa và nanh vuốt của các nhà đi khai hóa cho họ”¹⁶.

Kẻ thù biết rõ ý nghĩa lợi hại của sự hiểu biết, chúng luôn luôn tìm cách biến dân ta ngu để dễ bề cai trị. Năm 1919, Nguyễn Ai Quốc đã nói lên điều suy nghĩ của thực dân Pháp: “Truyền học vấn cho bọn annamít hoặc cho phép tự chúng có học vấn, tức là một mặt cung cấp cho chúng những súng bắn nhanh để chống chúng ta, và mặt khác đào tạo những con chó thông thái gây rắc rối hơn là có ích”¹⁷.

Trong bài “Chính sách ngu dân”¹⁸, Hồ Chí Minh nhận định rằng “Trường học lập ra không phải để giáo dục cho thanh niên An nam một nền học vấn tốt đẹp và

¹⁰. HCM, TT, T1, Nxb.CTQG, HN.2000, tr.25-26.

¹¹. Sđđ, T.1, tr.25-26.

¹². Sđđ, T.1, tr.155.

¹³. Sđđ, T.1, tr.314

¹⁴. Sđđ, T.1, tr.28

¹⁵. Sđđ, T.1, tr.64

¹⁶. Sđđ, T.1, tr.64

¹⁷. Sđđ, T.1, tr.7

¹⁸. Sđđ, T.1, tr.399-401

chân thực, mở mang trí tuệ và phát triển tư tưởng cho họ, mà trái lại càng làm cho họ dần độn thêm”.

Người trích dẫn lời đại tá Bécna: “Người Pháp không tổ chức một nền giáo dục mới thay thế cho nền giáo dục An Nam...Họ chỉ xây dựng được một ít trường học để đào tạo ra những con vẹt, những người vong bản thiếu đạo đức và thiếu cả kiến thức phổ thông”.

Hồ Chí Minh còn dẫn lời của tướng Penocanh: “Trong 50 năm chiếm đóng ở Nam Kỳ và 25 năm chiếm đóng ở Bắc Kỳ, những trường học Pháp không đào tạo lấy được một người An Nam thật sự có học thức”. Cũng trong bài báo này, Hồ Chí Minh còn dẫn lời của văn sĩ Macxo: “Chúng ta chỉ cần dạy tiếng Pháp cho người An Nam, dạy cho họ biết đọc, biết tính toán chút ít thôi; biết hơn nữa chỉ là thừa vô ích”.

Với một nền giáo dục như vậy, Hồ Chí Minh khẳng định: “Người ta đã gieo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự đốt nát nữa, vì một nền giáo dục như vậy chỉ làm hư hỏng mất tính nết của người đi học, chỉ dạy cho họ một lòng “trung thực” giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một Tổ quốc không phải là Tổ quốc của mình và đang áp bức mình. Nền giáo dục ấy dạy cho thanh thiếu niên khinh rẻ nguồn gốc dòng giống mình. Nó làm cho thanh niên trở nên ngu ngốc. Điều gì có thể dạy cho học sinh biết suy nghĩ, biết phân tích thì người ta không dạy ở nhà trường”.

Khi thấy cần đào tạo người Việt Nam, thì thực dân Pháp cũng tìm cách để đạt mục đích tối tăm của chúng. Đối với học sinh sang du học ở Pháp, như Hồ Chí Minh viết: “Chính phủ Pháp cố đưa du học sinh An Nam vào học ở những trường phản động nhất...Chính phủ Pháp dựng lên một bức tường ngăn cách hạn du học sinh với những luồng tư tưởng chính trị và xã hội ở chính quốc”.

Bằng cách trích dẫn, phân tích nhiều góc độ như trên, chỉ trong bài viết “Chính sách ngu dân”, Hồ Chí Minh đã tập trung phản ánh rõ dã tâm của chủ nghĩa đế quốc nói chung, của thực dân Pháp nói riêng trong cái gọi là chương trình khai hoá văn minh của chúng đối với các dân tộc thuộc địa. “Trong khi bóc lột người bản xứ, bọn đế quốc Pháp lại cho là chúng đang đem lại sự giáo dục và dân chủ cho họ”¹⁹.

* *Hệ quả của chính sách giáo dục nói trên*: Người chỉ rõ hệ quả của những chính sách của bọn thực dân là đã gây cho nhân dân ta sự đốt nát, lạc hậu.

Ngày 3-9-1945, Hồ Chí Minh nói: “Nạn đốt là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Hơn chín mươi phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ”²⁰.

Trong thư gửi các em học sinh (9-1945), Người viết: “Trước đây, cha anh các em, và mới năm ngoái cả các em nữa, đã phải chịu nhận một nền học vắn nô lệ, nghĩa là nó chỉ đào tạo nên những kẻ làm tay sai, làm tôi tớ cho một bọn thực dân người Pháp”²¹.

Năm 1945, khi đề cập đến việc chống thất học, khắc phục hậu quả về văn hoá do thực dân để lại, Hồ Chí Minh viết: “Khi xưa Pháp cai trị nước ta, chúng thi hành chính sách ngu dân. Chúng hạn chế mở trường học, chúng không muốn cho dân ta biết chữ để lừa dối dân ta và bóc lột dân ta. Số người Việt Nam thất học so với số người trong nước là 95 phần trăm, nghĩa là hầu hết người Việt Nam mù chữ. Như

¹⁹ . Sđd, T.2, tr.343

²⁰ . Sđd, T.4, tr. 8

²¹ . Sđd, T4, tr. 32

thế thì tiến bộ làm sao được”²². “Sau 80 năm bị bọn Pháp thực dân giày vò, nước Việt Nam ta cái gì cũng kém cỏi”²³.

Năm 1923, khi trả lời nhà báo Liên Xô Oxíp Mandenxtam, Hồ Chí Minh đã nói: “Trong những trường học cho người bản xứ, bọn Pháp dạy người như dạy con vẹt.

Chúng giấu không cho người nước tôi xem sách báo. Không phải chỉ sách của các nhà văn mới, mà cả Rút-xô và Mông-texkiơ cũng bị cấm”²⁴.

Dưới chế độ thực dân Pháp thống trị, nạn thiếu trường học là một thực tế hiển nhiên. Năm 1923, Hồ Chí Minh viết: “Dân chúng đang đòi hỏi phải trường học, mà hiện nay, trường học đang thiếu một cách tệ hại. Mỗi năm, cứ đến ngày khai trường, các bậc cha mẹ dù có đi gõ cửa khắp nơi, cầu xin mọi sự giúp đỡ, thậm chí xin nộp gấp đôi tiền ăn học mà họ vẫn không gửi được con cái đến trường. Và những đứa trẻ này, có đến hàng nghìn, bị đẩy vào cảnh ngu dốt chỉ vì không có đủ trường sở cho chúng đi học”²⁵.

Tất cả những lời tố cáo nền giáo dục của thực dân Pháp, được Hồ Chí Minh đúc kết trong lời Tuyên ngôn Độc lập đọc ngày 02-9-1945: “Chúng lập nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu”²⁶.

3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục trong chế độ mới

Từ một nền giáo dục thực dân, xã hội Việt Nam biến đổi trên nhiều mặt, trong đó có hệ quả về mặt văn hoá. Chính vì vậy, việc thành lập ra Đảng CSVN là để lãnh đạo dân chúng giải quyết những yêu cầu của xã hội Việt Nam. Ngay từ khi lập Đảng, trong “Chính cương vắn tắt của Đảng”, Hồ Chí Minh nêu ra 3 phương diện: phương diện xã hội, phương diện chính trị, phương diện kinh tế. Trong đó, về phương diện xã hội, chính cương xác định “Phổ thông giáo dục theo công nông hóa”²⁷.

Năm 1941, lập ra mặt trận Việt Minh cốt để tập hợp nhân dân rộng rãi nhằm giải quyết vấn đề chính quyền. Mặt trận được hoạt động theo 10 chính sách:

“Thanh niên có trường học nhiều,
Chính phủ trợ cấp trò nghèo, bần nhô.
Đàn bà cũng được tự do,
Bất phân nam nữ, đều cho bình quyền.
Người tàn tật, kẻ lão niên,
Đều do Chính phủ cấp tiền ăn cho.
Trẻ em, bố mẹ khỏi lo,
Dạy nuôi, Chính phủ giúp cho đủ đầy”²⁸.

Trong Chương trình Việt Minh, 6 mặt công tác: chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục, đối với các tầng lớp nhân dân, xã hội, ngoại giao. Trong đó, riêng về văn hóa giáo dục, được Hồ Chí Minh xác định:

“1. Hủy bỏ nền giáo dục nô lệ. Gây dựng nền quốc dân giáo dục. Cưỡng bức giáo dục từ bậc sơ học. Mỗi dân tộc có quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong nền giáo dục dân tộc mình.

²². Sđđl, T4, tr. 36

²³. Sđđl, T4, tr. 99

²⁴. Sđđl, T1, tr. 477

²⁵. Sđđl, T1, tr. 154

²⁶. Sđđl, T.3, tr. 555

²⁷. Sđđl, T.3, tr. 1

²⁸. Sđđl, T.3, tr. 206.

2. Lập các trường chuyên môn huấn luyện chính trị, quân sự, kỹ thuật để đào tạo các lớp nhân tài.

3. Khuyến khích và giúp đỡ các hạng trí thức được phát triển tài năng của họ.

4. Khuyến khích và giúp đỡ nền giáo dục quốc dân làm cho nòi giống ngày thêm mạnh”²⁹.

Năm 1945, ngay sau ngày độc lập, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí. Chính phủ đã ra hạn trong một năm, tất cả người Việt Nam đều phải biết chữ quốc ngữ”³⁰. “Kháng chiến phải đi liền kiến quốc. Kiến quốc phải có nhân tài. Muốn có nhân tài phải ra công giáo dục đào tạo”³¹. “Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”³².

Trong thư gửi anh chị em bình dân học vụ, Hồ Chí Minh viết “Chương trình của chính phủ ta là làm thế nào cho toàn quốc đồng bào ai cũng có ăn, có mặc, có học. Vậy nên khẩu hiệu của chúng ta: 1. Tăng gia sản xuất. 2. Chống nạn mù chữ”³³

Chương trình còn xác định chính sách đối với học sinh: “Bỏ học phí, bỏ khai sinh hạn tuổi. Mở thêm trường học. Giúp đỡ học trò nghèo”.

Về phương pháp tiến hành giáo dục, Hồ Chí Minh nêu rõ:

“Những người đã biết hãy dạy cho những người chưa biết chữ, hãy góp sức vào bình dân học vụ,... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi”³⁴.

Giáo dục mới là nền giáo dục chỉ ra phương pháp luận, không phải bày cỗ ăn sẵn. Trong bài nói chuyên tại buổi lễ tốt nghiệp khóa V trường huấn luyện cán bộ Việt Nam, Hồ Chí Minh đã lấy ví dụ: cần đi Sài Gòn, người chỉ đường nói cho anh em nói phải đi về hướng Nam và đi qua những tỉnh Thanh Hoá, Vinh, Huế, Nha Trang chẳng hạn. Anh em cứ theo đó mà đi, phải qua sông, núi gì thì tìm hỏi sau, miễn là theo hướng Nam mà tiến chứ không làm đường đi ngược phía Bắc là được.

Trong bài “Chống nạn thất học” (10-1945), Hồ Chí Minh liên hệ khi xưa Pháp cai trị nước ta, chúng thi hành chính sách ngu dân. Chúng hạn chế mở trường học, chúng không muốn cho dân ta biết chữ để dễ lừa dối dân ta và bóc lột dân ta. Số người Việt Nam thất học so với số người trong nước là 95 phần trăm, nghĩa là hầu hết người Việt Nam mù chữ. Như thế thì tiến bộ làm sao được? Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí³⁵.

4. Theo Hồ Chí Minh, sự phát triển của đất nước và dân tộc phụ thuộc phần lớn vào phát triển của giáo dục và đào tạo

- Ý nghĩa của giáo dục

Trong bài thơ “Tặng cháu Nông Thị Trưng”, Hồ Chí Minh viết:

“Vở này ta tặng cháu yêu ta,

²⁹. Sdd, T.3, tr. 584.

³⁰. Sdd, T.4, tr. 36.đ

³¹. Sdd, T.4, tr. 220.

³². Sdd, T.4, tr. 36.

³³. Sdd, T.4, tr. 220.

³⁴. Sdd, T.4, tr. 37.

³⁵. Sdd, T.4, tr. 36.

Tỏ chút lòng yêu cháu gọi là.

Mong cháu ra công mà học tập,

Mai sau cháu giúp nước non nhà”³⁶.

Năm 1930, khi bàn về những sai lầm và khuyết điểm trong phong trào cách mạng của nông dân, Hồ Chí Minh đã xác định Nông hội phải tăng cường việc tuyên truyền giáo dục cho hội viên. Người viết: “Giáo dục quần chúng về ý nghĩa cuộc cách mạng ruộng đất (tịch thu ruộng đất của địa chủ bản xứ và người ngoại quốc đem chia cho bản và trung nông), đồng thời phải giải thích cho họ hiểu mục tiêu cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân chủ. Giải thích cho quần chúng thấy cần thiết phải liên minh với giai cấp vô sản, cần phải được vô sản và Đảng Cộng sản, đội tiên phong của vô sản lãnh đạo. Phải tuyên truyền phản đối Hội đồng cải lương, phản đối mọi cải cách, mọi nhóm và đảng phái có tính chất quốc gia. Nông hội phải xuất bản một tờ báo và khuyến khích nông dân viết bài đăng báo”³⁷.

- Vai trò to lớn của người giáo viên

Trong thư gửi anh chị em bình dân học vụ, Hồ Chí Minh viết: “Anh chị em là những người “vô danh anh hùng. Tuy là vô danh nhưng rất hữu ích. Một phần tương lai của dân tộc nước nhà nằm trong sự cố gắng của anh chị em”³⁸.

- Trong cuốn sách “Phương pháp và cách thức dạy vỡ lòng chữ quốc ngữ” (1946), Hồ Chí Minh đã viết vào đầu cuốn sách: “Anh chị em giáo viên bình dân học vụ cố gắng đọc kỹ sách này, rồi tận tâm dạy bảo đồng bào thất học, làm cho nạn mù chữ chóng hết. Thế là làm tròn một nhiệm vụ thiêng liêng của mình đối với Tổ quốc”³⁹.

5. Vận dụng những quan điểm nêu trên của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới hiện nay

Ngày nay, công cuộc đổi mới đã và đang đi vào chiều sâu, tình hình đã có nhiều biến đổi so với sinh thời Hồ Chí Minh, song những quan điểm cơ bản nêu trên của Hồ Chí Minh về giáo dục - đào tạo cũng như toàn bộ di sản tư tưởng của Người vẫn còn nguyên giá trị. Hệ thống quan điểm đó là cơ sở lý luận, phương pháp luận cho chúng ta đẩy mạnh, nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo hiện nay. Trong đó, theo chúng tôi, cần chú trọng mấy vấn đề sau đây:

1. Kết hợp truyền thống và hiện đại trong giáo dục – đào tạo:

Việc kết hợp truyền thống và hiện đại trong giáo dục – đào tạo theo Tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở việc xác định tính chất, vai trò, mục đích của nền giáo dục, phương pháp giáo dục, nội dung giáo dục, về trách nhiệm của người giáo viên, của Đảng, chính quyền, thanh niên và các đoàn thể khác...

2. Vận dụng trong giáo dục – đào tạo thanh niên: Phải xác định rõ ràng việc giáo dục đào tạo thế hệ trẻ là một vấn đề hết sức quan trọng, như Hồ Chí Minh đã viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có

³⁶. Sdd, T.3, tr. 508.

³⁷. Sdd, T.3, tr. 565.

³⁸. Sdd, T.4, tr. 220.

³⁹. Sdd, T.4, tr. 234.

bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”⁴⁰.

3. Chú trọng hơn nữa việc đổi mới phương pháp dạy học trong hệ thống giáo dục. Trong đó cần coi trọng chất lượng dạy và học, kiên quyết khắc phục tình trạng chạy theo số lượng, thương mại hóa hoạt động dạy học...

4. Làm tốt công tác quản lý nhà nước về xây dựng hệ thống giáo dục cũng như nội dung, quy trình giáo dục-đào tạo trên phạm vi cả nước cũng như phạm vi các ngành, lĩnh vực, đảm bảo hiệu quả đào tạo gắn với nhu cầu thực tế kinh tế - xã hội./.

Chuyên đề 2

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC VÀO VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CỦA THANH NIÊN HIỆN NAY

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức là một bộ phận trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ một vị trí quan trọng trong việc định hướng phát triển nhân cách, phẩm chất của con người nói chung và thanh niên Việt Nam nói riêng. Chính vì thế mà lĩnh vực này đã thu hút nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu tìm hiểu, để góp phần phát triển con người ngày càng hoàn thiện, nhất là trong thời kỳ hiện nay.

⁴⁰. Sđd, T.4, tr. 33.

Ở nước ta, sau hơn 20 năm đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội đã có bước chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao uy tín và địa vị của Việt Nam trên trường quốc tế, trong đó thanh niên Việt Nam đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trong sự phát triển đó một bộ phận không nhỏ thanh niên nước ta đã nhận thức chưa đúng về tình hình đất nước, cũng như tình hình thế giới đã thay đổi so với trước, lợi dụng sự sơ hở của cơ chế mới - cơ chế thị trường để làm ăn phi pháp, bất chấp kỷ cương phép nước; một bộ phận thanh niên khác thì buông lỏng bản thân, thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, học tập chỉ lo ăn chơi, hưởng thụ... sự tha hóa về đạo đức, lối sống đã xuất hiện trong thanh niên và ngay cả bộ phận học sinh, sinh viên thế hệ tương lai của nước nhà, điều đó không chỉ cản trở sự phát triển của đất nước mà còn làm cho những chuẩn mực đạo đức của con người, của xã hội xuống cấp, trở thành hồi chuông báo động cho xã hội hiện nay. Vì vậy, việc trang bị cho thanh niên và sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng trong cả nước môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp, trong đó có Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.

Với tầm quan trọng như vậy, tác giả đã lựa chọn nội dung “**Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức vào việc giáo dục đạo đức, lối sống của thanh niên hiện nay**” làm tài liệu tham khảo, phục vụ cho môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và định hướng rèn luyện đạo đức, lối sống của sinh viên trường Đại học Cảnh sát nhân dân và sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng nói chung.

Kết cấu của tài liệu tham khảo, ngoài phần mở đầu và kết luận, gồm có 2 nội dung chính như sau: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, lối sống; Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức vào việc giáo dục đạo đức, lối sống của thanh niên hiện nay

I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức

Đạo đức là danh từ bắt nguồn từ tiếng Latinh là *mos, moris*, có nghĩa là phong tục tập quán. Theo tiếng Hy Lạp là *ethicos*, có nghĩa là thói quen, tập quán. Đối với người Trung Quốc cổ đại thì đạo có nghĩa là con đường, đường đi, lối đi của con người trong xã hội, còn đức là đức tính, nhân tính, cho nên đạo đức là yêu cầu, nguyên tắc do cuộc sống đặt ra mà con người phải tuân theo. Do vậy, nói đến đạo đức là nói đến những thói quen, tập quán sinh hoạt và mối quan hệ ứng xử, giao tiếp của con người với nhau trong cộng đồng và trong xã hội.

Theo quan niệm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, đạo đức là sự phản ánh các quan hệ xã hội, có giá trị đối với sự tiến bộ của xã hội, của con người, "Đạo đức giúp cho xã hội loài người tiến lên trình độ cao hơn, thoát khỏi ách bóc lột, lao động" [17. t 41.371]. Lênin cho rằng đạo đức "góp phần phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột và góp phần đoàn kết tất cả những người lao động xung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới của những người cộng sản" [18.214]. Quan niệm này thể hiện tính tiên tiến, cách mạng và khoa học, gắn liền với thực tiễn nhằm xây dựng con người trong xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa, tạo tiền đề cho xã hội Cộng sản chủ nghĩa trong tương lai.

Kế thừa quan niệm của các nhà kinh điển, Hồ Chí Minh đã phát triển và bổ sung phù hợp với sự phát triển trong thời kỳ, thuật ngữ đạo đức được Người dùng với các nghĩa khác nhau: theo *nghĩa rộng*, đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc và làm giàu tính người trong các quan hệ xã hội, kể cả trong tư tưởng chính trị; theo *nghĩa hẹp*, đạo đức là luân lý, những quy định, những chuẩn mực ứng xử trong quan

hệ giữa con người với con người, với công việc, với bản thân; theo nghĩa *rất hẹp*, đạo đức được đánh giá bằng hành vi và tinh thần quan tâm đến người khác, chiều cố và phục vụ người khác. Nói cách khác đạo đức là tinh thần phục vụ và sự hy sinh cho Tổ quốc, cho nhân dân...

Thực chất, đạo đức là những quy chuẩn, quy ước, phép tắc do con người định ra trên cơ sở đảm bảo các lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội để điều chỉnh hành vi ứng xử, điều chỉnh quan hệ giữa người với người trong hoạt động sống thông qua các hoạt động khen chê, đồng tình hay phản đối, thông qua dư luận xã hội. Như vậy, cùng với luật pháp, các quy tắc, chuẩn mực đạo đức dùng để điều chỉnh hành vi con người, nhưng khác với pháp luật, đạo đức điều chỉnh hành vi con người bằng tự nguyện chứ không phải bằng cưỡng chế.

Đạo đức cách mạng là phạm trù đạo đức cơ bản nhất, bao quát nhất trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, Người khẳng định đạo đức là nền tảng của người cách mạng, nếu không có đạo đức cách mạng thì dù tài giỏi đến mấy cũng không thể lãnh đạo được nhân dân, cho nên người cách mạng phải biết giáo dục, thuyết phục, lôi cuốn con người bằng cái tâm, cái đức, bằng lương tâm và trách nhiệm của mình, nói và làm phải đi đôi với nhau, phải mực thước cho người ta bắt chước.

Quan niệm đạo đức của Hồ Chí Minh gắn với những chuẩn mực đạo đức cách mạng, đó là: trung với nước, hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; yêu thương con người và tinh thần quốc tế trong sáng. Con người khi đã hội tụ được những phẩm chất đạo đức cơ bản đó thì sẽ có thêm nhiều đức tính tốt khác như Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm.

Nhân là thật thà yêu thương.

Nghĩa là ngay thẳng.

Trí là đầu óc sáng suốt

Dũng là dũng cảm sáng suốt

Liêm là không tham địa vị, không tham tiền tài.

Tất cả những phẩm chất đó làm cho con người vững vàng trước thử thách, hiểm nguy, không khuất phục trước bất cứ kẻ thù nào: “Giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục” và có thể “Trợn mắt coi khinh nghìn lực sĩ, cúi đầu làm ngựa kẻ nhai đồng” [8. t 5.251-253].

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, đạo đức không chỉ là những lý tưởng cao xa mà còn là thái độ, hành vi, việc làm cụ thể của mỗi con người trong sinh hoạt, học tập, lao động và chiến đấu, mặt khác chúng ta cũng thấy rằng đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường luôn có quan hệ mật thiết và gắn bó chặt chẽ với nhau, vì thế phải thấy cái đúng, cái sai, không bào chữa cho khuyết điểm của bản thân, bởi cái riêng đi ngược lại cái chung là chủ nghĩa cá nhân là vi phạm đạo đức.

Đạo đức mới, đạo đức cách mạng do Hồ Chí Minh định hướng và cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng nên khác với đạo đức cũ về chất, song lại hoàn toàn thống nhất với đạo đức của chủ nghĩa Mác-Lênin, kết hợp được đạo đức truyền thống của dân tộc với đạo đức của giai cấp công nhân, với nhân loại. Hồ Chí Minh đã tiên hành một cuộc cách mạng về đạo đức, bởi “đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngừng lên trời” [18. t6.321]. Đạo đức thực dân phong kiến là thứ đạo đức ích kỷ, nó kìm hãm trời buộc con người, tàn phá con người, còn đạo đức mới là vì nước, vì dân, lấy lợi ích dân tộc làm đầu, đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích cá nhân.

Hồ Chí Minh xem đạo đức là nền tảng của người cách mạng, là nguồn gốc để tạo nên sự thành công. Do vậy, “người cách mạng phải có đạo đức cách mạng, không có đạo đức cách mạng thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [8.t9.243].

Quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức thể hiện tính thống nhất giữa đạo đức và chính trị, giữa đạo đức và hiệu quả công tác, giữa đức và tài, giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường.

- Thống nhất giữa đạo đức và chính trị: Hồ Chí Minh nhận rõ vai trò của đạo đức là để phục vụ sự nghiệp cách mạng, vì sự tiến bộ và phát triển của xã hội. Quan niệm đạo đức của Người là đạo đức mới – đạo đức cách mạng, đấu tranh cho độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu đem lại quyền lợi cho Tổ quốc, của nhân dân. Hồ Chí Minh tiếp thu tinh hoa tư tưởng đạo đức phương Tây và đi theo chủ nghĩa Mác – Lênin, đó là vũ khí tinh thần sắc bén và hiệu nghiệm cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Vì thế, Hồ Chí Minh luôn mong muốn đào tạo được những thanh niên có đạo đức cách mạng để xây dựng cuộc sống mới, vì hạnh phúc của nhân dân.

- Thống nhất giữa đạo đức và hiệu quả công tác: Quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức luôn được biểu lộ bằng hành động thiết thực và hiệu quả công việc, hiệu quả công việc cũng chính là thước đo đạo đức, cho nên lý luận phải gắn với đời sống hiện thực và tạo khả năng hiện thực hóa lý luận. Người thường nhắc nhở: quyết tâm không phải ở hội trường, ở lời nói mà quyết tâm phải ở trong công tác, trong hành động. “Trung với nước, hiếu với dân” là đạo đức lớn nhất của mỗi người Việt Nam, cho nên dù có khó khăn đến đâu chúng ta cũng phải vượt qua và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Thống nhất giữa đức và tài: Đây là hai vấn đề cần phải có trong mỗi con người, bởi trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng Chủ nghĩa xã hội con người không thể không có tri thức, không thể không nắm vững khoa học kỹ thuật. Tài năng, chuyên cần, trình độ nghiệp vụ, văn hóa là điều hết sức cần thiết trong xây dựng đất nước, chúng ta coi trọng cả đức và tài, trong đó đức là gốc, đức – tài có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tài càng lớn thì đức càng phải cao. Con người mà thống nhất được giữa đức và tài thì sẽ trở thành động lực và mục tiêu của cách mạng.

- Thống nhất giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường: ở Hồ Chí Minh, đạo đức trước hết là đạo đức cách mạng, để giải quyết những công việc “ích nước, lợi dân”. Cùng với đạo đức cách mạng, Người rất chú trọng đạo đức đời thường từ việc lớn đến việc nhỏ, từ việc chung đến việc riêng, từ các mối quan hệ cá nhân, bạn bè, gia đình... nên trong đạo đức xây dựng gia đình, người cách mạng chọn Tổ quốc là gia đình lớn trong đó có gia đình nhỏ, gia đình lớn bị đe dọa thì gia đình nhỏ cũng bị suy sụp, không thể phát triển. Vì vậy, phải biết nhìn xa trông rộng, biết đặt Tổ quốc và dân tộc lên trên, biết hy sinh cái riêng cho cái chung... giữa lợi ích riêng và lợi ích chung thì chỉ chọn một mà thôi, cho nên phải chọn cái chung. Hồ Chí Minh khẳng định: quan tâm đến gia đình là đúng, vì nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình cũng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt... Phải đặt đạo đức cách mạng lên hàng đầu, nhưng phải rèn luyện đạo đức từ những công việc nhỏ đến việc lớn, từ phạm vi hẹp đến phạm vi rộng thì mới tạo được sự đồng thuận của xã hội, sự nhất trí cao của mọi người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và tấm gương đạo đức của Người có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam, nhất là đối với

thanh niên, chúng ta học tập ở Người tính độ lượng, giản dị, khiêm tốn, tình yêu nhân loại, sự tận tụy hy sinh, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư... Hồ Chí Minh đã để lại dấu ấn đạo đức không thể phai mờ trong lòng dân tộc Việt Nam, một tấm gương sáng ngời nhân cách trong lòng nhân loại tiến bộ, đúng như nhà sử học Mỹ - bà J.Stenson đã viết: “Một số đông người đã tha hóa chạy theo cuộc sống hưởng thụ vật chất, bất chấp cả nhân phẩm đạo đức, coi sự hưởng thụ là mục đích của cuộc sống, nhân loại lại tìm về tấm gương sáng ngời nhân cách của Hồ Chí Minh, một tấm gương cho mọi thế hệ tiếp theo” [16.2]. Tấm gương đạo đức của Người mãi mãi là ngọn đèn soi rọi khắp mọi nẻo đường phấn đấu và rèn luyện cho con người Việt Nam hôm nay và mai sau.

2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về lối sống

“Lối sống” là toàn bộ những hình thức hoạt động sống của con người trong một xã hội nhất định được xem xét thống nhất với các điều kiện kinh tế - xã hội nhất định (Từ điển Bách khoa Việt Nam). Trong tác phẩm Hệ tư tưởng Đức, C.Mác và Ăngghen cho rằng: “Không nên nghiên cứu phương thức sản xuất ấy đơn thuần theo khía cạnh nó là sự tái sản xuất ra sự tồn tại thể xác của các cá nhân. Mà hơn thế, nó là một phương thức hoạt động nhất định của những cá nhân ấy, một hình thức nhất định của hoạt động sống của họ, một phương thức sinh sống nhất định của họ” [6. t 3.30]. Như vậy giải thích phạm trù sống, học thuyết Mác đi từ phương thức hoạt động sản xuất của con người.

C.Mác còn cho rằng để tồn tại trước hết con người phải giải quyết được những nhu cầu thiết yếu trước mắt như: ăn, mặc, ở, đi lại rồi mới có thể nghĩ đến chuyện làm văn thơ, làm triết học... Nghĩa là con người phải lao động kiếm sống và tồn tại, lao động vốn là nhu cầu sống hàng đầu của con người. Mặt khác, lao động còn là nền tảng để phát triển toàn diện cá nhân con người.

Trong lao động sản xuất, con người thiết lập các mối quan hệ với tự nhiên và với xã hội. Chính trong quá trình đó con người biểu hiện bản thân mình, biểu hiện đời sống của mình. Như vậy, phương thức sản xuất không chỉ là một hình thức hoạt động sinh sống nhất định của con người mà còn là mặt cơ bản của lối sống, là điều kiện kinh tế - xã hội của lối sống. Tuy nhiên không thể đồng nhất phương thức sản xuất với lối sống vì trong xã hội có giai cấp không thể có một lối sống cho tất cả mọi người và phạm vi của lối sống rộng hơn phạm vi của phương thức sản xuất. Ngoài hoạt động sản xuất, con người còn có nhiều hoạt động phong phú khác như: hoạt động chính trị, hoạt động tư tưởng và văn hóa, hoạt động bồi dưỡng sức khỏe và rèn luyện phẩm chất cá nhân. Phạm vi của lối sống có thể tương ứng với phạm vi của hình thái kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hai khái niệm trên đây cũng không hoàn toàn đồng nhất với nhau. Hình thái kinh tế - xã hội gắn liền với hoạt động sản xuất vật chất của con người. Đó là một tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người. Ngược lại, lối sống phản ánh hoạt động của chủ thể bao gồm nhận thức, tình cảm, thái độ, động cơ trong mọi hoạt động của bản thân con người.

Bổ sung quan điểm của C.Mác, Hồ Chí Minh xem lối sống còn là hình thức biểu hiện của văn hóa – văn hóa đời sống. Người quan niệm văn hóa là bộ mặt tinh thần của xã hội và bộ mặt đó được thể hiện ra ngay trong cuộc sống hàng ngày của mỗi người, rất dễ hiểu, dễ nhìn, dễ thấy. Điều này đã được Hồ Chí Minh chỉ rõ khi nói về nội dung của đời sống mới cũng như cách thức xây dựng đời sống mới trong một nước Việt Nam độc lập.

Theo Hồ Chí Minh, lối sống bộc lộ thông qua các hoạt động của con người trong cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại và cách làm việc. Lối sống vừa có các

giá trị của văn minh nhân loại vừa có các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Bên cạnh các giá trị vĩnh cửu, lối sống cũng chứa đựng các giá trị phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của từng thời kỳ nhất định; có các khía cạnh tiến bộ và cả những khía cạnh tiêu cực. Có thể nói, lối sống bộc lộ nhân cách của con người trong một điều kiện hoàn cảnh cụ thể, nhất định. Con người phản ánh qua lối sống phần nào diện mạo văn hóa thời đại thông qua năng lực trí tuệ, quan hệ ứng xử và khả năng đồng hóa thẩm mỹ hiện thực của mình trong nhiều phương diện khác nhau.

Với Hồ Chí Minh, lối sống bao gồm lối sống riêng của từng cá nhân và lối sống chung của từng nhóm người, rộng hơn là toàn xã hội. Lối sống cá nhân là toàn bộ hình thức hoạt động sống của cá nhân trong một xã hội nhất định; đồng thời là sự phản ánh kết quả nhận thức của cá nhân về các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Vì thế, lối sống cá nhân luôn mang đậm dấu ấn cá nhân và có tính phong phú, đa dạng. Mặt khác, được hình thành từ một điều kiện kinh tế - xã hội nhất định nên lối sống của các cá nhân lại có những điểm tương đồng, tạo nên lối sống chung của toàn xã hội. Giữa lối sống riêng của từng cá nhân với lối sống chung của toàn xã hội không có sự tách rời biệt lập mà trái lại luôn thống nhất, tác động qua lại lẫn nhau.

Hồ Chí Minh quan niệm xã hội là do nhiều cá nhân nhóm lại mà thành. Chính vì thế, nếu mỗi cá nhân có lối sống tích cực thì góp phần hình thành nên lối sống tiến bộ của xã hội. Lối sống văn minh, cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành mẫu mực cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta học tập và noi theo. Ngược lại, lối sống xã hội có tác dụng định hướng cho lối sống cá nhân, giúp mỗi cá nhân điều chỉnh lối sống của bản thân.

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức, lối sống, nếp sống là ba nội dung hợp thành văn hóa đời sống, trong đó đạo đức đóng vai trò chủ yếu nhất. Vì thế, xây dựng đời sống mới còn là quá trình tuyên truyền giáo dục và thực hành đạo đức mới, lối sống mới, nếp sống mới.

Lối sống mới mà Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng cho mọi người là lối sống có lý tưởng, có đạo đức, văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Hồ Chí Minh cho rằng, để Việt Nam trở nên một quốc gia phát triển, một nước văn minh, tiến bộ thì mọi người phải xây dựng một phong cách sống khiêm tốn, giản dị, chừng mực, điều độ, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, biết quý trọng thời gian, ít lòng ham muốn về vật chất, về chức quyền danh lợi. Trong quan hệ với nhân dân, bạn bè, đồng chí, anh em phải cởi mở, chân tình, tế nhị; giàu tình yêu thương quý mến con người, trân trọng con người; đối với mình thì nghiêm khắc, chặt chẽ; đối với người thì khoan dung độ lượng. Đã có sinh hoạt lành mạnh, tiến bộ, ứng xử hài hòa, đúng mực thì còn phải xây dựng tác phong quần chúng, tập thể, dân chủ, khoa học trong cách làm việc. Tuy mang những nội dung khác nhau nhưng ba loại tác phong trên có quan hệ mật thiết với nhau, góp phần nâng cao hiệu quả công việc, giúp mọi người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Lối sống trong quan niệm của Hồ Chí Minh còn là tiêu chí, thước đo trình độ văn minh, tiến bộ của mỗi dân tộc. Người cho rằng: “Một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ” [8.t5.642], với nghĩa đó xây dựng lối sống mới đã trở thành một mục tiêu của chế độ xã hội mới, chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Phần đầu thực hành lối sống mới giúp mỗi cá nhân và cả xã hội từng bước vượt qua được những cái nhỏ bé,

ích kỹ, tâm thường đề vươn tới những cái lớn lao, cao thượng làm cho mọi người phát triển toàn diện cùng với sự phát triển của đất nước.

3. Sự thống nhất trong quan niệm của Hồ Chí Minh về đạo đức, lối sống

Đạo đức, lối sống luôn có sự thống nhất với nhau, tác động qua lại lẫn nhau để hoàn thiện, đạo đức là những tiêu chuẩn, nguyên tắc được xã hội thừa nhận, còn lối sống là hoạt động của con người có lý tưởng, có đạo đức, có sự kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo nên lối sống văn minh, song để con người nhận thức được vấn đề đó thì bao giờ cũng phải trải qua quá trình giáo dục, vì thế Hồ Chí Minh rất quan tâm đến giáo dục vì giáo dục có một vai trò quan trọng trong mọi thời kỳ. Xuất phát từ mục tiêu của giáo dục là đào tạo những con người mới vừa có đạo đức vừa có tài, những công dân biết làm chủ để đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, Hồ Chí Minh chủ trương bồi dưỡng giáo dục thế hệ trẻ một cách toàn diện: đức, trí, thể, mỹ. Người yêu cầu: “Trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất” [8.t10.190].

Trong công tác giáo dục, Hồ Chí Minh coi trọng cả “đức” lẫn “tài”, nhưng đặt giáo dục đạo đức lên hàng đầu. Người chỉ rõ vai trò và sức mạnh to lớn của đạo đức, khẳng định đạo đức là cái gốc của mỗi con người, là cái nền tảng vững chắc của người cách mạng. Có đạo đức cách mạng thì dù nhiệm vụ nặng nề đến mức nào, khó khăn đến bao nhiêu con người ta đều vượt qua được. Theo Hồ Chí Minh, “tâm” có sáng thì trí mới sáng, có cái đức thì cái tài mới được phát huy, phát triển, trở nên có ích đối với xã hội.

Hồ Chí Minh đề ra những chuẩn mực đạo đức mới định hướng cho sự rèn luyện của mỗi người. Bên cạnh đó, căn cứ vào đặc điểm lứa tuổi, nghề nghiệp, môi trường làm việc... Người còn cụ thể hóa các chuẩn mực đạo đức thành những phẩm chất cụ thể để mọi người dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng.

Người dạy thanh niên phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu lao động, yêu khoa học, yêu kỹ thuật... đó là đạo đức mới và chỉ có thông qua phấn đấu, rèn luyện mới trở thành những con người phát triển toàn diện, có tư tưởng đúng, tình cảm đẹp, có kiến thức, có sức khỏe để làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân.

Đối với thanh niên, công nhân, nông dân, Người nhấn mạnh tinh thần trách nhiệm, ý thức làm chủ, ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đối với thanh niên các lực lượng vũ trang, Người căn dặn: phải trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Đối với thanh niên các dân tộc, Người dạy phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau như anh em một nhà, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ biên giới. Đặc biệt, đối với thanh niên là học sinh, sinh viên, Hồ Chí Minh xác định rõ đạo đức chính là phải tích cực học tập, đồng thời Người còn chỉ rõ mục đích và động cơ học tập là để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh.

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống mà là kết quả trực tiếp của hoạt động giáo dục và tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi cá nhân trong thực tiễn mà có. Giáo dục nói chung và giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên nói riêng là sự nghiệp của quần chúng. Trong Thư gửi các em học sinh (24-10-1955), Hồ Chí Minh khẳng định: “Giáo dục các em là việc chung của gia đình, trường học và xã hội. Bố mẹ, thầy giáo và người lớn phải cùng nhau phụ

trách” [8.t8.74]. Kết quả giáo dục tùy thuộc rất nhiều vào sự tham gia tích cực, sự giúp đỡ thiết thực và sự giác ngộ về trách nhiệm đối với giáo dục của các ngành, các cấp ủy Đảng, chính quyền cũng như của cha mẹ học sinh và của các lực lượng xã hội. Người đề nghị: “Sự giáo dục thanh niên phải liên hệ vào dư luận của xã hội, lực lượng của Chính phủ để ngăn ngừa những cái gì có thể ảnh hưởng xấu đến thanh niên, để nâng cao tính cảnh giác của thanh niên” [8.t7.455-456].

Xuất phát từ sự nhìn nhận mặt tốt và mặt xấu trong con người, nhất là đối với thanh niên – lứa tuổi đang hoàn thiện nhân cách, đang phát triển và muốn khẳng định mình, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc kết hợp cả hai mặt giáo dục và tự giáo dục. Theo Người, khi mặt tự giáo dục thực sự được đặt ra ở mỗi người thì việc giáo dục mới có hiệu quả và chắc chắn.

Với Hồ Chí Minh, thanh niên có ưu điểm là hăng hái, giàu tinh thần xung phong nhưng cũng có khuyết điểm là chuộng hình thức, thiếu thực tế, bệnh cá nhân, bệnh anh hùng. Do vậy, thanh niên muốn xứng đáng là người chủ tương lai của nước nhà thì phải tự giác rèn luyện bản thân. Đó là yếu tố hết sức quan trọng. Trước tiên, thanh niên “phải rèn luyện và thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa”; “phải trao dồi đạo đức của người cách mạng”.

“Gạo đem vào giã bao đau đớn;
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện mới thành công” [8.t3.350].

Người nhắc nhở thanh niên phải luôn luôn gắn chặt quá trình “xây và chống” trong rèn luyện đạo đức. Người dạy: “Thanh niên cần phải chống tâm lý tự tư tự lợi, chỉ lo lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình. Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc, chống thói coi khinh lao động, nhất là lao động chân tay” [8.10.106].

Như vậy, giáo dục đạo đức theo quan điểm của Hồ Chí Minh là hoạt động của các cá nhân và thiết chế xã hội nhằm hình thành những phẩm chất đạo đức ổn định, những nhu cầu, niềm tin, tình cảm, thói quen trong hành vi đạo đức trên cơ sở nhận thức lý tưởng đạo đức và những nguyên tắc đạo đức xã hội. Thông qua giáo dục đạo đức, các khái niệm, giá trị đạo đức được nhận thức sâu sắc hơn, những hành động của con người sẽ phù hợp hơn với các chuẩn mực xã hội, làm cho con người có khả năng tự kiểm tra, đánh giá, thẩm định và điều chỉnh hành vi của mình.

Bàn về lối sống, Hồ Chí Minh luôn đặt nó trong mối quan hệ với đạo đức. Đạo đức và lối sống có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó đạo đức đóng vai trò chủ yếu. Đạo đức gắn liền với lối sống và là nội dung của lối sống. Còn lối sống là thể hiện cụ thể quan niệm đạo đức trong những hình thức hoạt động của con người trong xã hội. Một lối sống được xem là cao đẹp trước hết phải là lối sống có đạo đức, luôn đề cao trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ của cá nhân đối với cộng đồng và toàn xã hội. Ngược lại, lối sống chỉ biết hưởng thụ cho bản thân là lối sống ích kỉ, thấp hèn cần phải lên án, đấu tranh vì nó trái với đạo đức của dân tộc. Người dạy: “Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon mặc đẹp, như vậy là không có đạo đức” [8.t8.312]. Đạo đức quyết định lối sống, do đó muốn xây dựng lối sống mới trước hết phải bắt đầu từ việc xây dựng, thực hành đạo đức mới. Chỉ có dựa trên cái nền đạo đức mới thì mới xây dựng được lối sống mới, lành mạnh, vui tươi hướng con người tới tầm cao của văn hóa, của một đất nước độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Đạo đức có quan hệ chặt chẽ với lối sống. Đạo đức là mặt nội dung, quy định lối sống. Còn lối sống là mặt thể hiện của đạo đức. Do đó, giáo dục đạo đức chính là giáo dục lối sống một cách gián tiếp, là quá trình định hướng lối sống cho mỗi cá nhân và toàn xã hội.

II. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC VÀO VIỆC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CỦA THANH NIÊN HIỆN NAY

1. Tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên

Thanh niên là trụ cột của đất nước, là lực lượng quan trọng của cách mạng. Do đó trong những năm đầu của thế kỷ XX, khi đất nước đang chìm đắm trong cảnh nô lệ, Hồ Chí Minh đã khẳng định muốn thức tỉnh dân tộc đứng lên đấu tranh giành lại độc lập thì trước hết phải thức tỉnh thanh niên. Từ sự khẳng định đó, Người đã nhìn nhận thực trạng của thanh niên chưa được tổ chức, giáo dục trước tình hình của đất nước: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”. Vì vậy, việc giáo dục bồi dưỡng cho thanh niên, giác ngộ lý tưởng cách mạng cho họ là vấn đề cấp thiết trong mọi thời kỳ. Muốn làm cách mạng phải có đạo đức cách mạng, trong đó vấn đề giáo dục đạo đức, lối sống của thanh niên Hồ Chí Minh luôn đặt lên vị trí hàng đầu. Năm 1925, trong bài giảng cho các hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên về Đạo đức – Tư cách người cách mạng, Người tóm tắt 23 điều với 3 phần: đối với mình, với người, với việc, sau đó Người viết những tác phẩm: Con đường giải phóng (1940), Sửa đổi lối làm việc (1947), Cần Kiệm Liêm Chính (1949), Đạo đức công dân (1955), Đạo đức cách mạng (1958)... tất cả những nội dung đó đều gắn liền với việc giáo dục đạo đức lối sống cho thanh niên lúc bấy giờ, cũng như hiện nay. Hồ Chí Minh khẳng định và gửi gắm niềm tin của mình vào thế hệ trẻ: “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, mạnh hay yếu, một phần là do thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm việc chuẩn bị cái tương lai đó” [8.t5.185]

Giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên góp phần hình thành nhân cách, định hướng và phát triển năng lực của mỗi cá nhân để hoàn thiện nhân cách. Bởi người có đức bao giờ cũng cố gắng học tập nâng cao trình độ, năng lực để làm những việc có lợi cho đất nước với ý thức tự giác cao, không có sự đố kỵ mà luôn quý trọng hiền tài, đúng như Hồ Chí Minh đã nói: “Thanh niên bây giờ là thế hệ vẻ vang, cho nên phải tự giác tự nguyện cải tạo tư tưởng của mình để xứng đáng với nhiệm vụ của mình. Tức là thanh niên phải có đức, có tài. Có tài mà không có đức ví như một anh làm kinh tế tài chính rất giỏi nhưng lại đi đến thụt két thì chẳng những không làm được lợi ích gì cho xã hội, mà còn có hại cho xã hội nữa. Nếu có đức mà không có tài ví như ông bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người” [8.t9.172].

Là thành tố cơ bản của nhân cách, đạo đức còn được thể hiện trong lối sống, trong quan hệ ứng xử của con người trong xã hội. Nói cách khác, lối sống có quan hệ với nhân cách và là mặt thể hiện của nhân cách ra bên ngoài. Vì vậy, giáo dục đạo đức lối sống cho thanh niên sẽ góp phần chuyển biến các quan niệm từ tự phát sang tự giác; truyền bá những giá trị đạo đức tốt đẹp mà thế hệ trước truyền lại, nhận ra giá trị và ý nghĩa cuộc sống mang tính nhân bản, nhân văn, nhân ái; tạo ra những giá trị đạo đức mới, lối sống mới; hình thành thái độ niềm tin, tình cảm, chống tâm lý tự ti tự lợi, chỉ lo lợi ích riêng, chống thói xem khinh lao động, nhất là

lao động chân tay; chống lười biếng xa xỉ, kiêu ngạo, giả tạo, khoe khoang, úy mị... giúp con người vươn tới chân – thiện – mỹ.

Thanh niên có nhiều ưu điểm hăng hái, quyết tâm đi đầu trong mọi công việc, song cũng có những hạn chế, đó là chuộng hình thức, thiếu thực tế, bệnh anh hùng, cá nhân, cho nên giáo dục đạo đức, lối sống còn là biện pháp giúp cho thanh niên tránh được những tác động tiêu cực trong đời sống xã hội, nhận thức được đúng sai, tích cực và tiêu cực, ánh sáng và bóng tối, bạn và thù... vì thanh niên là đối tượng mà kẻ thù thường nghiên cứu, xâm nhập và lôi kéo họ bằng nhiều phương thức thủ đoạn khác nhau. Giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên chính là giúp họ trở thành những công dân tốt, người lao động tốt, xứng đáng là người chủ nước nhà, làm việc có lợi cho nước nhà, vì lợi ích của nước nhà mà phấn đấu hy sinh, khi làm bất cứ việc gì cũng phải nghĩ đến đồng bào, đến đất nước trước khi nghĩ đến mình. Vì thế phải hết sức quan tâm giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ, thế hệ thanh niên trong thời đại mới, đó là vấn đề quan trọng hiện nay.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức vào việc giáo dục đạo đức, lối sống của thanh niên hiện nay

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức là định hướng quan trọng đối với sự phát triển của con người, của mỗi cá nhân, đó còn là những dự báo thiên tài của Người đối với thế hệ thanh niên trong thời đại mới – thời đại Hồ Chí Minh. Mọi dự báo của Người đều dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn, có giá trị đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong việc đào tạo và rèn luyện con người trở thành con người mới XHCN, nó được kiểm nghiệm trong thực tế, đánh giá được những ưu điểm và hạn chế của thanh niên, từ đó có biện pháp khắc phục. Đúng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã viết về Hồ Chí Minh: “Trong cuộc đấu tranh giữa những con người có ý thức, mỗi đời thay đều trải qua những quá trình diễn biến thường là hết sức phức tạp. Người lãnh đạo cách mạng phải tìm ra được quy luật chung và quy luật riêng của sự vật, giữa một mớ hỗn độn những hiện tượng giả, thật khó phân, giữa vô vàn mối liên hệ chằng chịt, tất cả đều vận động phát triển không ngừng. Việc dự kiến chính xác, khoa học của chiều hướng phát triển sự vật, những tình huống lớn xảy ra trong tương lai vô cùng quan trọng trong công tác cách mạng” [19.274]. Xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh sánh vai với các cường quốc năm châu là do thế hệ thanh niên Việt Nam quyết định, vì vậy phải quan tâm giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên hiện nay. Cụ thể:

a. Giáo dục đạo đức

Vấn đề quan trọng hàng đầu là làm cho thanh niên nhận thức được đạo đức cách mạng là giữ vững lập trường, tận trung với nước, tận hiếu với dân. Thanh niên phải biết đấu tranh bảo vệ quyền lợi của nhân dân, phải làm những việc có lợi cho quốc gia dân tộc. Hồ Chí Minh dạy thanh niên “việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại đến dân ta phải hết sức tránh” [8.t4.56-57]. Trung với nước thì thanh niên phải đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của cách mạng lên trên hết, quyết tâm phấn đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng, của cách mạng; phấn đấu thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cống hiến hết sức mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiếu với dân thì phải biết yêu mến, quý trọng nhân dân, biết chăm lo và bảo vệ lợi ích của nhân dân, giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhiệm vụ và quyền lợi “Nhiệm vụ của thanh niên không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà? Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hy sinh phấn đấu chừng nào” [8.t7.455];

từ đó đấu tranh chống lại những biểu hiện sách nhiễu, phiền hà đến nhân dân. Đó là cơ sở để thanh niên được nhân dân tin yêu, đoàn kết chặt chẽ với dân.

Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên phải chú trọng đến việc giáo dục những chuẩn mực đạo đức cách mạng cao quý như: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Mỗi đức tính có một nội dung riêng nhưng lại liên quan mật thiết với nhau tạo nên bản chất của con người, cho nên thanh niên phải trung thành, dũng cảm, khiêm tốn, không nên cho mình là tài giỏi, không nên khoe công, không nên tự phụ.

Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên còn là giáo dục tình yêu thương con người. Theo Hồ Chí Minh người cách mạng còn là những con người giàu tình cảm, quý trọng con người, hy sinh về con người. Đó là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn, đồng chí, đồng bào, nhân loại, cho nên phải biết yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau trong lúc thuận lợi cũng như khó khăn; đấu tranh chống lại mọi hành vi chà đạp nên phẩm giá con người.

Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên còn là giáo dục lòng yêu nước. Hồ Chí Minh từng khẳng định nhiệm vụ của nhà trường là “phải dạy cho học trò biết yêu nước, thương nòi. Phải dạy cho họ có ý chí tự lập, tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ” [8.t5.102]. Tại đại hội sinh viên lần thứ II (1958), Người dạy thanh niên phải có sáu cái yêu: Tổ quốc, nhân dân, xã hội chủ nghĩa, lao động, khoa học và kỹ thuật, trong đó yêu Tổ quốc, yêu nhân dân được đặt lên vị trí hàng đầu. Vì thế, phải biết giáo dục truyền thống dân tộc và truyền thống cách mạng, thông qua giáo dục những truyền thống mà ý thức và hành động của thanh niên được nâng lên, làm cho thanh niên thấy được giá trị và ý nghĩa của cuộc sống hòa bình, độc lập, tự do, từ đó thôi thúc thanh niên vượt qua mọi khó khăn, xây dựng và phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh. Yêu nước ngày nay gắn với lao động, việc làm, thể hiện qua sự rèn luyện, làm tốt các công việc mà cơ quan đoàn thể giao cho. Tuy nhiên, vũ khí của lòng yêu nước của thanh niên hiện nay chính là tri thức, là bản sắc văn hóa dân tộc và quyết tâm sẵn sàng vượt qua khó khăn vì quyền lợi của Tổ quốc.

Giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên còn gắn liền với giáo dục lý tưởng cách mạng, lý tưởng mà Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn. Lý tưởng cách mạng mà Hồ Chí Minh quan tâm giáo dục cho thanh niên để họ có nhận thức đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, đó là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Có giác ngộ lý tưởng mới giúp thanh niên hiểu được lý tưởng cách mạng cao đẹp như thế nào, thấy được trách nhiệm của mình trong việc thực hiện lý tưởng. Vì thế, giác ngộ lý tưởng cách mạng còn là giáo dục cho thanh niên lý tưởng sống và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo, song cũng cần phải bồi dưỡng chí khí cách mạng cho thanh niên, đó là ý chí, nghị lực, khí phách, khí tiết, tính kiên trì, nhẫn nại, vượt khó... Trong mọi công việc, thanh niên cần phải nêu cao tinh thần đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên. Trong mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, thanh niên phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà, do đó muốn hết lòng hết sức phục vụ nhân dân thì thanh niên cần phải biết đấu tranh chống lại chủ nghĩa cá nhân, sự ích kỷ, hẹp hòi, gia trưởng, cục bộ địa phương, học tập rèn luyện “mình vì mọi người”, biết đặt lợi ích của đất nước, của dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, ít lòng ham muốn về vật chất... “Không tham địa vị; không tham tiền tài; không tham sung sướng; không ham người tặng bót mình” [8.5.640], đó mới chính là người quang minh chính đại.

b. Giáo dục về lối sống

Giáo dục lối sống cho thanh niên là phải làm cho thanh niên có nhận thức đúng đắn, biết yêu lao động, giản dị, trung thực; sống có hoài bão ước mơ, có nghị lực, có tình bạn tình yêu trong sáng...

Thanh niên là lực lượng lao động chính của xã hội, xã hội có phát triển hay không còn tùy thuộc vào thái độ của thanh niên. Vì vậy Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm giáo dục cho thanh niên tình yêu đối với lao động, làm cho thanh niên nhận thức được lao động là bổn phận, là trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc. Người dạy: “Lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta” [8.t10.313], từ nhận thức của thanh niên sẽ sửa đổi tư tưởng ỷ lại, lười biếng, coi khinh lao động. Do vậy yêu lao động, thanh niên phải biết quý trọng thành quả lao động, biết bảo vệ của công, biết chi tiêu hợp lý, không xa hoa lãng phí; hăng hái tham gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, lao động có kỹ thuật, có kế hoạch và đạt năng suất cao.

Bên cạnh sự tham gia lao động, thanh niên phải rèn luyện phong cách sống của con người mới, đó là lối sống trung thực, giản dị, có lý có tình. Thanh niên phải biết tôn trọng sự thật, yêu lẽ phải, lánh xa sự giả dối; sống có can đảm có dũng khí thì mới đấu tranh chống lại những biểu hiện sai trái cản trở sự phát triển của xã hội, bảo vệ lẽ phải, bảo vệ công lý, sự công bằng bình đẳng.

Trong cuộc đời và sự nghiệp vì nước vì dân, Hồ Chí Minh luôn hướng thanh niên vươn tới lối sống cao đẹp. Người nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn đến tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [8.t4.161]. Con đường thực hiện ước mơ hoài bão, mục tiêu lý tưởng có nhiều khó khăn, thử thách, đòi hỏi phải có ý chí, nghị lực thì mới có thể vượt qua, cho nên thanh niên phải rèn luyện tính kiên trì và nhẫn nại, cầu tiến và học hỏi, đấu tranh chống lại thói kiêu căng, ích kỷ...

Thanh niên phải biết thương yêu giúp đỡ mọi người, có sự cao thượng, bao dung, nhân ái, thủy chung, không tính toán, không vụ lợi, biết tôn trọng các giá trị con người. Trong tình bạn, tình yêu phải đúng mực, có sự cảm thông, độ lượng, quan tâm giúp đỡ nhau từ lời nói đến việc làm, tình bạn còn là cơ sở cho tình yêu bền chặt, trong sáng.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức vào việc giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên hiện nay là trách nhiệm chung của gia đình, nhà trường và toàn xã hội. Gia đình là môi trường đầu tiên mà con người tiếp nhận sự giáo dục trong quá trình hình thành và phát triển, các khả năng như ngôn ngữ, tình cảm, tư duy, trí tuệ đã lớn dần lên trong nhận thức, từ trong gia đình tuổi trẻ đã tiếp nhận các giá trị đạo lý, lối sống, trật tự kỷ cương và các giá trị xã hội. Những tấm gương trong gia đình đã định hướng nhân cách, lối sống của con người trở thành những công dân có ích cho xã hội. Do vậy, cùng với gia đình, nhà trường và xã hội sẽ tạo điều kiện tốt nhất để thanh niên phát triển một cách hài hòa, toàn diện các mặt đức, trí, thể, mỹ, trở thành những người kế tục sự nghiệp cách mạng to lớn của Đảng và nhân dân ta.

c. Giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên trường Đại học Cảnh sát nhân dân

Giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên hiện nay là vấn đề quan trọng mà toàn Đảng, toàn dân đang quan tâm, cho nên ngay từ khi mới vào trường sinh viên trường Đại học Cảnh sát nhân dân được Đảng, ngành Công an và các đoàn thể quan tâm giáo dục để phát triển toàn diện về mọi mặt. Sinh viên không chỉ nắm vững lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, mà còn phải thường xuyên rèn luyện tu

dưỡng phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, lấy Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân (1948) làm phương hướng cho mục tiêu phấn đấu, học tập và rèn luyện của mình.

“Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.

Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.

Đối với chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo” [8.t5.406-407]

Sáu điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với việc nâng cao khả năng hoàn thiện nhân cách của mỗi cán bộ, chiến sĩ Công an. Giá trị của nó mang tính vượt không gian và thời gian, mặc dù đã hơn 60 năm nhưng Sáu điều Bác dạy vẫn giữ nguyên giá trị của nó, vẫn có tầm quan trọng đặc biệt đối với mỗi sinh viên đại học Cảnh sát nhân dân. Do vậy, muốn trở thành những chiến sĩ giỏi, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, bảo vệ cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân thì mỗi sinh viên phải luôn phấn đấu học tập và rèn luyện, xây dựng cho mình lối sống vì mọi người, tác phong làm việc khoa học và ý chí tự lập tự cường, độc lập trong tư duy. Phải xây dựng cho mình động cơ đúng đắn, một lý tưởng cao đẹp, kế thừa và phát huy chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Thực tiễn qua các khóa học (từ 2005-2008) đã chứng minh các hoạt động của sinh viên trong quá trình phấn đấu học tập và rèn luyện là đúng, như:

- **Về học tập:**

Kết quả học tập của sinh viên đạt được thể hiện qua điểm thi. Bình quân điểm thi của một sinh viên tăng dần qua từng năm học: 6.28 (năm học 2005 – 2006); 6.35 (năm học 2006 – 2007); 6.52 (năm học 2007 – 2008). Hàng năm, số lượng sinh viên đạt điểm khá giỏi tương đối cao, điểm yếu kém chiếm tỉ lệ thấp. Cụ thể:

Số lượng sinh viên đạt điểm khá, giỏi tương đối cao: năm học 2004 – 2005: 49.43% sinh viên đạt điểm khá, giỏi; năm học 2005 – 2006, tỉ lệ này là 44.03%; năm học 2006 – 2007: có 1,11% sinh viên đạt điểm xuất sắc, 42.91% sinh viên đạt điểm khá giỏi. Năm 2007 – 2008: có 1.34% sinh viên đạt điểm xuất sắc; 50.08% đạt điểm khá, giỏi.

Điểm trung bình khá, trung bình năm học 2004 – 2005 là 46.41%; năm học 2005 – 2006: tỷ lệ này đạt 50.28% tăng 3.87% so với năm trước; năm học 2006 – 2007: giảm 2.25%, đạt 50.03% và năm học 2007 – 2008: tỷ lệ này giảm 4.09% đạt 45.94%.

Điểm yếu, kém giảm dần qua các năm học: năm học 2005 – 2006: 5.74% sinh viên đạt điểm yếu, kém, tăng 1.58% so với năm học 2004 – 2005; tỷ lệ này giảm liên tục ở các năm học tiếp theo, năm học 2006 – 2007: 5.74%, giảm 1.38%; năm học 2007 – 2008: đạt 3.28%, giảm 1.08% so với năm học trước.

Như vậy, qua từng năm học tỷ lệ điểm thi của sinh viên đạt loại xuất sắc, khá, giỏi tăng; điểm thi đạt loại trung bình khá, trung bình, yếu, kém giảm.

Kết quả học tập chung của sinh viên: năm học 2005 – 2006, giỏi: 02 sinh viên, khá: 195 sinh viên (chiếm tỷ lệ 12.02%). Năm học 2006 – 2007, giỏi: 05 sinh viên, khá: 244 sinh viên (chiếm tỷ lệ 14.8%, tăng 2.78% so với năm học trước), năm học 2007 – 2008, giỏi: 31 sinh viên, khá: 466 sinh viên (tăng 7.09% so với năm

trước). Như vậy, số sinh viên đạt loại giỏi và tiên tiến liên tục tăng nhanh, thể hiện sự tiến bộ của các sinh viên qua từng năm học.

Cuối mỗi khóa học, 100% sinh viên đủ điều kiện thi tốt nghiệp. Năm học 2007 – 2008, kết quả thi tốt nghiệp đạt yêu cầu 99%, trong đó tỷ lệ khá giỏi đạt 11.55%.

Hoạt động học thêm ngoài giờ các môn tin học, ngoại ngữ, lái xe ô tô đã thu hút được nhiều sinh viên tham gia, nhằm nâng cao kiến thức của sinh viên trên nhiều mặt.

- Về rèn luyện:

Kết quả phân loại rèn luyện của sinh viên được thể hiện cụ thể qua số liệu như sau:

Tính trung bình (năm học 2004 – 2008), kết quả rèn luyện của sinh viên đạt được: rèn luyện tốt 1678 sinh viên, chiếm 88.9% tổng số sinh viên; rèn luyện khá có 631 sinh viên, chiếm 8.45%; rèn luyện trung bình có 53 sinh viên, chiếm 0.71%; rèn luyện yếu có 68 sinh viên, chiếm 0.91%.

So sánh sự tăng giảm số liệu hàng năm cho thấy: số sinh viên đạt rèn luyện tốt tăng, giảm không ổn định nhưng luôn chiếm tỷ lệ cao: năm học 2005 – 2006, 90.4% sinh viên đạt rèn luyện tốt tăng 0.6% so với năm học 2004 – 2005: đạt 89.8%; năm học 2006 – 2007 giảm 2.4% đạt 88%; năm học 2007 – 2008 tăng 3.41% đạt 91.41%.

Số sinh viên rèn luyện khá cũng tăng giảm không ổn định: năm học 2005 – 2006 giảm 0.9% so với năm học 2004 – 2005, đến năm học 2006 – 2007 tăng 2.48% và giảm 4.55% năm học 2007 – 2008.

Số sinh viên rèn luyện đạt mức trung bình chủ yếu là tăng: năm học 2005 – 2006 giảm 0.5% so với năm học 2004 – 2005, nhưng tăng 0.14% trong năm học 2006 – 2007 và tăng nhanh 1.49% trong năm 2007 – 2008.

Số sinh viên xếp loại rèn luyện yếu có xu hướng giảm: năm học 2005 – 2006 tăng 0.4% so với năm học 2004 – 2005, nhưng giảm 0.16% trong năm 2006 – 2007 và giảm 0.24% trong năm 2007 – 2008.

Số sinh viên bị kỷ luật: năm học 2004 – 2005: 14 sinh viên, chiếm 0.55%.

Năm học 2005 – 2006 số lượng này lên tới 26 sinh viên, chiếm 1.3%, tăng 0.26% so với năm học 2004 – 2005, trong đó 02 sinh viên bị buộc thôi học, 08 sinh viên bị cảnh cáo, 16 sinh viên bị khiển trách.

Năm học 2006 – 2007: có 26 sinh viên bị kỷ luật, chiếm 1.24%, giảm 0.06% so với năm học trước. Trong đó, buộc thôi học 01 sinh viên, cảnh cáo 10 sinh viên, khiển trách 15 sinh viên.

Năm học 2007 – 2008: có 27 sinh viên bị kỷ luật, chiếm 1.03%, giảm 0.21% so với năm học 2006 – 2007. Trong đó, có 01 sinh viên buộc thôi học, 09 sinh viên bị cảnh cáo và 17 sinh viên bị khiển trách.

Như vậy, số sinh viên vi phạm kỷ luật không giảm nhiều, số sinh viên bị cảnh cáo còn cao, tập trung nhiều nhất là hình thức kỷ luật khiển trách.

- Về nghiên cứu khoa học:

Phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học không ngừng phát triển: năm học 2005 – 2006, có sinh viên đăng ký tham gia nghiên cứu 52 đề tài cấp cơ sở, 11 đề tài tham gia giải thưởng EUREKA cấp Thành đoàn, trong đó có 02 đề tài đạt giải khuyến khích, 20 đề tài tham gia thi “Sinh viên nghiên cứu khoa học” cấp Bộ với nhiều chủ đề có tính thực tiễn cao.

Năm học 2006 – 2007, có 235 sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học với 57 đề tài cấp trường, 38 đề tài và 78 khóa luận tốt nghiệp. Kết quả có 01 đề tài đạt loại xuất sắc, 53 khá và 03 trung bình.

Năm học 2007 – 2008, sinh viên nghiên cứu 68 đề tài cấp trường, 60 khóa luận tốt nghiệp. Kết quả, 60 đề tài đạt loại khá, 02 đề tài đạt loại trung bình; 04 khóa luận tốt nghiệp đạt loại xuất sắc, 56 đạt loại giỏi. Có 04 đề tài tham gia cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ đạt 01 giải nhì, 03 giải khuyến khích, 10 sinh viên được tặng bằng khen của Bộ giáo dục và đào tạo.

Như vậy, số lượng sinh viên và đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học ngày càng tăng qua từng năm học, chất lượng nghiên cứu ngày càng được nâng cao, đó là kết quả mà sinh viên đạt được bằng sự nỗ lực phấn đấu của mình, dưới sự hướng dẫn của cán bộ, giảng viên, đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên nghiên cứu đạt kết quả tốt.

Để phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế của mình, sinh viên cần chú ý những vấn đề sau đây:

Một là, không ngừng học tập và nâng cao nhận thức lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng

Để nâng cao đạo đức cách mạng, yêu cầu đặt ra là sinh viên không chỉ học tập nắm vững những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn phải gắn với quá trình học tập rèn luyện về mọi mặt. Phải xác định đúng mục đích học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để nắm được bản chất cách mạng và khoa học, phương hướng phát triển, chứ không phải câu chữ, giáo điều, nguyên tắc. Đến với nó đòi hỏi mỗi người phải có cá tâm trong sáng và cái đức cao đẹp, song để hiện thực nó trong cuộc sống thì đòi hỏi người cách mạng không chỉ có cái tâm cái đức mà còn phải có trí tuệ, đó là điều kiện đảm bảo cho người cách mạng giữ vững được chủ nghĩa mà mình tin tưởng, lựa chọn và đi theo. Trên cơ sở đó, sinh viên nâng cao khả năng nhận thức của mình về thế giới quan và nhân sinh quan cách mạng, xây dựng cho mình lập trường, quan điểm và phương pháp đúng đắn phục vụ cho học tập và cho công tác sau này.

Từ lý luận đến thực tiễn vẫn còn khoảng cách nhất định, song một khi đã nắm vững lý luận thì nó có tác dụng lớn khi áp dụng vào thực tiễn, để tìm ra quy luật vận động và phát triển của xã hội, nhất là xã hội có giai cấp. Chúng ta đều biết rằng trường đại học Cảnh sát nhân dân là cơ sở đào tạo những nhân tài cho Ngành và cho đất nước, tại đây sinh viên không những có điều kiện học tập rèn luyện dưới sự hướng dẫn của đội ngũ cán bộ có trình độ cao, mà còn tiếp xúc với nguồn tài liệu khá phong phú từ các tác phẩm kinh điển đến các tác phẩm của C.Mác, Ăngghen, Lênin toàn tập, Hồ Chí Minh toàn tập và các văn kiện khác để sinh viên phân tích, so sánh và thấy rằng cuộc sống hiện tại hôm nay là niềm ao ước của cha ông ta, của nhân dân bị áp bức bóc lột luôn đấu tranh cho hòa bình và sự tiến bộ của xã hội. Từ đó xây dựng cho mình niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng - đội tiên phong của giai cấp công nhân, khẳng định con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta mà Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta lựa chọn là hoàn toàn đúng đắn.

Trong quá trình học tập sinh viên phải nỗ lực phấn đấu vượt bậc, lựa chọn cho mình một phương pháp học tập thích hợp để đạt kết quả cao, biết tiếp thu và vận dụng những phương pháp học tốt của người đi trước để tìm cho mình cách học phù hợp với khả năng, vượt qua khó khăn thử thách ban đầu cũng là phẩm chất tốt của sinh viên. Sinh viên phải thấm nhuần quan điểm của Đảng tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (năm 1991), Đảng ta đã khẳng định lấy chủ nghĩa Mác –

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Vì thế, sinh viên trung thành với mục đích lý tưởng của Đảng chính là trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, với con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đó cũng là nhận thức cách mạng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Có trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân thì sinh viên mới xác định rõ ràng hơn về nghề nghiệp, mới gắn bó với nghề nghiệp, hiểu công an là công cụ của Đảng của Nhà nước, là cơ quan thi hành pháp luật và bảo vệ pháp luật, muốn làm tròn được nhiệm vụ của mình thì công an phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phải gương mẫu thi hành chính sách, pháp luật, có như vậy thì mới đảm bảo cho sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Với tư cách là lực lượng giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội cho nên trong công tác, học tập và chiến đấu đòi hỏi phải có sự chính xác cao. Vì vậy mỗi cán bộ, chiến sĩ phải hết sức thận trọng, đó không chỉ là yêu cầu bắt buộc mà còn là thước đo lòng trung thành tuyệt đối với Đảng và nhân dân.

Hai là, xây dựng lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm liêm chính, tôn trọng kỷ cương phép nước

Là những sĩ quan cảnh sát tương lai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, cho nên ngay từ đầu sinh viên phải không ngừng rèn luyện tư thế tác phong của mình từ lời nói, dáng đi, phong cách học tập, làm việc đến các hoạt động khác. Nói và làm đi đôi với nhau, trung thực và tôn trọng lẽ phải, bảo vệ sự công bằng trong trường, lớp học. Trong các quan hệ ấy phải có thái độ quan điểm rõ ràng, dũng cảm trong đấu tranh vì sự phát triển của mỗi người, mỗi tổ chức và xã hội. Thực hiện đầy mạnh tự phê bình và phê bình, dám nhìn thẳng vào sự thật, nói thẳng, nói thật... bởi đối lập với sự thật là dối trá, là đạo đức giả, do đó phải mạnh dạn đấu tranh với những hành vi phi đạo đức, tẩy sạch những căn bệnh ngự trị trong con người như: bệnh tham lam, lười biếng, kiêu ngạo, ích kỷ hẹp hòi, xu nịnh, thiếu kỷ luật, óc địa phương, bè phái, cá nhân, tị nạnh... để cùng nhau tiến bộ. Để làm được điều đó, mỗi sinh viên phải sống thẳng thắn, phải trung thực thực hiện tốt trách nhiệm đối với bản thân, đối với công việc và cộng đồng xã hội, phải xây dựng tính tập thể, cộng đồng để tạo nên sức mạnh quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nguồn gốc nảy sinh những tiêu cực trong xã hội, đó chính là nguyên tắc đạo đức cơ bản trong đời sống xã hội chủ nghĩa, bắt nguồn từ truyền thống đạo đức của con người Việt Nam đã có từ lâu đời trong lịch sử.

Nếp sống văn minh là lối sống mới đã trở thành thói quen ở mỗi người, thành phong tục tập quán của cả một cộng đồng, mở rộng phạm vi trong cả nước. Nếp sống văn minh luôn có sự kế thừa truyền thống tinh thần tốt đẹp, những thuần phong mỹ tục lâu đời của nhân dân ta, cho nên sinh viên phải biết cải tạo cái lạc hậu, phát triển cái mới, cái gì cũ mà xấu thì phải loại bỏ; cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì sửa đổi; cái gì cũ mà tốt thì phát triển thêm; cái gì mới mà hay thì ta phải làm... để xây dựng hình ảnh tốt đẹp của sinh viên, của tuổi trẻ Công an nhân dân, với tinh thần “ Tuổi trẻ Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân sống có văn hóa, gương mẫu chấp hành điều lệnh Công an nhân dân”.

Ngoài ra, sinh viên phải hiểu cả việc xây dựng đời sống mới, gắn liền đời sống mới riêng và đời sống mới chung: Đời sống mới riêng gắn với từng người – trẻ em hay người lớn, người giàu hay người nghèo, người chủ hay người thợ, thầy giáo hay học trò, cán bộ đảng viên hay người dân, chủ tịch chính phủ hay người chạy giấy, người quét dọn trong một cơ quan...; Đời sống mới chung gắn với từng nhà,

từng gia đình, từng cơ quan, nhà máy, công sở, trường học, bộ đội, công an... từ làng xã đến phố phường, từ đồng bằng đến trung du miền núi, từ khu vực vùng miền đến cả nước.

Như vậy, mỗi người trong xã hội nói chung và sinh viên nói riêng đều có ý thức tự giác thực hiện tốt đời sống mới thì sẽ thực hiện được nếp sống mới hay còn gọi là nếp sống văn minh.

Sống trong một xã hội độc lập tự do, quyền lợi của con người được pháp luật bảo vệ, nên tuân thủ pháp luật và thực hiện nghĩa vụ của mình đối với đất nước là nguyên tắc trong quá trình hoạt động của con người góp phần ổn định xã hội, đối với sinh viên cũng vậy cần phải gương mẫu, đi đầu trong việc chấp hành pháp luật, chấp hành điều lệnh Công an nhân dân, các nội quy quy định của nhà trường, của ngành... không được tùy tiện hay bao che cho các hành vi vi phạm pháp luật, phải tăng cường bảo vệ pháp luật, chủ động tiến công và đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm pháp luật, có như vậy thì mới xử lý nghiêm minh đối với bất kỳ người nào khi vi phạm, kể cả những người có chức có quyền.

Ba là, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, rèn luyện thành phẩm chất đạo đức của con người mới

Qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã hình thành nên truyền thống tốt đẹp với những giá trị bền vững, tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; đoàn kết tương thân tương ái, luôn giúp đỡ lẫn nhau trong lúc hoạn nạn khó khăn; có tinh thần lạc quan yêu đời, tin tưởng vào sức mạnh mình; cần cù, thông minh, sáng tạo, không ngừng học hỏi và mở rộng cửa đón nhận tinh hoa văn hóa nhân loại; tinh tế trong ứng xử, giản dị trong lối sống... chính những giá trị truyền thống ấy đã trở thành nền tảng vững chắc của mỗi con người Việt Nam. Truyền thống ấy được nâng lên ở một tầm cao một chiều sâu mới khi được kết hợp với tư tưởng tiến bộ của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vì vậy sinh viên phải rèn luyện truyền thống ấy thành phẩm chất đạo đức cách mạng mới, thành người trung thực khiêm tốn, yêu Ngành, yêu nghề, kính trọng người già, tôn trọng phụ nữ, lịch sự và niềm nở với bạn bè quốc tế... hết lòng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân.

Yêu nước ngày nay được biểu hiện ở những công việc hàng ngày mà sinh viên đang thực hiện, đó là các phong trào thi đua học tập, thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, giao lưu kết nghĩa... và các hoạt động xã hội: “ánh sáng văn hóa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “thanh niên tình nguyện”, “chiến dịch mùa hè xanh”, “hiến máu nhân đạo”, xây dựng nhà tình nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt... những hoạt động đó đã hình thành trong mỗi sinh viên lòng nhân ái, ý thức trách nhiệm của mình trước cộng đồng xã hội. Trên cơ sở nhận thức đó xây dựng cho mình mối quan hệ đoàn kết giữa sinh viên với cộng đồng, giữa sinh viên với sinh viên, giữa sinh viên trong trường với sinh viên ngoài trường trên tinh thần đoàn kết, thân ái, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Bốn là, nghiêm túc thực hiện các nội dung giáo dục đạo đức cách mạng của nhà trường đối với sinh viên

Giáo dục đại học hiện nay rất phong phú, đa dạng về nội dung và hình thức, cho nên phải làm thế nào cho sinh viên phát triển toàn diện về mọi mặt, trở thành người xây dựng và bảo vệ đất nước, biết trân trọng và giữ gìn thành quả của cha ông thì giáo dục đại học mới có hiệu quả, mới thành công. Trước lúc đi xa, Hồ Chí Minh đã căn dặn: “cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ

trở thành những người kế thừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa hồng vừa chuyên” [8.t10.510].

Trong sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã khẳng định thanh niên là lực lượng xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, sự nghiệp đổi mới có thành công hay không phần lớn tùy thuộc vào thanh niên, vào sự rèn luyện bồi dưỡng thế hệ trẻ, bởi đó là một trong những nhân tố quyết định thành công của cách mạng.

Đối với sinh viên trường Đại học Cảnh sát nhân dân, một bộ phận quan trọng trong thanh niên Việt Nam, do đó sinh viên cần phải học tập và phấn đấu nhiều hơn nữa để đạt được tiêu chí: kiên định về tư tưởng chính trị, về lý tưởng mà mình đã lựa chọn, giỏi về pháp luật, tinh thông về nghiệp vụ, khỏe mạnh về thể chất, sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu mà Tổ quốc cần. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập tự do của đất nước. Quyết tâm của sinh viên khi còn ngồi trên ghế giảng đường đại học như vậy là tiền đề quan trọng cho công tác sau này với tư cách là một sĩ quan, một cán bộ đảng viên. Bởi vì đối với cán bộ, đảng viên Hồ Chí Minh yêu cầu: “tận trung, tận hiếu”, có như vậy mới xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

“Trung với nước hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”, đó là định hướng chính trị, đạo đức lớn nhất cho mỗi người tự hoàn thiện mình theo ngọn cờ tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Để hướng dẫn hoạt động của sinh viên đi đúng hướng, Đảng ủy – Ban Giám hiệu đã có chủ trương đúng đắn trong hoạt động giáo dục đào tạo, rèn luyện đạo đức nhân cách của sinh viên, thông qua dạy chữ để dạy người, thông qua đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường là tấm gương để sinh viên học tập và noi theo. Hồ Chí Minh căn dặn: “Muốn học sinh có đức thì giáo viên phải có đức... cho nên thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu, nhất là đối với trẻ con” [8.t9.492]; “nếu miệng mà tuyên truyền bảo người ta siêng làm, mà tự mình thì ngủ trưa, ngủ trễ; bảo người ta tiết kiệm, mà tự mình xa xỉ, lung tung, thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích” [8.t5.108].

Với tinh thần quyết tâm phấn đấu và vươn lên làm chủ chính mình, sinh viên đã hưởng ứng tích cực phong trào thi đua Dạy tốt - học tốt, đấu tranh chống các hành vi tiêu cực trong sinh viên, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp, “Sinh viên trường Đại học Cảnh sát nhân dân nói không với tiêu cực và tệ nạn xã hội”. Thực hiện tốt cuộc vận động “Công an nhân dân vì nước quên thân, vì dân phục vụ”, “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Tuổi trẻ Bộ Công an học tập và làm theo lời Bác”... do Ngành và nhà trường phát động. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người, sinh viên đã xác định lập trường quan điểm của mình: phấn đấu suốt đời cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia; rèn luyện ý chí và nghị lực, vượt qua mọi khó khăn thử thách để hoàn thành nhiệm vụ; luôn tin tưởng vào nhân dân, hết lòng phục vụ nhân dân; luôn rèn luyện mình thành con người nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, vì con người; thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, trong sáng, giản dị, khiêm tốn... để từng bước hoàn thiện nhân cách của mình để xứng đáng là sinh viên trường Đại học Cảnh sát nhân dân, xứng đáng là Sĩ quan cảnh sát nhân dân.

Chúng ta đều biết rằng, đối với mỗi người việc tu dưỡng đạo đức là hết sức cần thiết, thể hiện trong các mối quan hệ, trong hoạt động thực tiễn, trong việc

chung cũng như việc riêng, trong quan hệ xã hội từ rộng đến hẹp, trong quan hệ bạn bè, đồng chí, đến tập thể, cấp trên, với Đảng, Nhà nước, với dân và mối quan hệ quốc tế; gắn liền từ suy nghĩ đến hành động, học phải đi đôi với hành...do đó, sinh viên phải thấm nhuần sự huấn thị của Người về công tác huấn luyện và học tập (5/1950): “Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng. Có đạo đức cách mạng thì mới hy sinh, tận tụy với cách mạng, mới lãnh đạo được quần chúng đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn” hay “...Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”. Muốn đạt được mục đích, thì phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.” [8.t5.684]

KẾT LUẬN

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là nhà cách mạng thiên tài của dân tộc Việt Nam, mà còn là nhà khoa học có tầm nhìn xa trông rộng, mọi dự báo của Người sau nhiều năm đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, đã chứng minh rằng tầm nhìn chiến lược của Người bao giờ cũng mang tính đúng đắn ngay cả trong đấu tranh giành độc lập và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh khẳng định con người là chủ thể của xã hội, song phải hội tụ cho mình những chuẩn mực đạo đức cách mạng, thiếu một đức thì không thể thành người. Chính vì vậy mà Người đã quan tâm giáo dục đạo đức lối sống cho mọi người trong xã hội, trong đó có thanh niên, thế hệ tương lai của nước nhà, tổ chức và xây dựng họ trở thành một lực lượng đủ mạnh để bảo vệ thành quả của cách mạng.

Giáo dục đạo đức, lối sống cho thanh niên hiện nay là cần thiết để vận dụng và phát huy những chuẩn mực đạo đức của Hồ Chí Minh vào việc giáo dục thanh niên ngày càng tiên bộ, để thanh niên Việt Nam tự hào về lãnh tụ kính yêu, đã dẫn đường chỉ lối cho thanh niên từng bước trong quá trình phát triển và trưởng thành, trong quá trình lựa chọn cho mình một hướng đi đúng đắn, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Hồ Chí Minh đã từng nói “thanh niên là người chủ tương lai của đất nước” nhưng “muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải rèn luyện tinh thần và lực lượng của mình, phải làm việc chuẩn bị cái tương lai đó”.

Thấm nhuần quan điểm của Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn có sự quan tâm đến công tác giáo dục thanh niên về mọi mặt, đã đề ra nhiều chủ trương chính sách để tập hợp, giáo dục, đào tạo thanh niên trên cơ sở tôn trọng và đặt niềm tin vào thế hệ trẻ, chú trọng động viên mọi khả năng của thanh niên, coi thanh niên là đội quân hùng hậu của cách mạng có thể đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ nhiệm vụ gì mà Tổ quốc cần, đó là lực lượng trung thành với Đảng, với đất nước và dân tộc ta, lực lượng có đủ sức mạnh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hòa mình cùng với thanh niên cả nước, sinh viên trường Đại học Cảnh sát hôm nay đang nêu cao truyền thống xung kích, dám nghĩ, dám làm, ra sức tu dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, hướng tới tương lai bằng tất cả ước mơ, hoài bão và khát vọng của tuổi trẻ để góp phần xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, đồng thời biến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” của Đảng ta thành hiện thực./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban tư tưởng – Văn hóa Trung ương, *Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội 2007.
2. Ban tư tưởng – Văn hóa Trung ương, *Một số lời dạy và mẫu chuyện về tấm gương đạo đức của chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội 2007.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Bác Hồ với sự nghiệp giáo dục*, Nxb Giáo dục 2007.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội 2009.
5. C.Mác – Ăngghen, toàn tập, Nxb CTQG, H.1995.
6. Đại học quốc gia Hà Nội, *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội 2003.
7. Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập1-10, Nxb CTQG, Hà Nội, 2000.
8. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội 2002.
9. Huyện ủy – HĐND – UBND huyện Nam Đàn, Ninh Viết Giao (chủ biên), *Nam Đàn quê hương chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh - 2005.
10. Giáo sư Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý Luận Chính trị, 2009.
11. PGS, TS Thành Duy, *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người Việt Nam toàn diện*, Nxb CTQG, Hà Nội 2002.
12. Vũ Khiêu, *Mấy vấn đề đạo đức cách mạng*, Nxb TP. HCM - 1978.
13. *Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội 2007.
14. TS Trần Quy Nhơn, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng*, Nxb Thanh niên, Hà Nội 2003.
15. J.Stenson, *Hồ Chí Minh là nhân cách thời đại*, báo Tiền phong, 5-1994.
16. V.I.Lênin, *Bàn về thanh niên*, Nxb Thanh niên, H.2004.
17. *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, 1977.

Chuyên đề 3
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI VÀ VIỆC
XÂY DỰNG CON NGƯỜI TRONG LỰC LƯỢNG
CÔNG AN NHÂN DÂN HIỆN NAY

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của thế giới. Cuộc đời, sự nghiệp của Người đã phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho tự do và hạnh phúc của nhân dân. Đánh giá về Hồ Chí Minh, Nghị quyết của Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người đã viết: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội” [23, tr. 9].

Trong tình hình hiện nay, lĩnh vực an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội là vấn đề hệ trọng của mọi quốc gia, liên quan trực tiếp đến vận mệnh của từng dân tộc và cuộc sống hằng ngày của mọi người dân. Do đó, sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội có tầm quan trọng đặc biệt. Trong trận tuyến bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội có rất nhiều lực lượng tham gia, trong đó lực lượng Công an nhân dân giữ vai trò nòng cốt. Vì vậy, Hồ Chí Minh luôn chú ý đến việc xây dựng, củng cố lực lượng Công an nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Ngày nay với nền kinh tế thị trường cùng với xu thế toàn cầu hóa, các mối quan hệ ngày càng đan xen phức tạp trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội trong và ngoài nước đã tạo nên những thách thức lớn đối với việc giữ gìn an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Để giữ vững sự ổn định xã hội, góp phần vào sự thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước, thiết nghĩ phải đẩy mạnh nghiên cứu và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đó, việc tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và vận dụng vào việc xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại là thật sự cần thiết cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn.

Lực lượng Công an nhân dân là công cụ sắc bén của Đảng và Nhà nước. Trong những năm qua, đặc biệt là những năm gần đây, lực lượng Công an nhân dân đã mở cuộc vận động “Công an nhân dân chấp hành nghiêm điều lệnh, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, vì nước quên thân, vì dân phục vụ”; “Công an nhân dân học tập, làm theo sáu điều Bác Hồ dạy”... Đây là quá trình vận dụng tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh về con người nói riêng trong việc xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, trong quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về con người để xây dựng lực lượng Công an nhân dân vẫn còn những hạn chế nhất định. Do vậy, chúng tôi chọn đề tài: **“Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người với việc xây dựng con người trong lực lượng Công an nhân dân hiện nay”** làm tài liệu tham khảo.

1. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI VÀ NGƯỜI CÔNG AN CÁCH MẠNG

1.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về con người

Kế thừa có chọn lọc và *dùng hợp những giá trị tích cực* của học thuyết về con người trong lịch sử, Hồ Chí Minh đã sáng tạo những quan điểm cơ bản về con người:

Hồ Chí Minh không có bài viết chuyên luận về con người, khái niệm con người được Người sử dụng ở từng hoàn cảnh, điều kiện, khía cạnh khác nhau. Hồ Chí Minh có lần đã đưa ra quan niệm về chữ Người: “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người” [58, tr. 644].

Mặt khác, trong di sản tư tưởng của mình Hồ Chí Minh có sử dụng nhiều từ ngữ khác nhau để nói về con người như: Người, con người, người ta, quần chúng, dân chúng, dân, nhân dân, đồng bào...theo nhiều nghĩa khác nhau. Do đó, khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về con người phải đứng trên lập trường biện chứng và đặt trong các quan hệ nhất định:

Thứ nhất, Hồ Chí Minh thường dùng các từ: nhân dân, dân, quần chúng, đồng bào, cán bộ, đảng viên... là tùy theo hoàn cảnh, điều kiện, nội dung cụ thể, để đạt tới sự giản dị, dễ hiểu, nhưng rất chính xác, tinh tế theo đúng tinh thần của chủ nghĩa Mác, được sử dụng khi nói về con người trong lĩnh vực chính trị, xã hội. Còn khi nói tới những vấn đề của con người trong văn hóa, đạo đức, triết học... thì Hồ Chí Minh thường dùng các từ: con người, người.

Thứ hai, quan niệm về con người của Hồ Chí Minh vừa thể hiện rõ tính chất giai cấp, tính chất lịch sử của khái niệm đó, vừa hướng vào những giá trị chung của con người như hạnh phúc, tự do, dân chủ để vươn tới cái chân, thiện, mỹ, đạt tới lý tưởng nhân bản, nhân đạo của con người. Nó khác phục những hạn chế về tính giai cấp, tính lịch sử, để hướng tới những giá trị phổ biến của con người, nhằm đạt tới cơ sở cho sự đoàn kết dân tộc và quốc tế vì sự nghiệp chung là giải phóng con người. Do đó, khái niệm con người theo Hồ Chí Minh là khái niệm chung nhất, bao trùm lên các khái niệm riêng như: quần chúng, dân, đồng bào... nhưng đó không phải là “con người trừu tượng” mà là con người hiện thực, cảm tính, khách quan. Cho nên Hồ Chí Minh nói về con người thường là được biểu hiện qua: quần chúng, dân,

đồng bào và ngược lại, khi nói về quần chúng, dân, đồng bào... cũng tức là đang nói về con người. Nếu không đặt vấn đề như vậy, có thể sẽ hiểu không đúng quan niệm của Hồ Chí Minh về con người. Đây vừa là sự sáng tạo, vừa là biểu hiện một trí tuệ uyên bác, một nhân cách đạo đức cao thượng của Hồ Chí Minh. Hiểu con người theo nghĩa rộng rãi nhất, cách mạng nhất, biện chứng nhất, cho phép tư tưởng Hồ Chí Minh về con người dung hợp những giá trị tích cực của các chủ thuyết về con người trong lịch sử thành một “hệ thống mở” cho sự phát triển các quan niệm về con người của thế giới đương đại.

Con người trong quan niệm Hồ Chí Minh là một *chính thể thống nhất về thể lực, tâm lực, trí lực và sự hoạt động*. Nói cách khác, con người, bản thân nó là một hệ thống - cấu trúc bao gồm nhiều yếu tố: sức khỏe, đời sống tâm linh, tinh thần và vai trò chủ đạo của tri thức được thể hiện trong hoạt động. Các yếu tố này quan hệ chặt chẽ với nhau, làm điều kiện cho nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, tuy rằng vai trò của mỗi yếu tố không ngang bằng nhau. Một người khỏe mạnh thì sẽ có một đời sống tinh thần khỏe mạnh. Hồ Chí Minh nhìn nhận con người trong sự thống nhất của hai mặt đối lập: Người đời không phải là thánh thần, ai cũng có chỗ hay chỗ dở, ai cũng có tính tốt tính xấu, có thiện có ác... Các mặt đối lập đó không đơn thuần có nguồn gốc từ xã hội, nó còn có căn nguyên từ yếu tố sinh vật của con người. Hồ Chí Minh vừa thấy được cái căn nguyên sinh vật, vừa thấy được cái căn nguyên xã hội ảnh hưởng tới hành vi và đời sống con người. Đây là một sự kết hợp sáng tạo, khi đòi hỏi quá trình cải tạo xã hội, phải đồng thời và trước hết là cải tạo bản thân mỗi con người, hai quá trình này vừa là điều kiện, vừa là kết quả của nhau.

Hồ Chí Minh nói: “Con người ta đẻ ra, ai cũng lớn lên, già đi rồi chết” [63, tr. 469]. Đó là quy luật sinh học của con người, cho nên “Người ta ai cũng muốn sung sướng mạnh khỏe” [58, tr. 106]. Bởi vì, theo Hồ Chí Minh, sức khỏe là điều kiện rất quan trọng để làm việc có hiệu quả và có năng suất cao: “Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công” [57, tr. 212].

Nói đến con người là nói đến tâm lực, trí lực. Tâm lực, trí lực là mức độ biểu hiện của đời sống tinh thần của con người trong hoạt động. Con người tự phân biệt mình với động vật ở chỗ có ý thức. Do đó, cần phải thấy được vai trò cực kỳ quan trọng của đời sống tinh thần con người. Trong cuộc đời và tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh luôn nhận thấy vai trò hết sức quan trọng của nhân tố tinh thần, tôn trọng và làm cho đời sống tinh thần con người ngày càng phong phú. Hồ Chí Minh cho rằng: “Con người dù là xấu, tốt, văn minh hay dã man đều có tình” [60, tr. 60]. Chữ tình đó không chỉ là tình cảm anh - em, vợ - chồng, bạn bè, cha - con, dòng họ mà đó là tình người. Tình người theo nghĩa rộng nhất đó là đời sống tinh thần của con người, biểu hiện tập trung ở văn hóa - đạo đức. Đó là nhân tính, nó đối lập với thú tính của loài vật. Chính nhân tính dẫn con người tới văn hóa. Đã là con người đều yêu sự lành, ghét sự dữ, yêu cái thiện, cái tốt, ghét cái ác, cái xấu. Sức mạnh của ý thức cuối cùng phải được biểu hiện qua hoạt động thực tiễn của con người và cách thức tổ chức, quản lý, khai thác, sử dụng nó. Hồ Chí Minh thấy rõ sức mạnh của ý thức lý luận, hệ tư tưởng phụ thuộc vào mức độ thâm nhập vào đời sống thực tiễn của quần chúng trở thành phong tục tập quán, tâm trạng, tình cảm. Vì vậy mà “Bất cứ việc to việc nhỏ, chúng ta phải xét rõ và làm cho hợp trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ, kinh nghiệm tranh đấu, lòng ham, ý muốn, tình hình thiết thực của quần chúng. Do đó mà định cách làm việc, cách tổ chức” [58, tr. 248].

Trên lập trường duy vật lịch sử, Hồ Chí Minh cũng đã khẳng định *bản chất con người mang tính xã hội - lịch sử*, coi con người vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể của lịch sử, con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển xã hội. Con người ta muốn sống thì phải có ăn, mặc, ở, đi lại, muốn như vậy thì phải lao động. Tất cả của cải vật chất trong xã hội đều do những người lao động làm ra. Muốn lao động sản xuất thì con người phải liên kết với nhau trong tập thể, cộng đồng. Sự phát triển của lịch sử là quy luật không thể ngăn trở được. Cách sản xuất và sức sản xuất phát triển biến đổi mãi, do đó mà tư tưởng của con người, chế độ xã hội cũng biến đổi và phát triển, ý thức và nhận thức của con người cũng vậy. “Do sự sản xuất *vật chất* mà người ta hiểu biết dần dần *các hiện tượng, các tính chất, các quy luật và mối quan hệ* giữa người với giới tự nhiên. Lại do hoạt động sản xuất mà dần dần hiểu rõ *mối quan hệ giữa người này với người khác*” [59, tr. 247]. Tóm lại “Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, là nhờ lao động. Xây nên giàu có, tự do, dân chủ cũng là nhờ lao động. Trí thức mở mang cũng nhờ lao động (lao động trí thức). Vì vậy lao động là sức chính của sự tiến bộ loài người” [58, tr. 420]. Con người là sản phẩm lịch sử - cụ thể, do đó muốn nhận thức đúng về con người thì phải nhận thức đúng những điều kiện xã hội mà họ đang sống.

Đề cập đến bản sắc con người Việt Nam thì không chỉ đơn giản xem xét từ các giá trị truyền thống, mà còn dựa trên những điều kiện xã hội hiện thực, đáp ứng xu thế vận động của lịch sử.

Hồ Chí Minh trong khi tìm câu giải đáp cho những vấn đề lớn của thời đại đã biết kết hợp nhuần nhuyễn yếu tố dân tộc và quốc tế, giữa truyền thống và hiện đại, giữa cá nhân và cộng đồng. Sống trên một mảnh đất có lịch sử phát triển lâu dài, đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam là nền kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ là phổ biến, xã hội nông thôn, dân cư đa số là nông dân, thì con người Việt Nam mang căn tính nông dân là cơ bản. Thuộc tính này lại bị biến dạng bởi các quan hệ giai cấp trong một xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Do đó, cải tạo xã hội cũ, con người cũ sang một xã hội mới, con người mới là một quá trình lâu dài, khó khăn. Quá trình cải tạo tư tưởng phải dựa trên quá trình cải tạo và xây dựng xã hội mới thông qua hoạt động tích cực, sáng tạo của hàng triệu người. Do đó, vấn đề giải phóng con người, theo Hồ Chí Minh gắn liền với vấn đề giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Nói cách khác, chỉ có thể thực hiện sự giải phóng con người trên cơ sở giải quyết những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội hiện tại. Thước đo về sự giải phóng con người là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, cũng là trình độ phát triển các lực lượng bản chất con người. Đây có thể là một cơ sở cho việc tìm hiểu quan niệm Hồ Chí Minh về con người.

Tóm lại, có thể đưa ra một định nghĩa về con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh: ***Con người là một chỉnh thể thống nhất về thể lực, tâm lực, trí lực và hoạt động, mang bản chất xã hội - lịch sử, là chủ thể sáng tạo và hưởng thụ các giá trị vật chất, tinh thần trong xã hội.***

Như vậy, chữ “*người*” trong quan niệm Hồ Chí Minh được biểu hiện vừa là một con người cá thể, cụ thể, vừa là một cộng đồng gia đình, giai cấp, xã hội, con người nói chung. Đó là con người gắn liền với hoạt động thực tiễn đấu tranh cách mạng, cải tạo xã hội. Con người thống nhất giữa yếu tố sinh vật và yếu tố xã hội, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Con người vừa là sản phẩm vừa là chủ thể tích cực của hoàn cảnh. Con người vừa là động lực vừa là mục tiêu của sự phát triển lịch sử, chủ thể sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa vật chất, tinh thần trong xã hội. Đó là con người Việt Nam cùng khổ, bị áp bức, bóc

lột đang vùng dậy để tự giải phóng mình, từng bước làm chủ bản thân. Do đó, vấn đề con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh được quy vào các nội dung cơ bản sau:

Con người là yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng trong Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của con người trong lịch sử là một nội dung bao trùm, có ý nghĩa như một tiền đề cơ sở, một tư tưởng chủ đạo, đồng thời là mục đích của tư tưởng, bắt đầu từ con người, vì con người, cho con người và trở về với con người. Con người vừa là động lực chủ yếu, trực tiếp, vừa là lực lượng là mục tiêu của tiến trình cách mạng. Đó là sự thống nhất biện chứng của các yếu tố trong con người với tư cách là sản phẩm và là chủ thể của lịch sử.

Trong lịch sử triết học trước Mác và ngoài Mácxít có rất nhiều quan điểm khác nhau về con người. Tuy nhiên những quan điểm về con người trong lịch sử triết học trước Mác và ngoài Mácxít, dù đứng trên nền tảng thế giới quan duy tâm, nhị nguyên luận hoặc duy vật siêu hình, đều không phản ánh đúng bản chất con người. Các quan điểm trên đều xem xét con người một cách trừu tượng, phiến diện tuyệt đối hoá mặt tinh thần hoặc thể xác con người mà không thấy mặt xã hội trong đời sống con người. Các quan điểm đó không coi con người là động lực lịch sử mà đi tìm các động lực đó từ những nguyên nhân bên ngoài. Họ cho rằng mục đích của lịch sử ở bên ngoài con người, bên ngoài lịch sử. Con người cũng không được coi là mục tiêu, mục đích và động lực của lịch sử.

Hồ Chí Minh quan niệm con người là nhân tố quyết định thành bại của cách mạng Việt Nam. Tiền đề cho quan niệm này chính là tư tưởng của Hồ Chí Minh cho rằng “*Con người là vốn quý nhất*” được thể hiện trong các quan niệm về nhân dân, công nhân, nông dân, trí thức, bộ đội hay một con người cụ thể. Hồ Chí Minh nói: “Nhân nghĩa là nhân dân, trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân” [52, tr. 276], “Chúng ta phải quý trọng con người nhất là công nhân, vì công nhân là vốn quý nhất của xã hội” [53, tr. 373].

Kế thừa và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, khi xem con người là chủ thể tích cực sáng tạo ra lịch sử, vai trò của con người được quy vào vai trò của quần chúng nhân dân trong mối quan hệ với vai trò cá nhân lãnh tụ trong lịch sử. Hồ Chí Minh coi con người là vốn quý nhất xuất phát từ những giá trị truyền thống dân tộc, từ quan niệm chung một cội nguồn “*Con Lạc cháu Hồng*”, tư tưởng “*Còn người còn của*”, “*Người ta là hoa của đất*”... của chủ nghĩa nhân ái Việt Nam.

Coi con người là vốn quý nhất đó chính là yếu tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, quan điểm này được thể hiện trong hệ thống tư tưởng của Hồ Chí Minh về con người. Đầu tiên là trong quan niệm “*Dân vi bản, dân vi quý*”. Hồ Chí Minh đem lại nội dung mới, khoa học và cách mạng cho khái niệm Dân, do đó đem lại cơ sở cách mạng và khoa học cho tư tưởng dân vi bản. Nói đến con người là nói đến công, nông, binh, trí thức..., tức là “Dân: Trong bài *Dân Vận*, Hồ Chí Minh viết:

“Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới xây dựng là trách nhiệm của dân.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân.

Chính quyền từ xã đến chính phủ Trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [51, tr. 698].

Trong các câu văn Hồ Chí Minh sử dụng, câu nào cũng có chữ “*Dân*”, mà “*Dân*” lại ở địa vị cao nhất của cách mạng và xã hội. Lợi ích, quyền hạn, công việc, trách nhiệm, chính quyền đoàn thể, quyền hành và lực lượng, đều nhằm vào mục tiêu: Của dân, do dân, vì dân, tất cả ở dân. Nó xác định vai trò dân chủ: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Dân vừa là chủ, vừa thực hiện công việc làm chủ. Dân vừa là lực lượng, động lực vừa là mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, trong mọi hoạt động như đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng đời sống mới, tiến lên chủ nghĩa xã hội, phải bắt đầu từ vốn con người, nếu xem nhẹ việc sử dụng vốn con người sẽ là một sai lầm rất to, rất có hại, có quan hệ đến thành hay bại của cuộc cách mạng.

Con người được coi là giá trị cao nhất trong thang giá trị xã hội. Con người là một nhân cách, thể hiện bản chất nhân tính, nhân đạo, nhân văn của nó trong các quan hệ xã hội, các thể chế kinh tế - chính trị - văn hóa. Từ đó đòi hỏi phải có thái độ đối xử với con người theo ý nghĩa tốt đẹp nhất, xứng đáng với con người, chủ thể của lịch sử.

Vai trò con người thể hiện tập trung ở vai trò quần chúng nhân dân là người sáng tạo chân chính ra lịch sử chứ không phải một vài cá nhân anh hùng nào, thông qua các hoạt động thực tiễn cơ bản nhất đó là lao động sản xuất, đấu tranh chính trị - xã hội và sáng tạo các giá trị văn hóa - tinh thần.

Hồ Chí Minh nói: “Vì chúng ta quên một lẽ rất đơn giản dễ hiểu: *Tức là vô luận việc gì, đều do người làm ra. Và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa đều thế cả*” [51, tr. 241]. Tất cả của cải vật chất trong xã hội, đều do công nhân và nông dân làm ra. Nhờ sức lao động của công nhân và nông dân, xã hội mới sống còn và phát triển, mặt khác quần chúng còn là người sáng tác nữa. Hồ Chí Minh giải thích cơ sở khoa học cho vai trò đó xuất phát từ chỗ: “Lực lượng của dân chúng nhiều vô cùng... Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra” [51, tr. 295].

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh con người được coi là vốn quý nhất trong thiên hạ không phải từ một lý thuyết, một cách nhận thức mà đã được kết hợp trong những hành động thực tiễn mang tính cải biến cách mạng.

Tư tưởng có tính chất bao trùm này được thể hiện ở những khía cạnh mang tính bản sắc, giá trị riêng biệt của Hồ Chí Minh như:

Thứ nhất, quan niệm về lòng nhân ái bao la, sự tin tưởng tuyệt đối vào con người, ý chí và lý tưởng đấu tranh để giải phóng con người.

Lòng nhân ái là một đặc điểm tiêu biểu trong nhân cách Hồ Chí Minh. Theo giáo sư Vũ Khiêu: “Yêu người mới là cốt lõi trong chủ nghĩa yêu nước và trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh” [27, tr. 268]. Không chỉ đối với nhân dân Việt Nam, mà nhiều người nước ngoài cũng đề cao tình thương yêu con người, coi đó như một giá trị nhân loại, như là một trong những nguyên nhân làm cho sự nghiệp của Hồ Chí Minh trở nên vĩ đại. Ưu điểm lớn nhất của chủ tịch Hồ Chí Minh là không chỉ đấu tranh cho một lá cờ, cho một sự giải phóng bề mặt bên ngoài. Người muốn tiến hành một cuộc chiến đấu cho phẩm giá con người, cho sự giải phóng và phúc lợi và nhờ thế mà cuộc cách mạng Người phát động đã mang tầm cỡ thế giới.

Theo Hồ Chí Minh, đã là con người chân chính thì phải biết thương yêu đồng loại, coi như tiêu chí cao nhất của đạo đức con người. Đó phải là tiêu chí quan trọng nhất, một điều kiện tiên quyết để trở thành người cộng sản, thành lãnh tụ của quần chúng. Ai không biết thương dân, thương yêu con người thì sẽ không thể biết hy sinh cho sự nghiệp giải phóng con người. Hồ Chí Minh nói, “Mỗi người, mỗi gia

đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi” [65, tr. 560-561].

Thứ hai, quan niệm về vấn đề tiết kiệm sức người.

Có lòng nhân ái và coi trọng con người thì phải biết tiết kiệm sức người, đây là một nội dung tích cực của chủ nghĩa nhân đạo trong lịch sử tư tưởng. Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, coi trọng vốn quý con người gắn liền với chính sách tiết kiệm sức người. Trần Quốc Tuấn coi “*khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước*”. Nguyễn Trãi coi: “*việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*” (Bình Ngô đại cáo). Như vậy, coi trọng tiết kiệm sức người không chỉ là quy luật tồn vong của một chế độ mà phải trở thành một đường lối, mọi chính sách trị nước tích cực của mọi thời đại, mọi chế độ chính trị.

Trong hệ thống Tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiều quan niệm đề cập đến vấn đề tiết kiệm sức người hết sức phong phú, sâu sắc. Theo Hồ Chí Minh, tiết kiệm sức người bao gồm: Tiết kiệm sức lao động, tiền công, của công, thời gian, nguyên vật liệu, giấy bút, máy móc, ruộng đất, *đặc biệt là tiết kiệm sinh mạng con người* trong khởi nghĩa giành chính quyền, trong đấu tranh giải phóng dân tộc và trong mỗi trận đánh... Nói cách khác tiết kiệm sức người, tức là “*Khoan thư sức dân*” (giảm sức đóng góp của nhân dân, ra sức bảo vệ sản xuất, bình ổn vật giá, phải bồi dưỡng lực lượng cho dân nhiều hơn yêu cầu đóng góp); “*An dân*” (Nhân dân là quan trọng trên hết, mọi công việc đều vì lợi ích của nhân dân mà làm); “*Dưỡng dân*” (phát triển kinh tế - xã hội, phát triển văn hoá - giáo dục, từng bước nâng cao đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân).

Thứ ba, quan niệm về vấn đề sử dụng con người.

Trên bia Tiên sĩ ở Quốc Tự Giám có ghi: “*Hiền tài là nguyên khí quốc gia; nguyên khí vững thì thế nước mạnh và thịnh, nguyên khí kém thì thế nước yếu và suy*”. Đây là bài học quý báu về thuật dùng người đã được ông cha ta đúc kết. Nó cho thấy tầm nhìn xa rộng, một chiến lược sáng suốt tôn vinh người tài đồng thời với việc bồi dưỡng và tin dùng kẻ hiền tài là điều cốt tử liên quan đến vận nước.

Từ Cổ chí Kim, “*dùng người*” bao giờ cũng là một vấn đề lớn của lịch sử. Việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và đặc biệt sử dụng người tài đức bao giờ cũng được coi là hệ trọng, thời xưa người ta gọi là “*thuật dùng người*”. Dùng người đúng hay sai không chỉ sự thành bại của một việc, một phong trào mà còn ảnh hưởng đến sự tồn vong của một sự nghiệp, một quốc gia. Trong lịch sử Việt Nam những nhà tư tưởng lớn: Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Quang Trung... đã thấy được tầm quan trọng của việc dùng người, nhất là người tài, thấy được mối liên hệ giữa hiền tài và thế nước.

Trong cuộc đời hoạt động của mình, dù đứng trên cương vị nào Hồ Chí Minh cũng đã xác lập những vấn đề cơ bản về việc dùng người và đã thực hiện việc dùng người với tinh thần thật sự cách mạng và khoa học, Hồ Chí Minh viết một loạt bài về việc tiếp chuyện các đại biểu; *Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà; Thiếu óc tổ chức - một khuyết điểm lớn trong các uỷ ban nhân dân; Nhân tài và kiến quốc...*, đặc biệt là bài *Tìm người tài đức* ngày 20-11-1946, chiếu cầu hiền của cách mạng, với những lời lẽ rất chân thành và kính trọng: “*Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào ta chắc không thiếu người có tài có đức. E vì chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân... Nay muốn sửa đổi điều đó, và trọng dụng những kẻ hiền năng*” [57, tr. 451]. Tư tưởng này được thể hiện đầy đủ nhất trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* tháng 10-1947, những tư tưởng này đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Nội dung thứ hai: *Con người là mục tiêu và động lực của cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh*

Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng là một trong những tư tưởng xuyên suốt của Hồ Chí Minh về con người. Vấn đề con người gắn liền với cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Do đó, mục tiêu giải phóng con người gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội. Hồ Chí Minh nói: “Phải đem hết sức dân, tài dân, của dân làm cho dân” hay “...dựa vào lực lượng của dân, tinh thần của dân, để gây hạnh phúc cho dân” [58, tr. 61, 444]. Và “Chủ nghĩa xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng lấy” [63, tr. 556].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng được khái quát ở những điểm sau:

Một là, trong mối quan hệ biện chứng giữa mục tiêu và động lực, Hồ Chí Minh chú ý tới mức độ, mục tiêu đạt được trong điều kiện cụ thể của từng giai đoạn cách mạng.

Mục tiêu tổng quát là: Giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Mục tiêu đó biến thành các mục tiêu cụ thể: Giai đoạn trước khi giành được chính quyền thì mục tiêu cao nhất là độc lập dân tộc. “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy” [56, tr. 198]. Sau khi giành được chính quyền, thì mục tiêu: Ăn, mặc, học hành lại được ưu tiên hơn.

Sau 1954, miền Bắc đi vào khôi phục nền kinh tế đạt mục tiêu năm 1939 đề ra. Hoàn thành cải cách ruộng đất, tiến hành tốt việc sửa sai, từng bước phát triển kinh tế tập thể. Giai đoạn này, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vào việc “Nâng cao mức sống của nhân dân... đồng thời giảm nhẹ dần sự đóng góp của nông dân” [61, tr. 48].

Bước sang năm 1958, kết thúc thời kì khôi phục kinh tế, mở đầu thời kì cải tạo và xây dựng một cách có kế hoạch, bắt đầu kế hoạch 3 năm (1958-1960), đặc biệt là sau Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa VIII (5-1963) bàn về kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), Hồ Chí Minh nói nhiều về chủ nghĩa xã hội với những mục tiêu cơ bản nhằm giải phóng con người. Trong bối cảnh tập trung mọi nhân tài, vật lực cho phát triển kinh tế và tiến hành đấu tranh vũ trang giải phóng miền Nam, Hồ Chí Minh vẫn luôn quan tâm đến con người.

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào quyết liệt, thì mục tiêu “*không có gì quý hơn độc lập tự do*” lại ở bậc cao thang giá trị dân tộc, mục tiêu con người gắn chặt với chủ quyền dân tộc. Tại kì họp thứ hai Quốc hội khóa III, ngày 10-04-1965, Hồ Chí Minh kêu gọi: “Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của mọi người Việt Nam yêu nước” [64, tr. 434]. Ngay trong thời điểm lịch sử vô cùng khó khăn đó, phát biểu tại phiên họp bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban chấp hành Trung ương Đảng vào tháng 12-1965, Hồ Chí Minh lưu ý: “Chúng ta phải hết sức chăm lo đến đời sống của nhân dân, nhất là đời sống của các cháu, của các gia đình thương binh, liệt sĩ, đời sống của nhân dân ở vùng bị địch bắn phá nhiều... những gia đình đông con thu nhập thấp” [58, tr. 573]. Nếu tờ báo Người cùng khổ, số 1 nêu mục tiêu là giải phóng con người thì bản Di chúc viết tháng 5-1968 cũng nêu công việc đầu tiên là đối với con người, cho thấy cái “*bất biến*” trong tư tưởng Hồ Chí Minh là tất cả vì con người để ứng với cái “*vạn biến*” của lịch sử đặt ra. Hồ Chí Minh nói: “Tất cả những người lao động trên thế giới đều có một mục đích chung là thoát khỏi áp bức bóc lột, được sống sung sướng tự do, tức là thực hiện chế độ cộng sản. Nhưng để đi đến mục đích ấy, mỗi nước phải tùy theo điều kiện thiết thực của mình mà tiến dần” [60, tr. 209].

Hai là, kết hợp chặt chẽ giữa động lực vật chất và động lực tinh thần, chú ý tới vai trò của từng động lực trong từng điều kiện cụ thể.

Triết học Mác khẳng định đời sống vật chất quyết định đời sống tinh thần, nhưng thấy được sự tác động trở lại hết sức quan trọng của tinh thần, tư tưởng đối với lịch sử thông qua hoạt động của con người. Tư tưởng biện chứng Mácxít không hề phủ nhận ý nghĩa quyết định của cá nhân, của yếu tố tinh thần trong những thời điểm bước ngoặt của lịch sử khi các điều kiện vật chất khách quan đặt ra.

Hồ Chí Minh đã nắm vững thực chất tư tưởng duy vật biện chứng đó, khi Hồ Chí Minh nhấn mạnh *động lực tinh thần tư tưởng* phải luôn thấy vai trò cơ bản quyết định của các yếu tố vật chất, động lực vật chất. Con người thực hiện các hoạt động của mình thông qua ý thức. Sự gia tăng sức mạnh ý thức tinh thần sẽ nhân lên sức mạnh hoạt động thực tiễn của con người.

Thực tiễn hai cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp và Mỹ của dân tộc ta, trong điều kiện so sánh lực lượng, kẻ thù luôn luôn hơn hẳn về tiềm lực kinh tế, khoa học - kỹ thuật, quân sự, nhưng nhờ sức mạnh của nhân tố tinh thần, động lực tinh thần mà cuối cùng thắng lợi thuộc về dân tộc ta.

Ba là, động lực của con người là giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích và tổ chức hoạt động của con người trên cơ sở khoa học.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến các nhân tố động lực trong hoạt động của con người. Những nhân tố ấy bao gồm: Đảng cộng sản, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các phong trào quần chúng, chính sách xã hội... Nhân tố hàng đầu là hết sức chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, nhằm hình thành những động cơ, mục đích đúng đắn cho con người trong hoạt động.

Ngay từ những ngày đầu của phong trào cách mạng, Hồ Chí Minh đã viết: “bằng những bằng chứng đơn giản rõ ràng, làm cho quần chúng hiểu rõ lợi ích thật sự của mình. Dần dần đưa quần chúng đi đến chỗ nhận thức được sự cần thiết phải thay đổi chế độ xã hội hiện hành... nhằm làm cho tất cả hiểu rõ và thừa nhận các tư tưởng của cách mạng dân tộc và cách mạng quốc tế” [49, tr. 412]. Tại phiên họp hội đồng chính phủ ngày 15-10-1945, Hồ Chí Minh nhắc nhở, Chính phủ nên tìm mọi cách động viên tinh thần quần chúng, phải làm cho lòng yêu nước của nhân dân biến thành hành động trong sinh hoạt hàng ngày. Những dẫn chứng trên cho thấy Hồ Chí Minh luôn coi trọng vai trò công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao giáo dục cách mạng, tích tích cực, chủ động, sáng tạo của con người.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người bao gồm nhiều nội dung lớn, thể hiện tập trung ở một số nội dung sau:

Thứ nhất, mối quan hệ chặt chẽ giữa giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Vấn đề con người gắn liền với vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến, nền kinh tế xã hội - lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là đặc điểm cơ bản, nội dung chủ yếu quy định việc nghiên cứu con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, sự thống nhất biện chứng con người - động lực, với con người - mục tiêu, cho thấy con người là chủ thể của tiến trình cách mạng nước ta. Nếu Mác xác định vai trò sáng tạo ra lịch sử trong mối quan hệ giữa vai trò quần chúng nhân dân với cá nhân lãnh tụ, Lênin coi vai trò quần chúng nhân dân trong sự liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, thì Hồ Chí Minh có sự mở rộng khái niệm quần chúng nhân dân là đông đảo các tầng lớp, các giai cấp, có chung lợi ích là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Do đó quan niệm về lực lượng, động lực mục tiêu

về con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh được trình bày tập trung vào những nội dung: Con người là vốn quý nhất, yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng; con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của tiến trình cách mạng và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa là chiến lược cơ bản, lâu dài. Những nội dung này thể hiện bản sắc, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp chúng ta tiến tới nghiên cứu những biểu hiện phong phú, phức tạp về vấn đề con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ ba, giá trị chủ yếu, cơ bản nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con người chính là vấn đề phát huy vai trò nhân tố con người trong cách mạng. Nói đến con người là nói đến con người cụ thể, con người Việt Nam trong cách mạng vô sản với tất cả tính hiện thực phong phú của nó. Con người trong hoạt động thực tiễn cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới..., là những đặc điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con người.

1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về người Công an cách mạng

Nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con người là con người vừa là yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng vừa là mục tiêu và động lực của cách mạng. Trong đó Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến người Công an cách mạng.

Trong tác phẩm “*Đường cách mệnh*” (1927) Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Muốn làm cách mạng thành công, người cách mạng trước hết phải có tư cách cách mạng. Tư cách của người cán bộ cách mạng là sự thống nhất biện chứng ba mối quan hệ cơ bản nhất của con người: Quan hệ với mình, quan hệ với mọi người và quan hệ với công việc. Tự mình phải: Cần, kiệm, hòa mà không tư, cả quyết sửa chữa lỗi mình, cẩn thận mà không nhút nhát; hay hỏi, nhẫn nại (chịu khó); hay nghiên cứu xem xét, vị công vong tư, không hiếu danh, không kiêu ngạo, nói thì phải làm, giữ chủ nghĩa cho vững, hy sinh, ít lòng tham muốn về vật chất; bí mật. Đối với người phải: Với từng người thì khoan thứ, với đoàn thể thì nghiêm, có lòng bày vẽ cho người. Trục mà không táo bạo, hay xem xét người. Làm việc phải xem xét hoàn cảnh kỹ càng, quyết đoán, dũng cảm, phục tùng đoàn thể”.

Đối với lực lượng Công an nhân dân, ngay từ khi mới giành được chính quyền - 8/1945 - Hồ Chí Minh đã quan tâm đến việc thành lập, rèn luyện, theo dõi từng bước đi, từng việc làm, luôn mong muốn cho lực lượng Công an trở thành công cụ sắc bén để bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhân dân. Theo đề nghị của đồng chí Võ Nguyên Giáp, ngày 21-2-1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 23-SL thống nhất các lực lượng liên phóng, Cảnh sát, trinh sát, quốc gia tự vệ cuộc trong toàn quốc thành “Việt Nam Công an vụ”. Đồng chí Lê Giản được giao nhiệm vụ làm giám đốc Công an vụ đầu tiên. Cuối tháng 11-1946 theo chủ trương của Đảng, lực lượng Công an được chấn chỉnh và củng cố về tổ chức, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài. Nhiều cán bộ, đảng viên đã được bổ sung cho lực lượng Công an nhân dân. Để làm trong sạch nội bộ, một số người trung gian hoặc có liên quan đến vấn đề chính trị được chuyển dần ra khỏi lực lượng. Một số đơn vị Cảnh sát làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự xã hội ở các địa phương đã được thành lập và hoạt động công khai.

Tháng 1-1947, Nha Công an Trung ương đã ra quyết nghị A0092 về chương trình hoạt động của bộ máy Công an nhằm bố trí lực lượng phù hợp với yêu cầu tình hình mới. Tháng 3-1947 Nghị định 36-NV quy định về việc thành lập quận Công an được ban hành, cũng trong thời gian này ở Nam Bộ, Công an xưởng đầu tiên được thành lập.

Sau Cách mạng tháng Tám, dù bận trăm công nghìn việc, dù phải hàng ngày, hàng giờ đối phó với thù trong giặc ngoài, lãnh đạo cách mạng vượt qua nhiều khó khăn thách thức, Người vẫn trực tiếp chăm lo xây dựng tổ chức, lựa chọn cán bộ chủ chốt cho lực lượng Công an. Người trực tiếp đến giảng dạy cho cán bộ cốt cán Công an trong những ngày ra đời còn non trẻ.

Cùng với việc chỉ rõ nhiệm vụ chính trị của lực lượng Công an qua từng giai đoạn cách mạng, chăm lo xây dựng về tổ chức Công an. Trong bài nói chuyện của Bác tại Hội nghị Công an toàn quốc lần thứ 10 (tháng 1-1956) Bác dạy: “*Công việc của công an âm thầm nhưng rất quan trọng*”. Còn trong bài nói chuyện của Bác tại trường Công an, lớp Trung cấp khóa 2 (1950) Bác dạy “*Công an nhân dân phải là kiểu mẫu, phải là người chuyên trách thi hành chính sách, phương châm của Đảng và Chính phủ cho tốt*”.

Tết Nguyên đán năm Mậu Tý (1948) ở chiến khu Việt Bắc cũng như mọi nơi trong cả nước, quân và dân ta đón xuân trong không khí chiến thắng lẫy lừng, phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp, đập tan âm mưu điên cuồng của địch muốn nhanh chóng kết thúc chiến tranh xâm lược. Các lực lượng Công an đã góp phần xứng đáng vào trong thắng lợi đó. Công an khu 12 ra tờ báo xuân lấy tên “*Bạn dân*”. Đồng chí Hoàng Mai giám đốc Công an khu, gửi biểu Bác Hồ tờ báo xuân và một bức thư báo cáo thành tích ưu khuyết điểm của đơn vị mình. Bác rất vui, đọc hết các bài và sau đó gửi đồng chí Hoàng Mai một bức thư đề ngày 11-3-1948. Nội dung bức thư Bác đã dạy:

“Tư cách người công an cách mạng là:

Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.

Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.

Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

Đối với công việc, phải tận tụy.

Đối với địch, phải cương quyết khôn khéo”.

Nội dung 6 điều Bác Hồ dạy lực lượng Công an toát lên tính nhân sinh quan, lẽ sống của người Công an cách mạng. Tư cách người Công an cách mạng không chỉ biểu hiện ở cách ăn, ở, cư xử, phẩm chất đạo đức, mà bao hàm cả nhân cách, tài năng với những phẩm chất chính trị đặc biệt. Đây là điều kiện cần thiết để người Công an cách mạng hoàn thành nhiệm vụ nặng nề nhưng vẻ vang mà Đảng và nhân dân giao phó.

Nội dung 6 điều Bác dạy Công an nhân dân mang tính tư tưởng và tính thực tiễn vô cùng sâu sắc. Lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và nhân dân ta, người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân luôn quan tâm chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang, trong đó có Công an nhân dân. Người đã dành nhiều tâm trí, tình cảm cho quá trình xây dựng, trưởng thành và phát triển của lực lượng Công an nhân dân.

Sáu điều Bác dạy Công an nhân dân là một thể hoàn chỉnh được bố cục chặt chẽ, khoa học, có mối quan hệ hữu cơ, nhân quả, điều trước là tiền đề của điều sau, điều sau bổ sung hoàn chỉnh cho điều trước, qua đó nói lên toàn bộ tư tưởng của Bác về người Công an cách mạng. Cụ thể những phẩm chất đạo đức cơ bản của người Công an cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện là sự thống nhất biện chứng ba mối quan hệ cơ bản nhất của con người: Quan hệ với mình, quan hệ với mọi người và quan hệ với công việc.

Thứ nhất, trong mối quan hệ với bản thân, phải cần, kiệm, liêm, chính.

Trong mối quan hệ này, Hồ Chí Minh muốn nói tới trách nhiệm của mỗi người trong tổ chức và yếu tố chủ quan trong việc rèn luyện tu dưỡng bản thân. Trong tổ chức cách mạng con người là nhân tố năng động nhất, nếu mỗi người đều làm tròn nhiệm vụ, chức năng được phân công đều tự giữ gìn và trau dồi rèn luyện được phẩm chất đều tự phấn đấu để nâng cao năng lực thì tổ chức sẽ có hiệu quả cao. Cũng từ hoạt động của từng người “*mỗi người vì mọi người*” và “*mọi người vì mỗi người*” và chủ nghĩa xã hội của chúng ta ngày càng tốt đẹp. Nhấn mạnh đối với tự mình, Hồ Chí Minh muốn nhấn nhủ từng cán bộ chiến sỹ công an phải tự phấn đấu, từng người tự nguyện góp sức mình cống hiến thật nhiều cho sự nghiệp cách mạng. Hồ Chí Minh dạy từng người phải cần, kiệm, liêm, chính đó chính là nhân cách, là những đức tính cơ bản của đạo đức cách mạng, bao gồm đức và tài, phẩm chất và năng lực phải được thể hiện trong tư duy và hành động.

Cần, kiệm, liêm chính đây là bốn đức tính cơ bản tạo nên phẩm chất đạo đức của người cách mạng nói chung, và người công an nhân dân nói riêng. Theo Người: “Bọn phong kiến, ngày xưa nêu cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ làm, mà lại bắt nhân dân ta phải tuân theo để phụng sự quyền lợi của chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân” [59, Tr. 320]. Người cán bộ cách mạng muốn được nhân dân tin yêu và đồng tình ủng hộ thì trước hết phải có phẩm chất đạo đức trong sáng. Người chỉ rõ: “Người cán bộ cách mạng phải có đạo đức cách mạng. Phải giữ vững đạo đức cách mạng mới là người cán bộ cách mạng chân chính... Mọi việc thành hay bại, chủ yếu là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng hay là không” [60, Tr. 480].

Trong đó, “*Cần*”: được Người giải thích là tăng năng suất trong công tác, bất kỳ công tác gì. Về nhận thức: Cần phải được hiểu, đó là sự cần mẫn chăm chỉ siêng năng, miệt mài say sưa với công việc được giao; có tinh thần trách nhiệm cao với công việc; chịu khó học tập, suy nghĩ tìm tòi cải tiến trong công tác; tìm cách khắc phục khó khăn hoàn thành nhanh nhất công việc với một chất lượng và hiệu quả cao nhất; chống thói lười biếng ngại khó ngại khổ; làm việc qua loa tắc trách, thiếu tính chủ động sáng tạo. Là thành viên của tổ chức cách mạng, là công cụ của Nhà nước chuyên chính vô sản, cán bộ chiến sỹ công an luôn phải “*cần*” đi đôi với “*chuyên*”. Chuyên cần rèn luyện, lao động phải đi liền với chuyên cần học tập, thắng không kiêu, bại không nản, luôn luôn tự rèn chí khí hăng say hoạt động vì lý tưởng cao đẹp.

Từ chuyên cần, cán bộ, chiến sỹ công an phải biết tiết kiệm mà người gọi tắt là “*Kiệm*”.

Người giải thích “*Kiệm*” là không lãng phí thì giờ của cải của mình và của nhân dân. Điều dạy về kiệm được đặt ngay sau cần, vì cần mà không kiệm thì làm chừng nào tiêu xài hết chừng ấy, thành quả lao động bỏ ra sẽ không được bảo vệ, không được trân trọng và sử dụng vào đúng mục đích. Hồ Chí Minh nói về tầm quan trọng của kiệm: “Chúng ta chỉ có thể xây dựng CNXH bằng cách tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống” [79, tr. 343]. Mỗi cán bộ, chiến sỹ công an phải sử dụng một cách hiệu quả nhất thời gian lao động, không đi muộn về sớm “*ngồi chơi xơi nước*” trong giờ làm việc; trong công tác điều tra phải tận dụng mọi thời gian có thể có, để nhanh chóng làm sáng tỏ vụ việc; làm việc phải có chương trình kế hoạch. Cả cuộc đời hoạt động của Người đều thể hiện rất rõ đức tính cần kiệm. Bác rất quý trọng thời giờ, quý trọng

thành quả lao động. Từ nơi làm việc, phương tiện làm việc nơi ở, bữa ăn, đồ dùng, Bác đều bố trí khoa học, tiết kiệm đúng mức.

“*Liêm*”, Người giải thích “*Liêm* tức là không tham ô và luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công và của nhân dân... Phải trong sạch, không tham lam. Không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tặng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hoá. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ” [63, tr. 636, 640].

Liêm là trong sạch, không tham lam. Chữ liêm phải đi đôi với chữ kiệm. Cũng như chữ kiệm phải đi đôi với chữ cần. Có kiệm mới liêm được, vì xa xỉ mà sinh tham lam. Tham tiền của, tham địa vị, tham danh tiếng, tham ăn ngon, sống yên đều bất liêm. Với tinh thần đó, người cán bộ chiến sỹ công an để thực hiện liêm, phải trong sạch không vẩn đục trong tư tưởng và trong hành động; sống bằng thu nhập chính đáng trên cơ sở lao động của chính mình, không để cho đồng tiền và dục vọng chi phối làm hại đến lợi ích của nhà nước và của nhân dân. Để thực hiện liêm, phải đấu tranh chống tư tưởng thực dụng, chạy theo đồng tiền bằng mọi giá, mọi thủ đoạn, bất chấp luật pháp, đạo đức và lương tâm để tham ô của nhà nước và tập thể. Một số cán bộ chiến sỹ công an do không thực hiện đúng điều liêm, không giữ được phẩm chất của mình đã để cho bọn tội phạm lợi dụng tấn công mua chuộc bằng tiền, gái đẹp, bảo kê cho những hoạt động phạm tội của chúng.

Cùng với cần, kiệm, liêm Người dạy chúng ta phải *chính*. “*Chính* tức là việc phải làm dù nhỏ cũng làm, việc trái dù nhỏ cũng tránh”. Việc phải làm ở đây là những việc đúng, phù hợp với chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, lợi ích của quần chúng, đạo đức của xã hội. Việc trái là những hành vi ngược với việc phải làm. Chính nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn đúng đắn. Đối với người chiến sỹ công an “*chính*” là phải có bản lĩnh vững vàng, ủng hộ cái đúng cái thiện, biết tôn trọng lẽ phải, đấu tranh bảo vệ cho lẽ phải. Đối với những điều ác, điều trái thì dù có lợi cho bản thân và gia đình mình cũng không làm không đồng tình và kiên quyết đấu tranh; chống những biểu hiện bàng quan vô trách nhiệm, thấy đúng không dám bảo vệ thấy sai không dám đấu tranh. Hiện nay, một số cán bộ chiến sỹ Công an còn né tránh, đùn đẩy những công việc phức tạp cho người khác, chọn những công việc làm có lợi cho cá nhân. Không dám đấu tranh trước những biểu hiện tiêu cực trong đơn vị và ngoài xã hội.

Cần, kiệm, liêm, chính đó là bốn đức cơ bản của người Công an cách mạng. Nó có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Cần mà không kiệm thì sản xuất không phát triển, thành quả lao động sẽ bị hao phí, mất mát. Kiệm nhằm hỗ trợ làm tăng thêm hiệu quả cho cần. Cần kiệm là cơ sở để thực hiện liêm chính. Những người liêm chính là những người biết cần kiệm.

Thứ hai, đối với đồng sự, phải thân ái, giúp đỡ.

Sau khi xác định trách nhiệm của từng người, Hồ Chí Minh nói đến một trong những nhân tố tạo nên sức mạnh tổ chức: Đối với đồng sự. Phẩm chất đạo đức của con người không chỉ thể hiện trong mối quan hệ với người khác, mà trước hết là trong quan hệ với đồng sự.

Đồng sự là đồng đội đồng chí cùng công tác trong một đơn vị, cùng chiến đấu cho sự nghiệp bảo vệ An ninh chính trị, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa. Đồng sự nói gần hơn, thiết thực hơn là những cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng Công an nhân dân, là anh chị em Công an. Trong tình hình hiện nay suy rộng ra, đồng đội còn là cán bộ, chiến sỹ an

ninh của các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, của lực lượng Công an cách mạng Lào - Campuchia.

Hồ Chí Minh dạy “*thân ái giúp đỡ*” là nhằm mục đích tăng cường sự đoàn kết để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Thân ái giúp đỡ đó là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Dân tộc ta có truyền thống nhân ái, thương yêu con người. Trong cuộc sống họ thường khuyên nhau “*lá lành đùm lá rách*”, giúp nhau thì “*của tuy tơ tóc nghĩa so nghìn trùng*”, “*Bầu ơi thương lấy bí cùng*”... Tình thương yêu con người giúp nhau trong công việc và cuộc sống, với sự giác ngộ về lý tưởng cách mạng nó phát triển thành tình đồng chí, đồng đội cao cả.

Thân ái giúp đỡ đồng sự còn là tình cảm cách mạng, tình cảm giai cấp, là chất keo dính các cá nhân trong tổ chức, nhằm tạo ra sự đoàn kết, phát huy được sức mạnh của tổ chức của tập thể.

Thân ái giúp đỡ đòi hỏi mỗi người phải nỗ lực làm tốt trách nhiệm của mình, đồng thời biết chia sẻ gánh vác khó khăn với đồng đội, sẵn sàng trao đổi kinh nghiệm công tác của mình với đồng đội để đồng đội cũng làm tốt nhiệm vụ được giao. Giúp đỡ phải trên tình thân ái, động cơ phải vô tư trong sáng không vụ lợi, không vì những lợi ích nhỏ nhen của cá nhân mà làm tổn hại đến phẩm chất của đồng đội.

Thân ái giúp đỡ phải thể hiện trên mọi phương diện: Trong học tập rèn luyện, trong công tác chiến đấu... Giúp đỡ của những người lớn tuổi có kinh nghiệm lâu năm trong nghề với những người ít tuổi mới bước vào nghề. Giúp đỡ cả trong những lúc bình thường cũng như lúc gặp khó khăn, hoạn nạn, giúp đỡ cả về vật chất lẫn động viên về tinh thần, giúp đỡ cả khi đồng đội mắc phải những sai lầm khuyết điểm để họ có điều kiện sửa chữa. Gian nan cùng gánh vác, thắng lợi cùng chung vui, sẵn sàng nhận khó khăn về mình, nhường thuận lợi cho bạn, thân ái giúp đỡ nhau trên trận tuyến thẳm lặng, sẵn sàng chia lửa, đồng cam cộng khổ, sống chết có nhau. Muốn có tình thân ái thì trước hết phải giác ngộ cuộc chiến đấu vì lý tưởng mà mình tự nguyện tham gia, phải thấy được yếu tố thắng lợi là sức mạnh tập thể, sức mạnh đoàn kết. Từ đó mà thật sự thương yêu, đoàn kết với những người cùng nhiệm vụ, cùng chiến hào.

Cần chống các biểu hiện: Bàng quan vô trách nhiệm, cục bộ bản vị, né tránh đùn đẩy trách nhiệm, ích kỷ... Chống đao to búa lớn, xa lánh, thành kiến với đồng chí đồng đội khi có sai lầm khuyết điểm. Không bao che khuyết điểm cho đồng đội, chống lợi dụng các phương tiện thủ đoạn nghiệp vụ để chia bè kéo cánh, đi đến hắt cẳng lẫn nhau; đối với cán bộ có chức có quyền phải khắc phục hiện tượng gia trưởng, độc đoán, vùi dập cán bộ chiến sỹ, phải lắng nghe ý kiến mà nhân dân góp ý cho lực lượng Công an.

Thứ ba, đối với chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.

Lòng trung thành đối với Tổ quốc đã trở thành truyền thống cao đẹp của nhân dân ta lưu truyền từ đời này qua đời khác. Trong quá trình dựng nước và giữ nước, hễ mỗi khi có giặc ngoại xâm thì nhân dân ta lại đoàn kết muôn người như một, quyết đánh tan quân cướp nước và tiêu diệt lũ bán nước.

Đối với chính phủ phải tuyệt đối trung thành, đây là điều dạy thể hiện sự rèn luyện chính trị, giác ngộ lập trường quan điểm giai cấp của người cán bộ chiến sỹ Công an nhân dân.

Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, đó là thành quả cao nhất của cách mạng. Dưới sự lãnh đạo, chính phủ ta là chính phủ của dân, do dân, vì dân. Mỗi hoạt động của chính phủ đều nhằm phục vụ cho lợi ích của nhân dân.

Chính phủ nắm trong tay mọi quyền lực, quản lý xã hội bằng pháp luật, ngoài chức năng trấn áp bọn phản cách mạng và các loại tội phạm khác bằng chức năng bạo lực, Nhà nước có chức năng chủ yếu là tổ chức xây dựng nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới. Chính phủ của ta là chính phủ của nhân dân có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng. Do vậy, trung thành với chính phủ cũng có nghĩa là trung thành với Đảng với nhân dân.

Công an nhân dân là công cụ chuyên chính sắc bén của Nhà nước Xã hội chủ nghĩa có nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ Xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Do vậy, lực lượng này phải là lực lượng trung thành tuyệt đối với chính phủ.

Hiện nay tình hình thế giới và trong nước đang diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch bất chấp luật pháp và các công ước quốc tế ngang nhiên can thiệp vào công việc nội bộ của một số nước. Đối với các nước Xã hội chủ nghĩa như nước ta chúng ráo riết hoạt động chống phá, móc nối với các thế lực phản động trong nước gây ra những vụ bạo động chính trị, kích động các phần tử phản động trong các tôn giáo, dân tộc ít người để chống đối chế độ. Bằng âm mưu “*diễn biến hòa bình*” chúng tìm mọi cách mua chuộc làm thoái hóa đội ngũ cán bộ, kích động gây chia rẽ trong nội bộ, đối với các lực lượng vũ trang chúng tìm mọi cách bôi nhọ, làm giảm uy tín trước nhân dân. Do vậy, đòi hỏi người cán bộ chiến sỹ Công an phải không ngừng đề cao cảnh giác, nâng cao giác ngộ về lập trường giai cấp sẵn sàng đối phó với những âm mưu thâm độc của kẻ thù.

Những biểu hiện của lòng trung thành:

Về nhận thức: Mỗi cán bộ chiến sỹ Công an phải giác ngộ sâu sắc, tin tưởng tuyệt đối, phấn đấu đến cùng vì mục tiêu lý tưởng cách mạng của Đảng. Trong tình hình hiện nay, phải trung thành và tin tưởng tuyệt đối vào con đường Xã hội chủ nghĩa, vào sự lãnh đạo của Đảng, vào các quan điểm đổi mới, không hoang mang dao động giảm sút niềm tin, xa rời lý tưởng cách mạng trong bất cứ tình huống nào.

Về hành động: Phải chấp hành nghiêm túc mọi chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của ngành Công an; hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Chống mọi biểu hiện vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật; lơ là mất cảnh giác thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác, thiếu tinh thần tấn công tội phạm... Tuyệt đối trung thành còn đòi hỏi phải có lập trường quan điểm vững vàng, không mơ hồ ảo tưởng vào chủ nghĩa tư bản, luôn nêu cao cảnh giác cách mạng trước những âm mưu và hoạt động “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch, kịp thời phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Hồ Chí Minh dạy: “Muốn làm tròn nhiệm vụ, công an phải nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ” [80, tr. 21].

Thứ tư, đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.

Kính trọng, lễ phép với nhân dân vừa thể hiện quan điểm quần chúng của người cán bộ chiến sỹ Công an vừa thể hiện đường lối quần chúng trong công tác bảo đảm an ninh trật tự. Kính trọng lễ phép với nhân dân là một trong những yêu cầu của việc rèn luyện phẩm chất chính trị của người cán bộ chiến sỹ Công an.

Kính trọng, lễ phép với nhân dân, xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, bảo vệ những thành quả của cách mạng cũng là sự nghiệp của quần

chúng. Kính trọng, lễ phép với nhân dân còn thể hiện sự kế thừa các tư tưởng tiên bộ của ông cha ta: “*Dân là gốc*”. Bác Hồ đã dạy:

*“Nước lấy dân làm gốc
Gốc có vững cây mới bền,
Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân”*.

Trong cuốn “*Đường cách mệnh*” Người viết: “*Kách mạng là sự nghiệp chung của cả dân chúng*” và Bác nhấn mạnh đối với người cán bộ “*bao nhiêu quyền hạn đều của dân, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hành và lực lượng ở nơi dân, Đảng và Chính phủ là “đầy tớ nhân dân” chứ không phải “quan nhân dân để đè đầu cưỡi cổ nhân dân*”.

Kính trọng, lễ phép với nhân dân còn xuất phát từ bản chất của lực lượng Công an, vì chế độ ta là chế độ mà người dân là chủ của đất nước, chủ chế độ xã hội. Công an của ta là Công an nhân dân, là con em của nhân dân từ nhân dân mà ra, vì nhân dân phục vụ, được nhân dân che chở đùm bọc giúp đỡ ủng hộ. Nhân dân còn tham gia góp ý phê bình xây dựng lực lượng Công an ngày càng trong sạch, vững mạnh. Chúng ta coi nhân dân là người chủ của đất nước, người chủ của chế độ. Do vậy người cán bộ chiến sỹ Công an phải kính trọng, lễ phép với nhân dân. Bác dạy: “*phải đi đường lối quần chúng thì nhân dân mới tin yêu, giúp đỡ công an và công an mới thành công được*” [80, tr. 25].

Mặt khác, bọn phản cách mạng và bọn tội phạm hình sự trà trộn trong nhân dân bằng nhiều thủ đoạn tinh vi xảo quyệt phá hoại an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Kính trọng, lễ phép với nhân dân là đi đúng đường lối quần chúng trong công tác Công an nhằm tạo nên được động lực và phát huy được sức mạnh tổng hợp to lớn của quần chúng, làm chỗ dựa vững chắc cho lực lượng Công an hoàn thành nhiệm vụ. Bác dạy: “*Làm công an thì phải làm cho dân tin, dân yêu dân ủng hộ. Có dựa vào nhân dân thì Công an mới hoàn thành nhiệm vụ của mình. Nhân dân có hàng triệu tai mắt thì kẻ địch khó mà che dấu được. Nếu trong công tác, các cô các chú được dân ủng hộ làm cho dân tin dân phục, dân yêu thì nhất định các cô các chú thành công*” [80, tr. 75].

Công việc của Công an hàng ngày tiếp xúc với nhân dân, để giải quyết những tâm tư nguyện vọng quyền lợi chính đáng của nhân dân. Nếu người cán bộ chiến sỹ Công an không có quan điểm quần chúng đúng đắn sẽ không thể hết lòng hết sức phục vụ nhân dân.

Sự kính trọng, lễ phép với nhân dân được thể hiện:

Về thái độ: Thể hiện ở cách xưng hô đúng mức, nói năng lịch sự hòa nhã khiêm tốn, có văn hóa, biết kính nhường những người lớn tuổi, tôn trọng phụ nữ, yêu quý trẻ em. Trân trọng lắng nghe tiếp thu ý kiến mà nhân dân phê bình, góp ý. Đấu tranh khắc phục những biểu hiện: Nói năng thô tục, thái độ lạnh nhạt trịch thượng quan cách, hách dịch cửa quyền, ban ơn, coi thường, dọa nạt nhân dân... Lễ phép không mâu thuẫn gì với tác phong đứng đắn mực thước, không mâu thuẫn gì với thái độ kiên quyết, dứt khoát trong công việc. Đó là sự kết hợp hài hòa trong thái độ, phong cách của người Công an. Vừa lễ phép, khiêm tốn, vừa chững chạc mực thước, người Công an càng được quần chúng ủng hộ và kính trọng. Thái độ đó cũng làm cho những kẻ có hành vi sai trái hiểu ra vai trò công dân của họ và sẵn sàng tuân thủ pháp luật.

Về hành động: Phải lắng nghe những yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, sẵn sàng tìm mọi cách, mọi khả năng để giải quyết không quản ngại khó khăn gian khổ, nguy hiểm việc to hay nhỏ, giá trị vật chất nhiều hay ít, người có địa

vị xã hội hay thường dân. Tôn trọng không xâm phạm đến lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân; rèn luyện tác phong đi sâu đi sát quần chúng kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân để giải quyết hoặc kịp thời đề xuất với cấp trên giải quyết. Khắc phục những biểu hiện né tránh đùn đẩy bằng quan vô trách nhiệm, bao che tội phạm, đòi đưa hối lộ, để công việc dây dưa kéo dài, hoặc thực hiện các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn đơn thuần.

Thứ năm, đối với công việc, phải tận tụy.

Đây là một yêu cầu về năng lực cần có của người Công an.

Tận tụy có nghĩa là hết sức, hết lòng toàn tâm toàn ý vì công việc chung, tận tụy là biểu hiện cụ thể của lòng “*trung với nước, hiếu với dân*”

Tận tụy với công việc là một biểu hiện rất quan trọng của sự giác ngộ lý tưởng cách mạng. Lòng trung thành tuyệt đối với Chính phủ chỉ có thể được khẳng định bằng hành động tận tụy trong công việc, vì sự nghiệp của Đảng, vì lợi ích của nhân dân.

Tận tụy với công việc xuất phát từ yêu cầu đấu tranh của lực lượng Công an với bọn phản cách mạng và bọn tội phạm hình sự. Chúng hoạt động dẫu mặt trá hình dưới nhiều danh nghĩa và bằng nhiều thủ đoạn tinh vi xảo quyệt khác nhau, chúng lợi dụng các thành tựu khoa học và công nghệ để phá hoại cách mạng, xâm phạm tài sản nhà nước và tính mạng tài sản của nhân dân.

Mặt khác, công tác Công an thường liên quan đến tính mệnh và tài sản của nhân dân. Do vậy, nếu không tận tụy, khách quan trong công việc dễ dẫn đến làm sai, làm oan người vô tội, không bảo vệ được những quyền lợi hợp pháp của người dân.

Tận tụy với công việc là thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tự giác tự nguyện, toàn tâm toàn ý vì công việc không nề hà tính toán đến lợi ích riêng tư.

Đối với những cán bộ trực tiếp làm công tác đấu tranh với tội phạm, phải kiên trì bền bỉ, làm việc bất kể thời gian, vượt qua mọi khó khăn gian khổ nguy hiểm tìm mọi đối sách, mọi biện pháp điều tra xác minh phát hiện ngăn chặn và trấn áp kịp thời mọi hành động phá hoại của chúng.

Đối với những cán bộ làm tham mưu phục vụ, phải tôn trọng kỷ luật lao động, tận dụng thời gian miệt mài say mê nghiên cứu, học tập, làm việc một cách có chương trình kế hoạch cụ thể, chăm chỉ học tập rút kinh nghiệm trong công tác, không thỏa mãn với kết quả đạt được để nâng cao năng suất và chất lượng, hiệu quả công tác.

Đối với những cán bộ trực tiếp làm công tác tiếp xúc với nhân dân, phải có tấm lòng nhân ái, thực sự đồng cảm với những oan ức, đau khổ mất mát của công dân để nghiên cứu suy nghĩ tìm mọi giải pháp khắc phục khó khăn nhằm bảo vệ sinh mệnh chính trị tính mạng và tài sản của nhân dân.

Chống những biểu hiện lười biếng thiếu trách nhiệm, ngại khó ngại khổ, dựa dẫm, đùn đẩy cho người khác, hoặc tính toán những công việc có lợi cho cá nhân. Như vậy, cán bộ chiến sỹ công an trên cơ sở giác ngộ lý tưởng cách mạng, trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc, có lòng tin sắt đá vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa với ý thức làm chủ đúng đắn mà tận tụy làm việc, làm việc bất cứ ở đâu, bất kể điều kiện nào và sẵn sàng chấp nhận hy sinh khi cần thiết.

Thứ sáu, đối với địch, phải cương quyết khôn khéo.

Cương quyết là một trong những tiêu chuẩn thể hiện lập trường quan điểm của người Công an cách mạng. Cán bộ chiến sỹ Công an phải thấy địch cho đúng, cho

rõ, phải đấu tranh không khoan nhượng đối với bọn phá hoại hiện hành, bọn chống lại nhân dân, chống lại tổ quốc, làm tay sai cho ngoại bang, bọn tội phạm hình sự.

Xuất phát từ bản chất của bọn tội phạm, nhất là bọn phản cách mạng là căm thù ngoan cố chống đối cách mạng quyết liệt bằng những thủ đoạn hoạt động ngày càng thâm độc, tinh vi xảo quyệt. Đặc biệt trong thời đại ngày nay, các thế lực thù địch đứng đầu là đế quốc Mỹ đã và đang thực hiện chiến lược “*diễn biến hòa bình*” bằng nhiều thủ đoạn hoạt động rất nham hiểm nhằm xóa bỏ Đảng Cộng sản Việt Nam, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Vì vậy, đòi hỏi người cán bộ chiến sỹ phải kiên quyết khôn khéo trong đấu tranh với kẻ địch.

Cương quyết khôn khéo trong đấu tranh với kẻ địch còn thể hiện sự kiên định lập trường giai cấp của giai cấp công nhân, trung thành với sự nghiệp cách mạng, luôn có ý chí chiến đấu và tư tưởng cách mạng tiến công của cán bộ chiến sỹ ta.

Cương quyết khôn khéo với kẻ địch là sự kết hợp hài hòa giữa sự kiên định về lập trường, không xa rời nguyên tắc với sự mềm dẻo về sách lược và phương pháp đấu tranh. Đây cũng là một cách xử thế của người phương Đông. Cương quyết với kẻ địch đồng thời khôn khéo trong đối sách nhằm triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ địch để làm suy yếu chúng. Phân hóa kẻ thù, tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chủ yếu, nguy hiểm, trực tiếp trước mắt để giành thắng lợi chắc chắn nhất, hạn chế đến mức thấp nhất những hao tổn về sinh lực vật lực của ta.

Cương quyết với kẻ địch đòi hỏi người cán bộ chiến sỹ phải:

Có lòng căm thù địch sâu sắc, bất chấp khó khăn gian khổ, hy sinh, tiến công và tiến công đến cùng kẻ địch, không khoan nhượng, không né tránh, hữu khuynh trước mọi thủ đoạn đe dọa hoặc mua chuộc của kẻ thù.

Phải đi sâu nắm vững tình hình về âm mưu, phương thức hoạt động của kẻ địch để kịp thời ngăn chặn, bóp chết chúng từ trong trứng.

Tinh thần cương quyết với kẻ địch còn đòi hỏi không để lọt kẻ phạm tội không bắt bừa bắt ẩu làm oan sai người vô tội.

Phải chủ động phòng ngừa tội phạm, coi phòng ngừa là chính ngăn ngừa không để cho tội phạm xảy ra. Tiến tới hạn chế hoặc loại trừ dần những nguyên nhân và điều kiện làm nảy sinh tội phạm, đó là thể hiện tinh thần kiên quyết tiến công địch một cách tích cực nhất.

Khôn khéo với kẻ địch đối với người Công an nhân dân là nghệ thuật đối sách khôn ngoan, sáng tạo trong công tác đánh địch, thể hiện ở ý thức cảnh giác cách mạng cao; nhạy bén về chính trị và nghiệp vụ, thông minh mưu trí biết đề ra đối sách phát hiện và trấn áp có hiệu quả cao mọi thủ đoạn hoạt động của kẻ địch; biết tránh chỗ mạnh tìm chỗ yếu, chỗ sơ hở để tấn công, đánh lừa câu nhử chúng sa lưới của ta; phải khéo léo giữ bí mật, biết chọn thời cơ và tạo ra thời cơ để chủ động đánh địch. Phải kiên định lập trường và phải rất linh hoạt trong chiến thuật, sách lược, mưu trí sáng tạo trong đấu tranh thì mới đánh bại kẻ thù, giành thắng lợi cho cách mạng. Đó cũng là một trong những tiêu chuẩn thuộc về phẩm chất năng lực của chúng ta.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về người Công an cách mạng được thể hiện sâu sắc và cụ thể trong sáu điều Bác Hồ dạy đối với lực lượng Công an nhân dân. Đó là những phẩm chất đạo đức cơ bản của người Công an được thể hiện qua sự thống nhất biện chứng ở ba mối quan hệ cơ bản nhất của con người: Quan hệ với mình, quan hệ với mọi người và quan hệ với công việc.

2. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI ĐỂ XÂY DỰNG CON NGƯỜI TRONG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN HIỆN NAY

2.1. Thực trạng về tình hình học tập, làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh của lực lượng Công an nhân dân trong lĩnh vực đảm bảo an ninh, trật tự

Trải qua các chặng đường phát triển của cách mạng trong suốt hơn 65 năm qua, các thế hệ cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân tích cực học tập và tự giác thực hiện theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực đảm bảo an ninh, trật tự, nói chung và sáu điều dạy của Bác nói riêng với những nội dung sáng tạo, thiết thực, hình thức phong phú, bám sát yêu cầu công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng Công an nhân dân. Qua đó, lực lượng Công an nhân dân đã nêu cao vai trò nòng cốt trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang của dân tộc, được Đảng, Nhà nước và nhân dân ghi nhận.

Tiếp bước thế hệ cha anh, trong những năm gần đây, lực lượng Công an nhân dân tiếp tục nỗ lực phấn đấu, không quản hy sinh, gian khổ, tích cực góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân.

Trong cuộc đấu tranh quyết liệt đó, đã xuất hiện nhiều tấm gương sáng, đó là các Anh hùng, liệt sĩ Lâm Văn Thạnh (Công an tỉnh Lâm Đồng), Lưu Thế Hà (Cục Cảnh sát bảo vệ và Hỗ trợ tư pháp), Lê Thanh Á (Công an TP Hải Phòng), Phạm Văn Chiến (Công an tỉnh Hà Giang), Nguyễn Văn Ngữ (Công an TP Hà Nội), Phạm Văn Cường (Công an tỉnh Lai Châu), Nguyễn Thành Dũng (Công an TP Hồ Chí Minh)... đã nêu cao tinh thần “vì nước quên thân, vì dân phục vụ”, tiêu biểu cho phong trào “Công an nhân dân học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy”. Qua mỗi giai đoạn cách mạng, phong trào “Học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy lực lượng Công an nhân dân” đã xuất hiện nhiều tập thể, cá nhân thực sự tiêu biểu, nêu cao phẩm chất đạo đức, tư cách người Công an cách mạng, chiến đấu dũng cảm ngoan cường, lập công xuất sắc, tô thắm truyền thống vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam.

Đó là những minh chứng sinh động về kết quả to lớn của phong trào Công an nhân dân học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy lực lượng Công an nhân dân, đồng thời khẳng định phong trào ngày càng lớn mạnh, không ngừng phát huy tác dụng tích cực trong cuộc sống, công tác, chiến đấu.

Việc học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy lực lượng Công an nhân dân đã góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ chiến sĩ Công an có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; có phẩm chất đạo đức trong sáng; kỷ cương, kỷ luật chặt chẽ; đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động. Phong trào luôn được duy trì và liên tục phát triển, thực sự là động lực quan trọng thúc đẩy, động viên, cổ vũ cán bộ chiến sĩ Công an vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Phong trào học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy lực lượng Công an nhân dân góp phần xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Công an với nhân dân. Thông qua đó, lực lượng Công an nhân dân đã nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân; dựa vào dân để công tác, chiến đấu và xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh. Vì thế, đã được nhân dân tin yêu, giúp đỡ, tạo điều kiện để cán bộ chiến sĩ Công an hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, cũng còn một bộ phận nhỏ cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân chưa thấm nhuần sâu sắc, chưa thực hiện nghiêm túc sáu điều Bác Hồ dạy

dẫn tới suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống... Lực lượng Công an nhân dân đã kiên quyết xử lý những trường hợp sai phạm, đồng thời nghiêm khắc rút kinh nghiệm, có biện pháp khắc phục kịp thời những thiếu sót, khuyết điểm.

Để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong tình hình mới, đòi hỏi lực lượng Công an nhân dân phải nỗ lực phấn đấu, vượt qua thách thức, tiếp tục đẩy mạnh phong trào “*Công an nhân dân học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy*” với mục tiêu quan trọng là: Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có phẩm chất đạo đức trong sáng; có nghiệp vụ tinh thông, bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự của đất nước.

Hơn 65 năm học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy đã để lại nhiều kinh nghiệm phong phú trong chỉ đạo, là hành trang quý báu trong công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân. Trong quá trình tổ chức thực hiện phải gắn kết chặt chẽ phong trào “*Công an nhân dân học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy*” với thực hiện cuộc vận động “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh - Công an nhân dân vì nước quên thân, vì dân phục vụ*”; đồng thời tiếp tục đưa phong trào này lên tầm cao mới nhằm tạo ra chuyển biến mạnh mẽ trên các mặt công tác Công an.

Phát huy kết quả đã đạt được, những kinh nghiệm hay, những mô hình mới trong phong trào “*Công an nhân dân học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy*” để vận dụng sáng tạo trong thực hiện Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh - Công an nhân dân vì nước quên thân, vì dân phục vụ*”.

Để làm tốt các yêu cầu trên, mỗi cấp ủy Đảng và lãnh đạo Công an các cấp phải thường xuyên mở các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng hướng về cơ sở nhằm giáo dục cán bộ chiến sĩ có nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản của Tư tưởng, tám gương đạo đức Hồ Chí Minh. coi trọng tuyên truyền, giáo dục để sáu điều Bác Hồ dạy trở thành tiềm thức, đi vào từng hành động, việc làm của mỗi cán bộ chiến sĩ, tránh bệnh hình thức, quan liêu, chiếu lệ.

Từng đơn vị và mỗi cán bộ chiến sĩ tiếp tục đề ra chương trình hành động, cụ thể hóa nội dung sáu điều Bác Hồ dạy thành tiêu chí, tiêu chuẩn để thực hiện. Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; khắc phục các biểu hiện ngại khó, ngại khổ, thiếu trách nhiệm trong công tác; đẩy lùi tư tưởng trung bình chủ nghĩa trong một bộ phận cán bộ chiến sĩ.

Đặc biệt, phải tăng cường công tác tự phê bình và phê bình, công tác quản lý cán bộ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, tạo môi trường tốt để cán bộ chiến sĩ học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tư cách theo sáu điều Bác Hồ dạy.

Điều cần chú ý là quá trình tổ chức thực hiện phong trào “*Công an nhân dân học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy*” cần có sự ủng hộ, giúp đỡ của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân.

Lực lượng Công an nhân dân phải thực sự gần dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, nâng cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân. Trên cơ sở đó tiến hành chấn chỉnh, cải tiến, đổi mới lề lối làm việc, làm cho nhân dân ngày càng tin yêu, giúp đỡ Công an nhiều hơn...

Có thể khẳng định rằng trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, sáu điều Bác Hồ dạy vẫn mãi mãi là di sản vô giá để vận dụng, thực hiện nhằm xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh.

2.2. Thực trạng và nguyên nhân của việc xây dựng con người trong lực lượng Công an nhân dân

Tình hình tổ chức xây dựng con người trong lực lượng Công an nhân dân:

Thứ nhất, tình hình, kết quả thực hiện các mặt công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân:

Quán triệt các quan điểm của Đảng, chủ trương chính sách phát triển giáo dục đào tạo của Nhà nước và tư tưởng chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an; đồng thời tiếp thu những thành quả đổi mới chung của nền giáo dục quốc dân; trong những năm qua các trường Công an nhân dân và Công an các đơn vị, địa phương đã nghiêm túc quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ đặt ra trong chương trình 147. Các mục tiêu, nhiệm vụ trong chương trình 147 đã được cụ thể hóa trong các chỉ thị, chương trình về nhiệm vụ công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ trong lực lượng Công an nhân dân hàng năm. Trên cơ sở đánh giá kết quả công tác đào tạo bồi dưỡng của toàn lực lượng, đã xác định nhiệm vụ, chương trình công tác cho khối các trường Công an nhân dân và Công an các đơn vị, địa phương nhằm kịp thời định hướng cho sự phát triển của công tác đào tạo bồi dưỡng trong toàn lực lượng theo đúng lộ trình đặt ra trong Chương trình 147 đồng thời tạo sự chủ động cho các đơn vị trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Thứ hai, hoàn thiện cơ cấu hệ thống các cơ sở đào tạo bồi dưỡng trong lực lượng Công an nhân dân:

Thực hiện Nghị quyết số 04 và chương trình 147, căn cứ vào yêu cầu công tác Xây dựng lực lượng Công an nhân dân, Đảng ủy Công an Trung ương và Lãnh đạo Bộ Công an đã tập trung chỉ đạo hoàn thiện quy hoạch, xác định mạng lưới và quy mô đào tạo của các đơn vị cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong Công an nhân dân. Đã ban hành quyết định số 484/2004/QĐ-BCA (X14) ngày 27/5/2004 xác định quy mô đào tạo và địa điểm các học viên, trường Công an nhân dân đến năm 2012 với 35.400 học viên. Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt đề án 1252/2006/ĐA-BCA ngày 17/7/2006 về tăng cường đổi mới giáo dục và đào tạo trong Công an nhân dân trong giai đoạn 2006 - 2020. Trên cơ sở đó, đã tiến hành khảo sát toàn diện trình độ, cơ cấu đội ngũ cán bộ trong toàn lực lượng làm cơ sở nghiên cứu hoạch định chiến lược đào tạo bồi dưỡng cán bộ và quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở đào tạo trong Công an nhân dân. Đã ban hành Quyết định số 3994/QĐ-BCA ngày 07/10/2010 xác định quy mô và địa điểm các học viên, trường Công an nhân dân đến năm 2015 và 2020, theo đó, quy mô đến năm 2015 là 58.700 học viên và đến năm 2020 là 71.800 học viên. Đã chỉ đạo xây dựng và phối hợp với các bộ, ngành báo cáo Thủ Tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Quy hoạch tổng thể, nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo các cơ sở đào tạo bồi dưỡng trong Công an nhân dân đến năm 2020” với 6 đề án thành phần, trong đó có đề án “Quy hoạch, phát triển hệ thống và quy mô đào tạo các trường và các trung tâm huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ trong Công an nhân dân đến năm 2020” làm cơ sở tiếp tục hoàn thiện hệ thống các cơ sở đào tạo bồi dưỡng trong Công an nhân dân.

Trong những năm qua, đã chủ động nghiên cứu và đề nghị Thủ tướng chính phủ quyết định thành lập Trường Đại học Cảnh sát nhân dân và Trường Đại học An ninh nhân dân trên cơ sở tách các phân hiệu của Học viện Cảnh sát nhân dân và Học viện An ninh nhân dân (năm 2003); thành lập trường Đại học kỹ thuật - Hậu cần Công an nhân dân trên cơ sở Trường trung cấp Kỹ thuật nghiệp vụ Công an nhân dân (năm 2010); tổ chức thành lập 4 trường trung cấp: Trung cấp Cảnh sát vũ trang trên cơ sở trường đặc nhiệm Công an nhân dân (năm 2006); Trung cấp Cảnh sát

nhân dân III (năm 2007), Trường Trung cấp Cảnh sát Trại giam (năm 2008) và Trung cấp Cảnh sát Giao thông (năm 2010). Bộ đã chỉ đạo học viện An ninh nhân dân và Học viện Cảnh sát nhân dân tập trung nghiên cứu hoàn thành đề án xây dựng trường trọng điểm; đồng thời căn cứ vào yêu cầu bố trí sử dụng cán bộ theo cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, đã hoàn thiện các đề án, báo cáo Bộ giáo dục và Đào tạo thẩm định để quyết định thành lập 4 trường cao đẳng Công an nhân dân gồm T33, T37, T38 và T39.

Thực hiện quyết định 187/2005/QĐ-BCA ngày 2/3/2005 của Bộ trưởng, đã thành lập các trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ của các đơn vị và một số thành phố lớn; hình thành hệ thống các trung tâm trực thuộc Phòng Tổ chức Cán bộ của Công an các địa phương. Đã tích cực triển khai các Quyết định 614/2007/QĐ-BCA ngày 11/6/2007 về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ; Quyết định 614/2007/QĐ-BCA ngày 11/6/2007 về quy mô các trung tâm; Quyết định 455/2009/QĐ-BCA (X11) ngày 25/2/2009 về Quy chế hoạt động của các Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ trong Công an nhân dân và quyết định 3376/QĐ-BCA ngày 23/8/2010 về việc chuyển Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ trực thuộc giám đốc Công an Tỉnh, thành phố. Hiện đã có 25 trung tâm đi vào hoạt động (so với 4 trung tâm năm 2003). Các trung tâm được thành lập và đi vào hoạt động đã góp phần tích cực cùng các trường Công an nhân dân đáp ứng nhu cầu cấp thiết về tổ chức lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ của Công an các đơn vị, địa phương.

Công tác quy hoạch hệ thống, mạng lưới các cơ sở đào tạo bồi dưỡng trong Công an nhân dân đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và Công an các đơn vị, địa phương, sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ của các đơn vị chức năng trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân. Kết quả nghiên cứu, quy hoạch mạng lưới, hệ thống các trường Công an nhân dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần từng bước thực hiện lộ trình đổi mới, phát triển giáo dục đào tạo Công an nhân dân theo hướng hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong tình hình mới.

Thứ ba, công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo và công tác tuyển sinh:

Đã xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch chỉ tiêu và kế hoạch đảm bảo cho công tác đào tạo bồi dưỡng của toàn lực lượng nhằm thực hiện các mục tiêu đặt ra theo chương trình 147. Kế hoạch, chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng các bộ đã chú trọng theo hướng: Tăng dần và đảm bảo tỷ lệ đào tạo chính quy và không chính quy, từng bước tăng chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng chức danh, bồi dưỡng thường xuyên, cập nhật kiến thức mới về nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ công an các cấp. Công tác kế hoạch đã từng bước thực hiện các chức năng triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng mới của Nhà nước và của Ngành về công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ; khắc phục bước đầu sự mất cân đối về cơ cấu trình độ, ngành nghề giữa các lực lượng, các cấp công an và các vùng miền trong cả nước. Công tác xây dựng kế hoạch đào tạo trong những năm qua đã có sự phân định nhiệm vụ cụ thể hơn giữa các cơ quan chức năng của Bộ, bước đầu tạo điều kiện thuận lợi trong hoạch định và quản lý việc thực hiện chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng cán bộ của toàn lực lượng.

Việc xác định và thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trong Công an nhân dân đã cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng, tăng biên chế, thay thế hao hụt tự nhiên, nâng cao trình độ, từng bước chuẩn hóa chức danh tiêu chuẩn

nghiệp vụ và cơ cấu bố trí lực lượng trong Công an nhân dân. Từ năm 2003 đến năm 2010, đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho 201.647 lượt người, trong đó đào tạo sau đại học cho 928 người; đào tạo đại học cho 70.997 người và đào tạo trung cấp cho 108.000 người trong đó đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học tại công an các đơn vị, địa phương chiếm 31,76% tổng số chỉ tiêu. Đã triển khai các Đề án của Chính phủ về đào tạo Trường Công an xã và đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ điều tra viên theo pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự.

Đã ban hành quy định số 727/QĐ-BCA về tuyển sinh các loại hình đào tạo bồi dưỡng trong Công an nhân dân về đề xuất phương án cải tiến công tác tuyển sinh theo hướng nâng cao chất lượng, đảm bảo công bằng, hợp lý trong việc phân luồng, từng bước đáp ứng nhu cầu bổ sung biên chế và đảm bảo hợp lý cơ cấu bố trí đội ngũ của công an đơn vị, địa phương. Đã ban hành quy chế dân chủ trong tuyển sinh, tuyển dụng công dân vào lực lượng Công an nhân dân; sửa đổi quy định của Bộ về tuyển sinh vào trường Công an; chủ động hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc các chủ trương của ngành giáo dục về công tác tuyển sinh.

Từ năm 2003 đến năm 2010, đã chiêu sinh 64.299 học viên, tăng gấp 3 lần so với giai đoạn 5 năm đầu thực hiện Nghị quyết 04 (1997-2002); số thí sinh đăng ký dự thi vào các học viện, trường Đại học Công an Nhân dân ngày càng tăng, tạo áp lực đối với công tác tổ chức thi, chấm thi và xét tuyển. Số thí sinh dự thi năm 2010 đạt 35.093 người, tăng 17.437 thí sinh (gấp 2 lần) so với năm 2003.

Tuyển sinh các loại hình đào tạo trong Công an nhân dân được thực hiện theo đúng quy định chung của Nhà nước như thực hiện 3 chung với thi tuyển sinh đại học, chính quy, tổ chức thi theo đợt đối với tuyển sinh cao học, đào tạo đại học vừa làm vừa học, liên thông... Công tác tuyển sinh đã dựa trên các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức, học lực, sức khỏe, một số năm đã kết hợp tuyển sinh theo năng khiếu. Đã tích cực thực hiện chủ trương tạo nguồn xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật chất lượng cao, hàng năm đã gửi hơn 100 học viên trúng tuyển các trường Công an nhân dân đi đào tạo tại các trường ngoài ngành như Kỹ thuật quân sự, Kỹ thuật mật mã, Hậu cần quân đội, Bách khoa, Y Dược...

Kết quả về mặt bằng trình độ của toàn lực lượng sau 7 năm thực hiện chương trình 147 như sau:

Đối với toàn lực lượng, tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng trở lên chiếm 47,55% so với năm 2003, vượt 1,57% so với chỉ tiêu đã đặt ra trong chương trình 147. Trong đó, đại học, cao đẳng nghiệp vụ công an chiếm 30,32% tăng 10,32%; trình độ trung cấp nghiệp vụ công an chiếm 42,47% giảm 1,53%. Tỷ lệ cán bộ chưa qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chiếm 7,65%, giảm 14,65% so với năm 2003.

Đối với lực lượng an ninh, đến nay đội ngũ cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng về nghiệp vụ công an chiếm 44,58% tăng 8,58%. Trình độ trung cấp nghiệp vụ công an chiếm 33,35% giảm 8,65%.

Đối với lực lượng cảnh sát, đến nay đội ngũ cán bộ có trình độ đại học cao đẳng nghiệp vụ công an chiếm 25,65% tăng 8,65%. Trình độ trung cấp nghiệp vụ công an chiếm 50,67% tăng 0,67%.

Thứ tư, hoàn thiện cơ cấu ngành nghề, đổi mới mục tiêu, chương trình, phương pháp đào tạo phù hợp với con người:

Cơ cấu hệ thống ngành nghề đào tạo, bồi dưỡng đã được hoàn thiện và mở rộng theo hướng đa dạng hóa; kịp thời triển khai các chủ trương của Đảng và Nhà

nước về công tác đào tạo bồi dưỡng, đáp ứng yêu cầu bố trí và sử dụng cán bộ. Đã mở thêm các cấp học như đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ tại T47 và T48, đào tạo thạc sỹ tại T35; mở thêm các loại hình đào tạo như chuyên các hệ chuyên tu thành đào tạo liên thông từ trung cấp lên đại học và cao đẳng lên đại học; đào tạo đại học cho điều tra viên; đào tạo văn bằng 2; đào tạo trình độ trung cấp cho Trường Công an xã, đào tạo thí điểm cấp 2 văn bằng chính phụ...thành lập thêm các tổ chức bộ máy phục vụ công tác đào tạo ở các trường như các trung tâm ngoại ngữ - tin học và các khoa nghiệp vụ chuyên ngành...

Đã hoàn thành việc xây dựng Đề án thành phần về “Đổi mới và hoàn thiện cơ cấu ngành nghề, nội dung chương trình, phương thức tổ chức đào tạo bồi dưỡng về huấn luyện trong Công an nhân dân đến năm 2020”. Nghiên cứu hoàn thiện danh mục ngành đào tạo trong Công an nhân dân phù hợp với phân loại giáo dục chung của ngành giáo dục và sự phát triển của hệ thống lý luận nghiệp vụ. Hệ thống ngành nghề đã cơ bản được hoàn chỉnh theo cấp học và trình độ đào tạo, bắt đầu có sự liên thông giữa các cấp học. Nhiều ngành và chuyên ngành đào tạo mới đã được mở nhằm đáp ứng sự phát triển của công tác nghiệp vụ công an như đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ chuyên ngành Quản lý nhà nước về an ninh quốc gia, Quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội, đào tạo thạc sỹ chuyên ngành kỹ thuật hình sự, Quản lý và cải tạo phạm nhân, trinh sát hình sự, tổ chức phòng cháy chữa cháy; đào tạo cử nhân chính trị, cử nhân tiếng Trung, Trinh sát phòng chống tội phạm về môi trường, phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao...; đào tạo cử nhân Luật chuyên ngành Luật hình sự, cử nhân phòng cháy chữa cháy dùng cho hệ dân sự; đào tạo trung cấp Trinh sát phòng chống tội phạm về môi trường, kỹ thuật hình sự, công an phụ trách xã... Đã nghiêm cứu đề xuất Bộ giáo dục và đào tạo ban hành danh mục đào tạo với 10 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, 10 chuyên ngành đào tạo thạc sỹ; 11 ngành và 19 chuyên ngành đào tạo đại học, 14 ngành và 24 chuyên ngành đào tạo cao đẳng; 14 và 34 chuyên ngành đào tạo trung cấp. Đến nay đã tổ chức đào tạo tiến sỹ theo 14 chuyên ngành, đào tạo thạc sỹ theo 6 chuyên ngành, đào tạo đại học theo 10 ngành và 14 chuyên ngành; đào tạo trung cấp theo 10 ngành và 17 chuyên ngành. Mục tiêu đào tạo của các ngành học đã được xác định trên cơ sở coi trọng tiêu chí về kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp, từng bước được lượng hóa theo quy mô hình nhân cách người cán bộ công an trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đã mở ra một số loại hình đào tạo mới kịp thời đáp ứng yêu cầu công tác chiến.

Hoàn thành việc xây dựng các văn bản quản lý và hướng dẫn việc thực hiện nội dung chương trình, phương pháp đào tạo. Bộ đã ban hành các Thông tư quy định về chế độ cung cấp thông tin, tư liệu nghiệp vụ phục vụ dạy học, nghiên cứu khoa học cho các trường; về biên soạn, ban hành, quản lý và sử dụng chương trình, giáo trình, tài liệu dạy học; sửa đổi chế độ thù lao cho công tác nghiên cứu biên soạn... tập trung triển khai thực hiện các chủ trương, định hướng và các quy chế, quy định của ngành Giáo dục và tổ chức đào tạo các hệ học, cấp trình độ đào tạo. Đã tổ chức hội thảo về khả năng áp dụng đào tạo theo hệ thống tín chỉ trong Công an nhân dân; triển khai thí điểm việc tổ chức đào tạo theo tín chỉ tại Học viện An ninh nhân dân và Học viện Cảnh sát nhân dân. Các học viện, trường đại học, trung cấp Công an nhân dân đã tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra đối với từng ngành và từng cấp trình độ đào tạo.

Đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống chương trình khung và chương trình đào tạo của các hệ học, bậc học trong Công an nhân dân; tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chương trình đào tạo hệ chính quy, hệ không chính quy,

các chương trình bồi dưỡng chức danh, chương trình đào tạo bồi dưỡng cho học viên quốc tế, chương trình huấn luyện chiến sỹ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân. Đặc biệt đã tổ chức liên kết đào tạo thạc sỹ theo chương trình tiên tiến chuyên ngành Lãnh đạo trong lĩnh vực tư pháp hình sự, phòng chống tội phạm giữa Học viên Cảnh sát nhân dân với trường Đại học Maryland (Hoa Kỳ). Trên cơ sở các chương trình đào tạo đã được ban hành, các trường đã tích cực xây dựng hệ thống gồm 2.051 chương trình môn học, 850 giáo trình và hàng nghìn tài liệu dạy học. Tổ chức biên soạn và đưa vào sử dụng 16 giáo trình dùng chung cho từng cấp học. Nhìn chung, chất lượng các chương trình, giáo trình, tài liệu dạy học đã được nâng cao; các trường và công an các đơn vị, địa phương đã có sự phối hợp chặt chẽ hơn trong cung cấp thông tin, cập nhật kiến thức thực tế đưa vào giảng dạy và trong việc phối hợp đảm bảo tài liệu giáo trình cho các lớp đào tạo liên kết tại địa phương.

Phương pháp dạy học được tiếp tục đổi mới theo hướng dẫn nâng cao tính chủ động và khả năng tự học của học viên, từng bước khắc phục độc thoại trong dạy học, coi trọng việc rèn luyện tay nghề, nhân cách nghề nghiệp, tác phong công tác cho học viên. Đã tổ chức hội thảo thống nhất đổi mới phương pháp giảng dạy và cách thức tổ chức dạy học các môn học đặc thù như ngoại ngữ, chính trị, quân sự võ thuật, triển khai rộng rãi việc tổ chức thực hành chính trị xã hội; thí điểm đổi mới cách thức tổ chức thực tập cho học viên. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, xây dựng giáo án điện tử, chú trọng các hình thức thực hành, thực tập; áp dụng phương pháp dạy học tích cực kết hợp với phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo hướng đa dạng hóa các hình thức, kết hợp các hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau, phù hợp với đặc điểm môn học và đối tượng học viên.

Thứ năm, công tác xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trong lực lượng Công an nhân dân:

Nhiệm vụ xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục đã được lãnh đạo các cấp trong Công an nhân dân đặc biệt quan tâm. Lãnh đạo Bộ đã chỉ đạo tập trung nghiên cứu, ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch xây dựng và phát triển đội ngũ giảng viên. Đặc biệt, đã chú trọng tổ chức rà soát nắm thực trạng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, xây dựng kế hoạch tuyển chọn và xác định lộ trình chuẩn hóa chức danh cho đội ngũ giảng viên làm cơ sở cho việc hoàn thiện đề án “xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các trường Công an nhân dân đến năm 2020”

Đã hoàn thiện hệ thống các quy định, chế độ chính sách liên quan nhằm phát triển nhanh chóng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục cả về số lượng và chất lượng, kịp thời triển khai các chủ trương, quy định của ngành giáo dục về công tác giáo viên; tập trung tháo gỡ những vướng mắc, tạo cơ chế quản lý thống nhất, khuyến khích giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục nỗ lực phấn đấu. Tổng số giáo viên hiện nay là 2558 người (khối ĐH: 1150, khối trung cấp 1473; khối V: 171 người), tăng gấp 2 lần so với năm 2003. Trong đó có 4 giáo sư, 37 phó giáo sư, 266 giảng viên chính, 40 giáo viên cấp cao TTCN, 400 giáo viên chính TTCN.

Từ năm 2003 đến 2010, các trường đã tuyển bổ sung 1531 giáo viên (gấp 8 lần số được tuyển bổ sung trong giai đoạn 1997 - 2003). Các trường đã có nhiều biện pháp tối đa nhằm huy động các nguồn nhân lực của trường như huy động số cán bộ quản lý tham gia giảng dạy; đẩy mạnh phân cấp cho các Khoa, Bộ môn trong quản lý giáo viên; một số trường đã có nhiều biện pháp sáng tạo, có hiệu quả trong sử dụng giáo viên kiêm nhiệm. Tuy nhiên, tỷ lệ học viên trên giáo viên vẫn ở mức cao,

gấp 2 lần so với quy định chung của nhà nước: Khối Đại học là 38 sinh viên/1 giảng viên, khối trung cấp là 26 học viên/1 giáo viên. Tình trạng thiếu giáo viên dẫn đến quỹ thời gian dành cho việc học tập nâng cao trình độ, đi thực tế và nghiên cứu khoa học của giáo viên bị ảnh hưởng.

Đã tập trung đổi mới nội dung và hình thức tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, tạo được phong trào tích cực học tập nâng cao trình độ trong đội ngũ giáo viên. Hình thức bồi dưỡng đã được đổi mới; tạo điều kiện cho giáo viên trao đổi, học tập kinh nghiệm ở trong nước và ngoài nước. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chuyên đề nhằm chuẩn hóa chức danh theo quy định của Bộ. Đặc biệt, đã quan tâm tổ chức đào tạo ngoại ngữ cho giáo viên, tranh thủ và khai thác có hiệu quả các dự án Nhà nước và của nước ngoài nhằm tạo nguồn dự tuyển đào tạo sau đại học ở nước ngoài, đã có 251 giáo viên được đào tạo bồi dưỡng ở nước ngoài trong khuôn khổ các đề án, dự án hợp tác.

Phong trào dạy giỏi đã được quan tâm đẩy mạnh và duy trì nề nếp thường xuyên trong các trường Công an nhân dân. Thời gian qua đã có 141 giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp Bộ, 4381 giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường; nhiều kinh nghiệm, mô hình dạy giỏi được nhân rộng trong các trường Công an nhân dân.

Nhận xét đánh giá

** Những kết quả đạt được trong quá trình xây dựng lực lượng Công an nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và người Công an cách mạng:*

Một là, Trong xây dựng và phát huy nhân tố con người, luôn giáo dục cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh về con người nói riêng. Đặc biệt là sáu điều Bác Hồ dạy lực lượng Công an nhân dân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người vẫn còn nguyên giá trị sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động xây dựng của lực lượng Công an nhân dân. Do đó, cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Công an nhân dân học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy” trong điều kiện, hoàn cảnh hiện nay.

Hai là, Xây dựng lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt trong thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự an toàn xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh về con người.

Nước ta được bạn bè thế giới công nhận là quốc gia có sự ổn định vững chắc về an ninh trật tự, trong đó có phần đóng góp to lớn của cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng Công an nhân dân. Những thành tích của lực lượng Công an nhân dân trong suốt thời gian qua; đặc biệt là những thành tích thể hiện tinh thần chịu đựng gian khổ hy sinh, vững vàng trước cám dỗ, chủ động, sáng tạo trong bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự an toàn xã hội từ sau Đại hội XI của Đảng đến nay.

Ba là, Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về con người trong việc xây dựng người Công an cách mạng có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Nhà nước và với nhân dân.

Trong 65 năm xây dựng và trưởng thành, lực lượng Công an nhân dân đã lấy 6 điều Bác Hồ dạy làm chuẩn mực để rèn luyện, phấn đấu. Đã xây dựng được đội ngũ công an nhân dân tuyệt đối trung thành với Đảng, vì nước quên thân, vì dân phục vụ.

Bốn là, Xây dựng được lực lượng Công an là một tập thể đoàn kết thống nhất, đồng sức đồng lòng hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân yêu cầu trong tình hình mới.

Trong thời kỳ mới, việc nước ta đã gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), hội nhập sâu hơn với nền kinh tế thế giới vừa tạo ra cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức về an ninh - trật tự. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, đòi hỏi phải xây dựng lực lượng Công an nhân dân lên một tầm cao mới, thật sự trong sạch, vững mạnh - không chỉ trung thành với Tổ quốc và tận tụy phục vụ nhân dân, mà còn phải có tri thức toàn diện, nhất là về luật pháp quốc tế, ngoại ngữ, có khả năng sử dụng thành thạo binh khí, kỹ thuật hiện đại, nắm bắt được quy luật, phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm, nhất là tội phạm phi truyền thống, tội phạm khủng bố, tội phạm mang tính quốc tế... Việc quán triệt và thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy kết hợp với năm quy tắc trong giao tiếp ứng xử có văn hóa là hiệu người, thể hiện cái tình với đồng chí, đồng sự, nhân dân; quan tâm tới đồng chí, đồng sự, tôn trọng con người, biết khen, biết khích lệ người khác đã góp phần xây dựng lực lượng Công an nhân dân đoàn kết, vững mạnh đủ sức hoàn thành những nhiệm vụ và yêu cầu trong tình hình mới.

** Những hạn chế trong quá trình xây dựng lực lượng Công an nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và người Công an cách mạng:*

Một là, Còn một bộ phận nhỏ cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân chưa thấm nhuần sâu sắc, chưa thực hiện nghiêm túc 6 điều Bác Hồ dạy dẫn tới suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống...

Hai là, Chưa thường xuyên tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ. Đó đó, còn một bộ phận cán bộ, chiến sĩ có lập trường tư tưởng chưa thật sự vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật chưa cao, lòng trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân chưa triệt để.

Ba là, Công tác đổi mới công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ còn một số hạn chế, chưa coi trọng đúng mức quy hoạch, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ để bổ sung đội ngũ lãnh đạo chỉ huy các cấp có đủ năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chưa thật sự kiên quyết sa thải những cán bộ có ý thức tổ chức kỷ luật, phẩm chất đạo đức kém. Những cán bộ tha hóa, biến chất, tiêu cực, tham nhũng, những nhiều hách dịch với nhân dân chưa được loại bỏ hoàn toàn trong lực lượng.

Bốn là, Chưa có đủ điều kiện cơ sở vật chất tạo điều kiện cho cán bộ, chiến sĩ học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nêu cao tinh thần trách nhiệm, khắc phục khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Năm là, Công tác lãnh đạo, chỉ đạo còn có khiếm khuyết chưa thực sự sâu sắc, chưa phát huy hết nhân tố con người trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Chưa tạo ra được chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm phát huy nhân tố con người trong lực lượng Công an nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

** Nguyên nhân của những hạn chế*

Một là, hiện nay, nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bên cạnh những thuận lợi, đang chịu sự chi phối từ những mặt trái của cơ chế thị trường, những tiêu cực nảy sinh trong quá trình hội nhập, toàn cầu hóa. Chủ nghĩa cá nhân có nhiều điều kiện phát triển với những biểu hiện phức tạp, tinh vi.

Hai là, Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu,

những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp.

Ba là, một bộ phận không nhỏ cán bộ, chiến sĩ thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện; ở một số cấp uỷ việc giáo dục đạo đức, lối sống còn bị xem nhẹ hoặc hình thức. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” có những diễn biến phức tạp.

Bốn là, do thoái hoá về lý tưởng chính trị, biến chất về đạo đức, lối sống, để cho chủ nghĩa cá nhân phát triển của một bộ phận cán bộ, chiến sĩ đã làm ảnh hưởng xấu đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng, gây trở ngại lớn đến công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Năm là, đời sống của một số cán bộ chiến sĩ còn gặp nhiều khó khăn, chưa có đầy đủ điều kiện để học tập nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu công tác.

2.3. Những quan điểm và giải pháp cơ bản nhằm phát huy nhân tố con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng lực lượng Công an nhân dân hiện nay

Những quan điểm cơ bản của công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân hiện nay

Nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng vũ trang với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước Đảng ta rất quan tâm và thực hiện nhất quán chính sách: Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Xây dựng Quân đội nhân dân với số quân thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh toàn diện; kết hợp lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới. Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật từng bước hiện đại.

Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

Thông qua những quan điểm của Đảng và Bộ Công an, có thể khái quát những quan điểm cơ bản của công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân như sau:

Trong công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân cần nắm vững và vận dụng đúng đắn quan điểm của Đảng, Nhà nước về vai trò, vị trí, chức năng nhiệm vụ của Công an nhân dân: Là lực lượng vũ trang, công cụ bạo lực trọng yếu của Đảng, Nhà nước, là lực lượng xung kích, nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ An ninh Quốc gia và trật tự an toàn xã hội, có chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực an ninh trật tự và trực tiếp đấu tranh nhằm chủ động điều tra, phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tội phạm và các vi phạm pháp luật về an ninh trật tự.

Công an nhân dân Việt Nam là Công an của dân, do dân, vì dân. Công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân nhằm đảm bảo cho lực lượng Công an nhân dân phục vụ lợi ích của nhân dân, trấn áp mạnh mẽ mọi kẻ thù của nhân dân. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân phải gắn bó mật thiết với xây dựng phong trào quần

chúng bảo vệ An ninh Tổ Quốc tạo chỗ dựa vững chắc để nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình trên lĩnh vực an ninh trật tự.

Phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà xây dựng lực lượng Công an nhân dân. Đồng thời phải thông qua thực tiễn chiến đấu, công tác mà rèn luyện, tuyển chọn, đào tạo, nâng cao phẩm chất và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ chiến sỹ.

Xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng trong sạch vững mạnh, chính quy từng bước hiện đại là yếu tố có vai trò quyết định, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ An ninh trật tự.

Xây dựng lực lượng Công an nhân dân phải thực hiện nguyên tắc Đảng lãnh đạo Công an nhân dân tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng với cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân.

Xây dựng lực lượng Công an nhân dân phải thực hiện nguyên tắc tập trung thống nhất, chuyên sâu, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, phối hợp chặt chẽ với các ngành, các địa phương và các đoàn thể quần chúng nhân dân trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ An ninh trật tự và xây dựng lực lượng Công an nhân dân, là nhân tố quyết định đối với công cuộc đấu tranh bảo vệ An ninh Quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

Những giải pháp cơ bản nhằm phát huy nhân tố con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng lực lượng Công an nhân dân hiện nay

Thứ nhất, đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục chính trị tư tưởng trong lực lượng Công an nhân dân phục vụ sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự.

Giáo dục và đào tạo trong lực lượng Công an nhân dân có tầm quan trọng đặc biệt ở chỗ nó chuẩn bị con người cho sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự. Về bản chất, chức năng của giáo dục là chuẩn bị con người cho tương lai bằng cách đào tạo, bồi dưỡng từ hôm nay những năng lực phẩm chất mà người Công an cần có trong tương lai. Trong lực lượng Công an nhân dân những phẩm chất và năng lực đó chính là “đức” và “tài” theo cách nói của Hồ Chí Minh. Giáo dục chính trị tư tưởng trong lực lượng Công an nhân dân tập trung trong những công tác sau:

Một là, tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ chiến sỹ, đặc biệt là cho sinh viên trong các trường Công an nhân dân.

Các cấp ủy đảng và lãnh đạo, chỉ huy trong Công an phải tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, làm cho cán bộ, chiến sỹ nắm vững, quán triệt và vận dụng có hiệu quả quan điểm về công tác quần chúng của Đảng và quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng toàn dân bảo vệ an ninh, trật tự trong tình hình mới.

Từng đơn vị, địa phương chủ động lập kế hoạch để phổ cập trình độ chính trị sơ cấp cho toàn bộ cán bộ chiến sỹ, trình độ chính trị trung cấp cho cán bộ chỉ huy từ cấp phòng trở xuống... Tổng cục xây dựng lực lượng Công an nhân dân phối hợp với các đơn vị, địa phương lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cấp Vụ, Cục, Giám đốc Công an địa phương trở lên.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào học tập, làm theo 6 điều Bác Hồ dạy, thực hiện nghiêm túc cuộc vận động “CAND chấp hành nghiêm điều lệnh; xây dựng nếp sống văn hóa vì nhân dân phục vụ”; “Học tập và

làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh - CAND vì nước quên thân, vì dân phục vụ”, và các cuộc vận động do Bộ GD & ĐT phát động; học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về “Nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân” nhằm xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh.

Đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống, tổng kết lịch sử và chuyên đề, xây dựng truyền thống lực lượng Công an nhân dân, bảo tàng Công an nhân dân, hoạt động tình nghĩa “uống nước nhớ nguồn”, người tốt việc tốt...

Hai là, kết hợp công tác giáo dục với công tác thi đua khen thưởng và công tác tuyên truyền:

Đẩy mạnh phong trào thi đua “*Vì An ninh Tổ Quốc*” nhằm vào việc hoàn thành nhiệm vụ công tác chuyên môn cụ thể của từng đơn vị, địa phương có kế hoạch sơ kết, tổng kết nhằm phát huy hiệu quả thực tế của phong trào. Nghiên cứu cụ thể hoá tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể, cải tiến phương thức đánh giá kết quả thi đua khen thưởng bảo đảm khách quan, công bằng. Nghiên cứu cải tiến chế độ khen thưởng nhằm tạo động lực cho phong trào thi đua.

Mở các hội nghị điển hình tiên tiến từ cấp địa phương và toàn ngành vào các năm 2015, 2020, 2025 nhằm chào mừng ngày thành lập Công an nhân dân. Đề xuất các mức độ khen thưởng danh hiệu Anh hùng và khen thưởng tổng kết phong trào bảo vệ An ninh Tổ Quốc nhân dịp kỷ niệm 70 năm, 75 năm, 80 năm ngày thành lập Công an nhân dân.

Bên cạnh đó, cần đổi mới toàn diện các hoạt động tuyên truyền trong Công an nhân dân. Nâng cao chất lượng báo chí xuất bản: phấn đấu 100% công an các địa phương (tỉnh, thành phố) có mục An ninh trật tự trên sóng phát thanh truyền hình và báo viết của địa phương, tăng cường chất lượng phát sóng truyền thanh, truyền hình vì An ninh Tổ Quốc. Hoàn thiện các Nghị quyết, quy chế hoạt động phối hợp của Bộ Công an và các cơ quan liên quan trong công tác tuyên truyền, báo chí xuất bản. Trang bị đủ thiết bị cần thiết cho công tác tuyên truyền, báo chí xuất bản.

Thứ hai, tăng cường công tác xây dựng Đảng và đoàn thể quần chúng trong lực lượng Công an nhân dân phục vụ sự nghiệp bảo vệ An ninh trật tự

Tập trung kiện toàn tổ chức Đảng các cấp trong Công an nhân dân theo quyết định của Bộ Chính trị, từng bước hoàn thiện cơ chế lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng đối với công tác Công an, nhất là lãnh đạo công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh là nhân tố quyết định bảo đảm cho lực lượng Công an nhân dân hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nghiên cứu giải quyết những chồng chéo, bất hợp lý về tổ chức Đảng và bộ máy giúp việc cho cấp uỷ Đảng ở các đơn vị và địa phương bảo đảm sự thống nhất theo đúng quy định của Trung ương phù hợp với việc kiện toàn tổ chức chuyên môn.

Triển khai quyết định của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ của Đảng uỷ Tổng cục, Bộ Tư lệnh, Vụ, Cục trực thuộc Đảng uỷ Công an Trung ương.

Xây dựng và đổi mới quy chế làm việc của Đảng uỷ Công an các cấp, hoàn thiện quy chế về mối quan hệ giữa Đảng uỷ Công an Trung ương với các ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ và cấp uỷ Công an cấp dưới.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp công tác nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng công tác vận động, tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự. Quan tâm xây dựng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”, xây dựng, củng cố, chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và phong trào “Toàn dân tham gia phát hiện, tố giác tội phạm và quản lý giáo dục người vi phạm pháp luật ở địa bàn dân cư”, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và các phong trào cách mạng khác.

Tập trung chỉ đạo củng cố vững chắc thể trận an ninh nhân dân và xây dựng nền an ninh nhân dân rộng khắp, gắn với nền quốc phòng toàn dân, thể trận lòng dân, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Công an nhân dân phải dựa vào nhân dân, gắn bó chặt chẽ với nhân dân để tổ chức đấu tranh phòng, chống các âm mưu hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, tấn công trấn áp tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của nhân dân.

Bên cạnh đó, phải đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thông thoáng, đáp ứng các nhu cầu chính đáng của nhân dân. Tạo điều kiện để nhân dân phát huy trên thực tế quyền làm chủ trong lĩnh vực bảo vệ an ninh, trật tự và tham gia xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, ngày càng hiện đại.

Thứ ba, tập trung đổi mới quy chế công tác cán bộ từ khâu tuyển chọn đến nhận xét, đánh giá và sử dụng cán bộ trong lực lượng Công an nhân dân.

Phải nhận thức cán bộ là khâu then chốt, là động lực trực tiếp của mọi thời kỳ cách mạng. Sự nghiệp bảo vệ an ninh Quốc gia và trật tự an toàn xã hội muốn thành công phải có đội ngũ cán bộ tốt về mọi mặt cả phẩm chất chính trị và năng lực, phải thật sự coi trọng việc thực hiện chính sách cán bộ, đảm bảo lợi ích vật chất và tinh thần cho cán bộ chiến sỹ. Chú ý quy hoạch các độ tuổi khác nhau cho mỗi chức danh, tránh tình trạng thiếu hụt trong đội ngũ cán bộ, đảm bảo tính kế thừa liên tục và trẻ hoá đội ngũ cán bộ.

Trước mắt cần chấn chỉnh lại hội đồng tuyển chọn cán bộ, phân cấp tuyển chọn cán bộ, tuyển chọn phải trên cơ sở có nhu cầu và đúng tiêu chuẩn; phải khách quan, dân chủ trong khâu nhận xét, đánh giá cán bộ.

Công tác quản lý cán bộ trước sự biến đổi của tình hình thế giới và tác động của tình hình trong nước, cấp uỷ Đảng và lãnh đạo công an các cấp phải thường xuyên làm tốt công tác quản lý cán bộ, vừa ngăn chặn sai phạm kỷ luật của cán bộ chiến sỹ vừa bảo vệ chính trị nội bộ trong lực lượng Công an nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, kịp thời phát hiện, uốn nắn các biểu hiện quan liêu, cửa quyền, hạch sách, những nhiễu nhân dân, xử lý nghiêm những cán bộ, chiến sỹ có hành vi xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Tăng cường cuộc đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, ngăn chặn các biểu hiện sai phạm, thoái hoá, biến chất của cán bộ chiến sỹ. Mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ của toàn lực lượng.

Hoàn thiện hệ thống chính sách cán bộ. Hoàn thiện đề án tiền lương mới trong Công an nhân dân và các chế độ chính sách đặc thù của lực lượng Công an nhân dân, chính sách thu hút, khuyến khích nhân tài, cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi vào trong lực lượng Công an nhân dân.

Trong công tác cán bộ thì công tác đánh giá cán bộ là vô cùng quan trọng. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nếu nói cán bộ là một trong những khâu quan trọng quyết định thành công hay thất bại của công tác, thì đánh giá là khâu rất quan trọng trong việc sử dụng cán bộ. Đánh giá cán bộ chính xác là cơ sở cho việc bố trí, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy, mỗi lần xem xét lại nhân lực, một mặt thì tìm thấy những nhân tài mới, mặt khác sẽ tìm ra những cán bộ thiếu năng lực và tư cách...

Thời gian qua, chúng ta đã triển khai tương đối đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ như đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ. Qua sơ kết, tổng kết công tác cán bộ của các địa phương, ban, ngành và trong cả nước thời gian qua cho thấy, công tác này có những chuyển biến trong nhận thức, trong quan điểm về đánh giá cán bộ. Đánh giá cán bộ không đơn thuần chỉ căn cứ vào thành tích cũ, quá trình công tác, trình độ học lực, thành phần lý lịch, mà phải chú trọng hơn về tiêu chuẩn cán bộ, nhất là về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, kiến thức, lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao trong điều kiện công tác cụ thể làm thước đo chủ yếu. Công tác đánh giá cán bộ phải có sự phối hợp chặt chẽ hơn với các cấp ủy và phải thực hiện tốt hơn nguyên tắc tập thể, dân chủ, công khai tự phê bình và phê bình.

Ở nhiều địa phương đều thừa nhận công tác đánh giá cán bộ là một khâu rất khó và còn nhiều yếu kém. Đại hội XI của Đảng cũng nêu rõ: “Nhiều khuyết điểm, yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục... Chậm đổi mới cơ chế, phương pháp và quy trình đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ”. Tránh tình trạng vì khó và yếu nên nhiều nơi nhận xét, đánh giá cán bộ chưa thật sự khách quan, đầy đủ, chính xác.

Quan điểm và phương pháp đánh giá cán bộ cần đổi mới một cách triệt để. Tránh trường hợp, trong nhận xét, đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý theo nhiệm kỳ hằng năm và cuối nhiệm kỳ, hay trước khi bổ nhiệm, cần phải căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, năng lực thực tế, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức trong từng hoàn cảnh cụ thể để đánh giá. Quá trình đánh giá phải đúng quy trình, thành nên nếp, tránh biểu hiện hình thức, chủ quan, tình cảm, nể nang, nhất là chưa phát huy được nguyên tắc tập trung dân chủ.

Cần phải khắc phục ngay tình trạng ở một số địa phương cấp ủy, tổ chức đảng nơi cán bộ sinh hoạt, thậm chí là người lãnh đạo, quản lý trực tiếp chưa sâu sát, chưa nắm chắc, chưa quản lý chặt chẽ, thiếu thông tin và chưa thực sự hiểu biết toàn diện, sâu sắc về cán bộ. Hoặc những nơi, những người có trách nhiệm đánh giá cán bộ, nhưng chưa thật sự công tâm, khách quan, vì động cơ cá nhân, hoặc định kiến, chấp nhận đối với cán bộ, nên đánh giá cán bộ nhiều lúc, nhiều nơi vẫn nặng về ý chí, chủ quan, cảm tính của người đứng đầu. Do vậy, đánh giá không đúng đắn, chính xác về cán bộ, không ít trường hợp đánh giá hoàn toàn không đúng về cán bộ.

Trong nhận xét, đánh giá cán bộ tránh qua loa, chiếu lệ hình thức, không thực hiện dân chủ, công khai trong thảo luận, bàn bạc, nhận xét cán bộ. Kết quả đánh giá cán bộ của cơ quan có thẩm quyền phải được thông báo cho cán bộ được đánh giá biết để họ có cơ hội trình bày ý kiến khi có nhận xét chưa chính xác về mình, nhằm tránh tạo ra sự hoài nghi, hoang mang, không yên tâm và mất lòng tin ở cán bộ, mặt khác để họ nhận thức được khuyết điểm của bản thân và có biện pháp khắc phục.

Trong thực tế còn có tình trạng do đánh giá, nhận xét cán bộ chưa chính xác, nên có những nơi đại đa số cán bộ đều đạt xuất sắc hoặc tiên tiến, nhưng nhiệm vụ chung của đơn vị lại chưa có chuyển biến tích cực, hoặc chưa hoàn thành. Một số

cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm nhưng phát huy tác dụng không cao; cán bộ bất tài, kém đức, cơ hội, trục lợi cá nhân chậm bị thay đổi, hoặc được điều chuyển đến vị trí tốt hơn, thậm chí được nhanh chóng “thăng quan tiến chức”, còn những người thực đức, thực tài thì bị bỏ sót, không được trọng dụng, thậm chí bị vùi dập bởi những thủ đoạn khác nhau.

Để làm tốt hơn công tác đánh giá cán bộ, thiết nghĩ chúng ta cần trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh, hiện thực hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và quan tâm thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, đội ngũ làm công tác tổ chức cán bộ vững mạnh:

Đây là đội ngũ có vai trò rất quan trọng trong xây dựng đội ngũ cán bộ, trong việc đánh giá, sắp xếp, bố trí, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ. Do vậy, đội ngũ này phải thật sự là những người hội đủ cả đức lẫn tài, phải vừa có tâm vừa có tầm; phải biết nhìn xa, trông rộng, phải hiểu biết về con người, thực sự quan tâm và yêu thương cán bộ, phải thật sự vô tư trong sáng, phải có tư chất của người làm công tác tổ chức cán bộ, phải được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về công tác này...

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, đội ngũ này phải tránh những chứng bệnh “*tự cao, tự đại*”, “*ua nịnh*”, “*do lòng yêu ghét của mình mà đối với người*”, “*Đem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau*”. Theo Người, cán bộ lãnh đạo mà phạm một trong bốn bệnh đó thì cũng như mắt đã mang kính màu, không bao giờ thấu rõ mặt thật của những cái mình trông. Bởi vì, người lãnh đạo mà không khiêm tốn, luôn tự cao, tự đại thì không nhìn thấy, không thừa nhận người khác tài giỏi hơn mình; thậm chí có nhìn thấy nhưng lại sinh lòng đố kỵ, sợ người khác hơn mình, nên muốn đìm người giỏi, hại người ngay.

Bệnh thích xu nịnh dễ đưa đến lựa chọn lầm lẫn, cất nhắc nhầm kẻ xấu, bất tài, lại giỏi nịnh hót người trên, không muốn cất nhắc, đề bạt hoặc bỏ sót người ngay thẳng, tài giỏi thật sự. Đối xử với cán bộ mà dựa vào tình cảm cá nhân, vị kỷ cũng khiến nhìn người không đúng. Hơn nữa, xét người phải có cái nhìn rộng rãi, thoáng đạt, không nên nhìn mọi người theo một khuôn khổ chật hẹp, suy nghĩ nông cạn, phiến diện, chủ quan.

Muốn hiểu biết đúng những phải trái ở người khác, hiểu biết cán bộ, thì đội ngũ lãnh đạo và làm công tác tổ chức cán bộ, trước hết phải biết rõ sự phải trái của mình, không hiểu được mình thì khó mà có thể hiểu người. Đội ngũ này phải biết sửa chữa khuyết điểm của mình vì mình càng ít khuyết điểm thì cách xem xét cán bộ càng đúng, và mình phải là những người độ lượng vĩ đại; phải thật sự công tâm, khách quan, phải xác định rõ công tác cán bộ không phải là việc riêng ai, mà là việc chung cho nhân dân, cho đất nước; phải có bản lĩnh và am hiểu, thực hiện đúng quy trình, quy chế trong công tác đánh giá cán bộ.

Đánh giá cán bộ một cách toàn diện, chú trọng lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ theo chức trách được giao làm thước đo năng lực và phẩm chất của con người.

Để làm tốt việc đánh giá cán bộ, trước hết từng cấp, từng địa phương, đơn vị phải trên cơ sở tiêu chuẩn chung để xác định tiêu chuẩn về mọi mặt cho từng chức danh cán bộ; cán bộ căn cứ vào đó tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu; đồng thời phải có cơ chế phân công, giao trách nhiệm rõ ràng trên tinh thần “*cá nhân phụ trách*”. Trên cơ sở những tiêu chuẩn đó, cũng như hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ công tác thực tế theo chức trách được giao của cán bộ mà xem xét đánh giá. Chỉ có dựa vào tiêu chuẩn, hiệu quả của toàn bộ công việc mà xét chất lượng người cán bộ, mới thấy rõ mặt mạnh, mặt yếu, mặt đúng và mặt chưa đúng ở cán bộ.

Đánh giá năng lực cán bộ nên lưu ý các khía cạnh về kiến thức, sự hiểu biết và sự vận dụng kiến thức đó vào cuộc sống. Ngăn ngừa, khắc phục những biểu hiện chưa đúng đắn, những tác động, chi phối không cần thiết trong đánh giá cán bộ; tránh những định kiến chủ quan trong đánh giá cán bộ. Điều này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhắc nhở “phê bình việc” chứ không phải “phê bình người”, tức là nhận xét, đánh giá công việc cán bộ làm, chứ không phải kẻ vạch, công kích vào tính cách riêng của bản thân người cán bộ.

Trong thời kỳ mới, phải đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện cán bộ, chiến sĩ Công an để họ thật sự là tấm gương sáng về phẩm chất đạo đức. Khi đánh giá về đạo đức phải xem xét ở các khía cạnh về lối sống, sinh hoạt, đối nhân xử thế, ý thức kỷ luật... Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh việc nhận xét cán bộ phải bao quát mọi mặt, từ công tác, sinh hoạt đến cách đối xử của họ. Chẳng những xem xét công tác của họ, mà còn phải xét cách sinh hoạt của họ. Chẳng những xem xét cách viết, cách nói của họ, mà còn phải xem xét việc làm của họ có đúng với lời nói, bài viết của họ hay không. Chẳng những xem xét họ đối với ta thế nào, mà còn phải xem xét họ đối với người khác thế nào... Phải biết ưu điểm của họ, mà cũng phải biết khuyết điểm của họ.

Để làm được như lời chỉ dẫn ấy, đòi hỏi người làm công tác này phải tiên hành công việc một cách công phu, thận trọng, luôn sâu sát, am hiểu cán bộ, khắc phục bệnh quan liêu của cơ quan lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan lãnh đạo, cơ quan tham mưu trong công tác cán bộ để không còn tình trạng quản lý cán bộ lỏng lẻo, nắm cán bộ không sát, thiếu thông tin chính xác...

Công tác đánh giá cán bộ nhất thiết còn phải thực hiện nghiêm túc theo yêu cầu lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ. Đánh giá cán bộ lãnh đạo phải căn cứ vào hiệu quả công tác, khả năng đoàn kết, quy tụ, phát huy sức mạnh của tập thể, tạo ra sự tiến bộ và kết quả cụ thể trong ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị mình phụ trách; không tham nhũng, lãng phí, quan liêu và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

Mở rộng dân chủ, công khai, minh bạch trong đánh giá cán bộ.

Để cho tập thể và quần chúng tham gia đánh giá cán bộ. Mỗi một con người có nhiều mối quan hệ ngang dọc, trên dưới, trong ngoài. Cán bộ là một thành viên của một tập thể, một cộng đồng, cùng làm việc, cùng sinh hoạt với nhau, nên cũng có rất nhiều mối liên hệ. Công việc mà cán bộ phụ trách thường liên quan đến nhiều việc, nhiều người. Do vậy, khi đánh giá cán bộ, bên cạnh ý kiến nhận xét của cán bộ lãnh đạo quản lý, của cơ quan tham mưu, còn phải coi trọng ý kiến của tập thể cán bộ và ý kiến của đông đảo quần chúng. Nếu chỉ riêng ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ lãnh đạo quản lý, cán bộ phụ trách công tác tổ chức cán bộ thì sẽ không thể thấy hết mọi mặt của người cán bộ, mọi vấn đề có liên quan đến cán bộ. Những đồng nghiệp cùng làm việc với cán bộ từng thường xuyên cộng tác, gánh vác, chia sẻ trách nhiệm với nhau, gần gũi, trao đổi với nhau nhiều việc, nhiều vấn đề, cho nên họ hiểu nhau hơn là giữa cán bộ lãnh đạo với cấp dưới. Mỗi cán bộ cũng có nhiều mối quan hệ với quần chúng qua công tác, qua sinh hoạt và nhiều hoạt động khác. Quần chúng là đối tượng mà cán bộ hướng tới phục vụ. Vì vậy, ý kiến nhận xét của đông đảo quần chúng thường rất xác đáng. Ngoài việc mình nhận xét họ tốt hay xấu, còn phải xét xem nhiều người khác đánh giá về họ như thế nào? Khi đánh giá cán bộ không thể không tham khảo ý kiến nhận xét của học viên, nhân dân, các cộng đồng xã hội...

KẾT LUẬN

Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về con người với việc xây dựng con người trong lực lượng Công an nhân dân hiện nay, luận văn rút ra một số kết luận sau:

Trong lịch sử triết học, vấn đề con người luôn được trân trọng đề cập đến. Tùy theo điều kiện lịch sử của mỗi thời đại, tùy theo giác độ tiếp cận khác nhau mà các trường phái triết học, các nhà triết học trong lịch sử có những phát hiện, đóng góp khác nhau trong việc lý giải về con người. Do đó, tư tưởng về con người luôn mang tính lịch sử - xã hội thể hiện đặc trưng của mỗi thời đại nhất định.

Trước bối cảnh đất nước ta bị đô hộ, nhân dân ta bị áp bức. Từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đã đi tìm đường cứu nước và đã tiếp cận với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Kế thừa và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xây dựng hệ thống quan điểm lý luận về cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Xuyên suốt hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh chúng ta thấy vấn đề con người luôn là vấn đề trọng tâm, định hướng cho mọi hoạt động cách mạng.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người có nguồn gốc từ truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam và sự kế thừa tinh hoa văn hóa nhân loại của phương Đông, phương Tây và nhất là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người bao gồm nhiều nội dung lớn, thể hiện tập trung ở một số nội dung: *Thứ nhất*, mối quan hệ chặt chẽ giữa giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Vấn đề con người gắn liền với vấn đề cách mạng giải phóng dân tộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến, nền kinh tế xã hội - lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là đặc điểm cơ bản, nội dung chủ yếu quy định việc nghiên cứu con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh; *Thứ hai*, sự thống nhất biện chứng con người - động lực, với con người - mục tiêu, cho thấy con người là chủ thể của tiến trình cách mạng nước ta. Hồ Chí Minh có sự mở rộng khái niệm quần chúng nhân dân là đông đảo các tầng lớp, các giai cấp, có chung lợi ích là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Do đó quan niệm về lực lượng, động lực mục tiêu về con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh được trình bày tập trung vào những nội dung: Con người là vốn quý nhất, yếu tố quyết định thắng lợi của cách mạng; con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của tiến trình cách mạng và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa là chiến lược cơ bản, lâu dài. Những nội dung này thể hiện bản sắc, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp chúng ta tiến tới nghiên cứu những biểu hiện phong phú, phức tạp về vấn đề con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh; *Thứ ba*, giá trị chủ yếu, cơ bản nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con người chính là vấn đề phát huy vai trò nhân tố con người trong cách mạng. Nói đến con người là nói đến con người cụ thể, con người Việt Nam trong cách mạng vô sản với tất cả tính hiện thực phong phú của nó. Con người trong hoạt động thực tiễn cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới..., là những đặc điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con người.

Hơn 65 năm vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng, Công an nhân dân Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. Lực lượng Công an nhân dân đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, hàng trăm đơn vị và cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang. Song, “phần thưởng lớn nhất mà Công an nhân dân nhận được là lòng tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân” [1, tr.31-32]. Sự nghiệp đổi mới ngày nay trên đất nước ta dưới sự định hướng của

chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đang là cuộc cải biến cách mạng sâu sắc trên nhiều lĩnh vực. Trong đó, để hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới thì việc nhận thức đúng và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về con người với việc xây dựng con người trong lực lượng Công an nhân dân hiện nay là hết sức cần thiết mà cũng là vấn đề chiến lược trên lĩnh vực an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội ở nước ta hiện nay.

Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là một trong những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là quá trình phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống những hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật gây mất ổn định chính trị - xã hội. Đó là nhiệm vụ không chỉ riêng của một cá nhân nào mà là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng Công an nhân dân có trách nhiệm làm tham mưu, hướng dẫn và trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ công tác theo chức năng, quyền hạn được giao. Để sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội đạt được thành công thì chúng ta phải luôn coi trọng công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Xuất phát từ chức năng của ngành Công an trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tăng cường hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới đặt ra cho công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội nhiệm vụ nặng nề. Để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong tình hình mới, đòi hỏi lực lượng Công an nhân dân phải nỗ lực phấn đấu, vượt qua thách thức, với mục tiêu quan trọng là: Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có phẩm chất đạo đức trong sáng theo tư tưởng Hồ Chí Minh về con người và về người Công an cách mạng.

Theo Hồ Chí Minh, để lực lượng Công an nhân dân vững mạnh thì phải thiết lập mối quan hệ vững chắc với nhân dân như “*cá với nước*”. Để nhân lên sức mạnh của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh xã hội phải thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân. Đó là bài học “*dân là gốc*”, là nền tảng trong công tác Công an; Đó là bài học về mối quan hệ gắn bó giữa lực lượng Công an với quần chúng nhân dân. Quán triệt quan điểm đó, trong những năm qua, công tác xây dựng lực lượng Công an nhân dân luôn học tập và làm theo lời dạy của Người. Có thể khẳng định một cách tự hào rằng Công an nhân dân học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về con người đã đem lại những kết quả quan trọng trong việc xây con người trong lực lượng Công an nhân dân và góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội của đất nước.

Phát huy kết quả đã đạt được, những kinh nghiệm hay, những mô hình mới trong phong trào “Công an nhân dân học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy” để vận dụng sáng tạo trong thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh - Công an nhân dân vì nước quên thân, vì dân phục vụ”.

Trong thời gian tới, yêu cầu các cấp ủy Đảng và lãnh đạo Công an các cấp phải thường xuyên mở các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng hướng về cơ sở nhằm giáo dục cán bộ chiến sĩ có nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản của tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Coi trọng tuyên truyền, giáo dục để sáu điều Bác Hồ dạy trở thành tiềm thức, đi vào từng hành động, việc làm của mỗi cán bộ chiến sĩ, tránh bệnh hình thức, quan liêu, chiếu lệ.

Từng đơn vị và mỗi cán bộ chiến sĩ tiếp tục đề ra chương trình hành động, cụ thể hóa nội dung sáu điều Bác Hồ dạy thành tiêu chí, tiêu chuẩn để thực hiện. Kiên

quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; khắc phục các biểu hiện ngại khó, ngại khổ, thiếu trách nhiệm trong công tác; đẩy lùi tư tưởng trung bình chủ nghĩa trong một bộ phận cán bộ chiến sĩ.

Có thể khẳng định rằng trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người vẫn mãi mãi là di sản vô giá để vận dụng, thực hiện nhằm xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh. Toàn lực lượng Công an nhân dân tiếp tục nỗ lực học tập và làm theo sáu điều Bác Hồ dạy, luôn xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Chính phủ, là con em yêu quý của nhân dân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hồng Anh (2005), “Lực lượng Công an nhân dân - 60 năm xây dựng và trưởng thành”, *Tạp chí Cộng sản*, (16).
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), “Chỉ thị của Ban Bí thư về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới”, *Báo Nhân dân*, (17419).
3. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (2007), *Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Tài liệu học tập chuyên đề Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Tuyên giáo Trung ương (2009), *Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân (tài liệu học tập năm 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (1980), *Nghị quyết số 31/NQTW về nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội*.
7. Bộ Công an (2005), *Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Bộ công an (1998), *Một số vấn đề về xây dựng lực lượng Cảnh sát nhân dân trong tình hình mới*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
9. Bộ công an (2003), *Một số vấn đề nghiên cứu, tổng kết, biên soạn lịch sử Công an nhân dân*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
10. Bộ công an (2005), *60 năm những trang sử vẻ vang Công an nhân dân Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Bộ công an (2009), *Xây dựng đội ngũ trí thức Công an nhân dân trong tình hình mới*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
12. Bộ công an (2010), *Công an nhân dân 65 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
13. *Các tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin bàn về khoa học lịch sử* (1963), Nxb. Sự thật, Hà Nội.
14. Trường Chinh (1973), *Hồ Chí Minh, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

15. Doãn Chính (Chủ biên) (2004), *Đại cương Lịch sử triết học Trung Quốc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Doãn Chính (2004), *Lịch sử tư tưởng triết học Án Độ cổ đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Doãn Chính - Đinh Ngọc Thạch (Chủ biên) (2003), *Vấn đề triết học trong tác phẩm của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. *Danh nhân Hồ Chí Minh* (2000), Nxb. Lao động, Hà Nội.
19. Nguyễn Hồng Dương - Phan Đại Doãn (1990), *Sơ thảo lịch sử bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự xã hội Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
20. Phạm Văn Đồng (1989), *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ*, Nxb. Văn học xã hội, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh* (1990), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Trần Quốc Hoàn (2004), *Một số vấn đề về xây dựng lực lượng Công an nhân dân*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
25. Đặng Xuân Kỳ (chủ biên) (1997), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Trịnh Văn Kiệm (2008), *Một số vấn đề về xây dựng lực lượng Cảnh sát nhân dân*. Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
27. Vũ Khiêu (Chủ biên) (1993), *Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - Truyền thống dân tộc và nhân loại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
28. Kỷ yếu hội thảo khoa học (2009), *Tìm hiểu, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
30. Nguyễn Thành Lê, *Lời tự răn khi làm quan của Đặng Huy Trứ*, Báo Sài Gòn giải phóng ngày 1/6/1997.
31. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, t.23, t.31, t.33, t.36, t.37, t.38, t.41, t.44, t.45, t.50, Nxb. Tiến bộ, Moscow.
32. Ngô Sỹ Liên (2004), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, t.1, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
33. Nhóm Trà Lĩnh (1990), *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
34. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.1, t.19, t.42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Nông Đức Mạnh (2003), *Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, đổi mới, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Đinh Văn Mậu - Phạm Hồng Thái (1997), *Lịch sử các học thuyết chính trị - pháp lý*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
37. Hồ Chí Minh (1993), *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Hồ Chí Minh (2000) *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. *Một số vấn đề nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh* (2005), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

40. *Một số lời dạy và mẫu chuyện về tấm gương đạo đức của chủ tịch Hồ Chí Minh* (2007), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Nguyễn Thế Nghĩa (Chủ biên) (1999), *Đại cương lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị trên thế giới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
42. Nguyễn Thế Nghiệp, *Tham nhũng ngăn cản sự phát triển kinh tế*, Thời báo kinh tế Việt Nam (số 176 - ngày 27 tháng 10 năm 2004).
43. Bùi Đình Phong (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa và xây dựng con người mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2002), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Trần Đại Quang (2009), *Xây dựng lực lượng Cảnh sát nhân dân trong sạch, vững mạnh làm nòng cốt trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
46. Phạm Quốc Thành (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về rèn luyện đạo đức cho cán bộ, đảng viên*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Nguyễn Thế Thắng (2002), *Tìm hiểu tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
48. Nguyễn Trãi (1976), *Toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội
49. Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
50. Viện bảo tàng Hồ Chí Minh (1986), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề đạo đức cách mạng*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội.
51. Viện Hồ Chí Minh (2001), *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
52. Viện triết học (1973), *Đảng ta bàn về đạo đức*, Nxb Hà Nội.
53. Viện nghiên cứu khoa học công an (1980), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Ngành công an nhân dân Việt Nam*

Chuyên đề 4
TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ SỰ THỐNG NHẤT
GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Tư tưởng Hồ Chí Minh đó là tư tưởng của “Người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất”, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, người thầy vĩ đại, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc và cách mạng Việt Nam. Tư tưởng của Người đã soi sáng cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ giành thắng lợi trọn vẹn và đang tiếp tục giành những thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta đã khẳng định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động”⁽¹⁾. Đó là sự khẳng định vai trò to lớn và cực kỳ quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp chặt chẽ tư tưởng của Người với chủ nghĩa Mác – Lênin tạo thành cơ sở tư tưởng cho toàn bộ hoạt động của Đảng. Qua các kỳ đại hội từ Đại hội VIII đến Đại hội XI, và thực tiễn xây dựng đất nước, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng được nghiên cứu sâu sắc hơn và rộng lớn hơn.

Hồ Chí Minh đã nhận thức và vận dụng thành công chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng nước ta đến những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử to lớn của thời đại. Không thể nói hết những gì Hồ Chí Minh đã nhận thức và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin trong một tài liệu tham khảo, ở đây chỉ xin đề cập đến vấn đề: “*Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống*

⁽¹⁾ ĐCSVN, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 127.

nhất giữa lý luận và thực tiễn”. Tài liệu này phục vụ cho môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn

1.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về lý luận

Hồ Chí Minh hiểu rất sâu sắc vai trò của lý luận đối với thực tiễn, trong quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, Người luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải nắm vững lý luận Mác – Lênin để chỉ đạo thực tiễn phong trào cách mạng. Người nhắc lại lời dạy của Lênin, Người thầy vĩ đại của chúng ta đã tóm tắt tầm quan trọng của lý luận như sau: “ Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng” và “ chỉ có một Đảng có lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có thể làm tròn được vai trò chiến sĩ tiên phong”⁽¹⁾.

Để cán bộ, đảng viên hiểu được con đường hình thành và vai trò của lý luận đối với hoạt động thực tiễn, Hồ Chí Minh đã nêu ra khái niệm lý luận: “Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức của tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử”⁽²⁾. Muốn có lý luận phải dựa vào hoạt động thực tiễn, dựa vào những thực tế trong lịch sử, dựa vào những kinh nghiệm đã đúc rút được trong hoạt động thực tiễn. Qua đó con người đối chiếu so sánh, phân tích tổng hợp và khái quát thành lý luận. Trong bài “ Sửa đổi lối làm việc”, Người viết “ Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc đấu tranh xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận”⁽³⁾.

Lý luận phản ánh đúng đắn bản chất của các sự vật, hiện tượng, các quá trình trong tự nhiên và xã hội. Nó giúp chúng ta nắm được quy luật vận động của các sự vật và hiện tượng. Như vậy Hồ Chí Minh không những làm rõ khái niệm về lý luận mà còn làm rõ nguồn gốc, con đường hình thành và vai trò của lý luận. Người cũng nói rõ chính lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin là sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào công nhân từ trước đến nay của tất cả các nước, nó là “Khoa học và các qui luật phát triển của tự nhiên và xã hội, khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột, khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước”⁽¹⁾.

Vì vậy, lý luận Mác – Lênin là ngọn đuốc soi đường, là nền tảng tư tưởng cho phong trào cách mạng của giai cấp vô sản các nước. Những nguyên lý phổ biến của lý luận Mác – Lênin xác định phương hướng và định ra phương pháp hành động đúng đắn cho Đảng cộng sản và phong trào công nhân ở nước ta thực hiện thành công cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lý luận Mác – Lênin là: “Kim chỉ nam”, nó “Chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế”⁽²⁾. Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên muốn làm việc tốt thì phải nắm vững lý luận vì: “ Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”⁽³⁾.

Về mối quan hệ giữa kinh nghiệm và lý luận, Người cho rằng kinh nghiệm là vốn quý. Trong hoạt động thực tiễn, con người cần phải đúc rút kinh nghiệm, nắm được kinh nghiệm và cần có nhiều kinh nghiệm để chỉ đạo hành động. Con người

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 637.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 639.

⁽³⁾ Hồ Chí Minh, *Về vấn đề giáo dục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1990,

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 639.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh, *Về vấn đề giáo dục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1990, tr. 63.

⁽³⁾ Hồ Chí Minh, *Về vấn đề giáo dục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1990, tr. 63.

không có kinh nghiệm sẽ không có cơ sở điều kiện để tổng kết, đúc rút thành lý luận. Nhưng chúng ta chỉ dừng lại ở trình độ kinh nghiệm thì chưa đủ. Bởi vì, kinh nghiệm mới chỉ phản ánh từng mặt, từng bộ phận, chưa đi sâu vào bản chất và tìm ra quy luật vận động của các sự vật hiện tượng. Kinh nghiệm chỉ có vai trò trong một phạm vi hẹp. Trong bài “Sửa đổi lối làm việc”, Hồ Chí Minh đã nói với cán bộ, đảng viên: “Họ quên rằng: kinh nghiệm của họ tuy tốt nhưng chẳng qua là từng bộ phận mà thôi”⁽¹⁾. Vì vậy đòi hỏi cán bộ, đảng viên không được dừng lại ở trình độ kinh nghiệm, tuyệt đối hóa kinh nghiệm dẫn đến coi thường lý luận, không học lý luận, lý luận kém. Muốn làm việc tốt, cán bộ cần phải nâng cao tri thức lý luận, nắm vững lý luận. Người nói: “Có những cán bộ, những đảng viên cũ, làm được việc, có kinh nghiệm, cố nhiên những em đó rất quý báu cho Đảng. Nhưng họ lại mắc phải cái bệnh khinh lý luận. Họ quên rằng: nếu họ đã có kinh nghiệm mà lại biết thêm lý luận thì công việc tốt hơn nhiều”⁽²⁾. Vì vậy cán bộ, đảng viên phải thấy rõ tầm quan trọng của lý luận, không được coi thường vai trò của lý luận. Vai trò của kinh nghiệm và lý luận được Người dùng hình tượng như hai con mắt: “Có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng, một mắt mờ”⁽³⁾.

1.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về thực tiễn

Hồ Chí Minh không những làm rõ vai trò của lý luận mà còn làm rõ vai trò của hành động thực tiễn. Người chỉ rõ lý luận ra đời trên cơ sở hành động thực tiễn xã hội. Chính hoạt động thực tiễn của con người là cơ sở, nguồn gốc để con người đúc rút thành kinh nghiệm và tổng kết, khái quát thành lý luận. Thực tiễn luôn vận động, biến đổi. Vì vậy lý luận cũng được bổ sung, phát triển phù hợp với điều kiện mới, hoàn cảnh mới. Người chỉ rõ: “lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh hoạt”⁽⁴⁾.

Lý luận ra đời hướng dẫn con người cải tạo lại hoàn cảnh, cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội, một khi lý luận đó được vận dụng vào thực tiễn hoạt động của quần chúng. Bởi vì suy cho đến cùng thì lý luận không phải vì lý luận mà lý luận vì mục đích cải tạo lại hiện thực, cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội. Thực tiễn là mục đích của nhận thức, của lý luận. Người nói: “Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế, lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông”⁽¹⁾.

Chỉ có trên cơ sở vận dụng lý luận vào thực tiễn mới khẳng định được lý luận đúng hay sai, phù hợp hay không phù hợp với thực tiễn. Một học thuyết đúng khi nó thể hiện được sức mạnh của mình trong hoạt động thực tiễn xã hội, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Một chủ trương đúng, một chính sách đúng nó sẽ có vai trò định hướng cho hoạt động thực tiễn mang lại hiệu quả thiết thực. Ngược lại, chủ trương và chính sách không đúng, không phù hợp với thực tiễn sẽ cản trở hoạt động thực tiễn xã hội, cản trở tiến bộ xã hội. Vì vậy hoạt động thực tiễn có vai trò là cơ sở duy nhất, là tiêu chuẩn để kiểm tra lý luận đúng hay sai. Để làm rõ vấn đề này, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò của thực tiễn. Người khẳng định lý luận sau khi ra đời: “Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận của chân chính”⁽²⁾. Như vậy tính đúng đắn của lý luận không phải được chứng minh bằng lý luận mà phải dựa trên cơ sở hoạt động thực tiễn xã hội.

(1) Hồ Chí Minh, *Về vấn đề giáo dục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1990, tr. 63.

(2) Sđd

(3) Sđd

(4) Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 638.

(1) Hồ Chí Minh, *Về vấn đề giáo dục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1990, tr. 64.

(2) Sđd

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, Hồ Chí Minh luôn yêu cầu cán bộ, đảng viên vừa phải học tập và nắm vững lý luận để chỉ đạo hoạt động cách mạng đi đúng hướng, vừa phải đi sâu, đi sát hoàn cảnh, điều kiện thực tế khách quan. Điều kiện thực tế khách quan của mỗi quốc gia, dân tộc, mỗi vùng, mỗi địa phương có những đặc điểm khác nhau. Vì vậy nắm vững lý luận phải dựa trên cơ sở vận dụng phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nước mình, địa phương mình. Cán bộ đảng viên phải chống tư tưởng quan liêu xa rời thực tế, xa rời quần chúng.

Vậy thực tế là gì? Người chỉ rõ: “Thực tế là các vấn đề mình phải giải quyết, là mâu thuẫn của sự vật”⁽¹⁾. Thực tế là điều kiện, hoàn cảnh, cụ thể, là mâu thuẫn nảy sinh ở sự vật mà chủ thể nhận thức cần phải giải quyết. Người còn nói rõ: “Thực tế bao gồm rất rộng. Nó bao gồm kinh nghiệm công tác và tư tưởng của cá nhân, chính sách đường lối của đảng, kinh nghiệm lịch sử của đảng cho đến các vấn đề trong nước và thế giới”⁽²⁾. Như vậy thực tế là khái niệm rộng, nó chỉ những cái đã diễn ra và đang diễn ra trong lĩnh vực hoạt động vật chất, hoạt động tinh thần.

Người lấy ví dụ: “Chúng ta là những cán bộ cách mạng, thực tế của chúng ta là những vấn đề cách mạng đề ra cho chúng ta giải quyết”⁽³⁾. Khái niệm thực tế mà Hồ Chí Minh hay sử dụng là khái niệm rộng hơn khái niệm thực tiễn. Khái niệm thực tiễn chỉ đề chỉ những hoạt động vật chất của con người. Tùy từng mối quan hệ cụ thể mà người sử dụng khái niệm thực tiễn hoặc dùng khái niệm thực tế cho phù hợp.

1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

Về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, Hồ Chí Minh luôn đứng trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Người luôn coi sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, là phương châm hành động của những người Mácxít. Muốn cách mạng thành công, những người Mácxít đòi hỏi phải nắm vững nguyên tắc về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Cán bộ, đảng viên cần phải chống tư tưởng tuyệt đối hóa vai trò lý luận, hạ thấp, coi thường vai trò của thực tiễn dẫn đến xa rời thực tiễn cách mạng, xa rời quần chúng, giáo điều trong suy nghĩ và hành động. Mặt khác phải chống tư tưởng coi thường lý luận, tuyệt đối hóa vai trò kinh nghiệm thực tiễn dẫn đến không học lý luận, yếu kém về lý luận, hành động mò mẫm, tự do, tùy tiện. Để thấy rõ tầm quan trọng về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, Người khẳng định: “Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác – Lênin”⁽¹⁾. Mỗi cán bộ, đảng viên của đảng cần phải thấy rõ nguyên tắc này và xem nó là phương châm hành động của mình.

Lý luận có vai trò định hướng, là kim chỉ nam cho hoạt động thực tiễn. Nhưng lý luận chỉ dừng lại ở lý luận, ở câu chữ, sách vở, không gắn với hoạt động thực tiễn xã hội thì không có vai trò cải tạo thế giới. Vì vậy khi nhấn mạnh sự quan trọng của lý luận phải gắn với thực tiễn, Người đã nói: “Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”⁽²⁾. Một trong những yêu cầu của người cán bộ cách mạng là chống tư tưởng “lý luận suông”, lý luận xa rời thực tiễn, xa rời nhu cầu của quần chúng, xa rời thực tế khách quan. Chúng ta học lý luận phải gắn với thực tế,

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 639.

⁽²⁾ Sđd

⁽³⁾ Sđd

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 638.

⁽²⁾ Sđd.

học lý luận là để áp dụng vào việc làm, Người nhấn mạnh: “Biết lý luận mà không thực hành là lý luận suông”⁽³⁾.

Cán bộ đảng viên cần phải có trình độ lý luận, phong trào cách mạng phải có lý luận cách mạng soi đường. Người cho rằng, phải có lý luận thì mới hiểu được mọi việc trong xã hội, trong phong trào để “chủ trương cho đúng”, “làm cho đúng”, Người chủ trương: “phải gắn liền lý luận với thực tế”⁽⁴⁾. Chủ trương, chính sách của Đảng phải được dựa trên tình hình cụ thể, giải thích cho quần chúng thực hiện chủ trương, chính sách đó, như thế lý luận mới khỏi tách rời thực tế.

Hồ Chí Minh không những thấy rõ lý luận phải gắn với thực tiễn, phù hợp với thực tiễn, chống lý luận suông mà còn thấy rõ thực tiễn đòi hỏi phải có nhu cầu hướng dẫn của lý luận. Người khẳng định: “Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng”⁽¹⁾. Thực tiễn không có lý luận soi đường là thực tiễn thiếu định hướng, hành động không có lý luận soi đường là hành động mò mẫm, tùy tiện, xa rời qui luật khách quan. Chính hoạt động thực tiễn xã hội là cơ sở, là mục đích của nhận thức, của lý luận. Lý luận hình thành lại là kim chỉ nam soi đường cho hoạt động thực tiễn. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn. Trong hoạt động thực tiễn xã hội, chúng ta chống tư tưởng giáo điều, lý luận suông, đồng thời chống tư tưởng coi thường lý luận, tuyệt đối hóa kinh nghiệm thực tiễn dẫn đến bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa. Tuyệt đối hóa vai trò lý luận hoặc tuyệt đối hóa vai trò thực tiễn đều là những khuynh hướng, tư tưởng cực đoan sai lầm. Người đòi hỏi cán bộ cách mạng muốn làm việc tốt phải nắm vững nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, coi đó là phương châm trong suy nghĩ và hành động của mình.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vận dụng sáng tạo nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

2.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác – Lênin

Từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác – Lênin và chủ nghĩa xã hội, Người đã nói: “Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác – Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”⁽²⁾. Trong quá trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với nhiều tư tưởng, nhiều học thuyết nhưng tất cả đều không đem lại lời giải đáp cho cách mạng Việt Nam. Chỉ có chủ nghĩa Mác – Lênin là học thuyết cách mạng nhất, khoa học nhất, vạch đường cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở nước ta. Người đã khẳng định: “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”⁽¹⁾.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, Đảng ta luôn đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, biết vận dụng lý luận Mác – Lênin vào tình hình thực tế nước ta và đề ra đường lối, chính sách đúng đắn. Vì vậy cách mạng Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trong thời kỳ đổi mới. Khẳng định vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác – Lênin đối với phong trào cách mạng nước ta, Hồ Chí Minh viết: “Chủ nghĩa Lênin đối với

⁽³⁾ Sđd, 326.

⁽⁴⁾ Sđd, tr. 327.

⁽¹⁾ Sđd, tr. 638.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh, *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 229.

⁽¹⁾ *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Viện Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1993, tr. 24.

chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái “cẩm nang” thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản”⁽²⁾.

Để giải quyết tốt mọi nhiệm vụ của cách mạng đặt ra, Đảng phải nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Hồ Chí Minh thấy rõ cán bộ, đảng viên của Đảng cần phải học tập lý luận, hiểu lý luận và biết vận dụng lý luận để giải quyết các công việc cách mạng.

Người cho rằng, một đảng mạnh là một đảng phải có lý luận tiên phong, Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm kim chỉ nam cho hành động của mình nên lãnh đạo cách mạng thu được những thắng lợi to lớn. Nhưng mặt khác vì “trình độ lý luận thấp kém cho nên đứng trước nhiệm vụ cách mạng ngày càng mới và phức tạp, trong việc lãnh đạo Đảng ta không khỏi lúng túng, không tránh khỏi sai lầm khuyết điểm”, “Đảng ta còn có nhiều nhược điểm mà một trong những nhược điểm lớn là trình độ lý luận còn thấp kém”⁽¹⁾. Vì vậy công tác tổ chức học tập lý luận nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên là công việc cần thiết và thường xuyên của đảng. Đảng ta tổ chức học tập lý luận cho cán bộ, đảng viên là để: “nâng cao trình độ lý luận của Đảng ta để giải quyết sự đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng và tình hình thực tế của Đảng ta, để Đảng ta có thể làm tốt hơn công tác của mình, hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ cách mạng vĩ đại của mình”⁽²⁾. Muốn thế phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, phải tổ chức học tập lý luận trong đảng.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: “Lý luận phải liên hệ với thực tế”⁽³⁾. Lý luận rất cần thiết nhưng học tập tiếp thu lý luận không liên hệ và vận dụng vào thực tiễn thì không có kết quả. Cán bộ, đảng viên học tập nâng cao trình độ lý luận là cốt để áp dụng vào thực tế. Khi học tập lý luận thì nhằm mục đích: “học để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận”⁽⁴⁾. Người làm cách mạng phải nắm vững lý luận cách mạng để hiểu rõ mọi hoàn cảnh khó khăn phức tạp, xác định rõ mâu thuẫn nảy sinh và phát triển, để giải quyết đúng đắn các vấn đề cách mạng đặt ra.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Học tập chủ nghĩa Mác – Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác – Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế ở nước ta”, “học để làm”, “lý luận đi đôi với thực tiễn”⁽⁵⁾. Tiếp thu lý luận Mác – Lênin là tiếp thu những nguyên lý, qui luật chung nhất, từ đó chúng ta vận dụng soi sáng vào điều kiện cụ thể của nước ta. Vì vậy học tập và vận dụng lý luận Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng nước ta là tiếp thu và vận dụng một cách sáng tạo trong hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam, phù hợp với đặc điểm riêng của Việt Nam. Chống tư tưởng học tập và tiếp thu lý luận Mác – Lênin một cách giáo điều, rập khuôn. Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên: “Chúng ta phải học tập chủ nghĩa Mác – Lênin để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng nước ta, cho phù hợp với điều kiện đặc biệt của nước ta”⁽¹⁾.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh, *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 229.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 635.

⁽²⁾ Sđd.

⁽³⁾ Sđd, tr. 638.

⁽⁴⁾ Sđd, tr. 639.

⁽⁵⁾ Hồ Chí Minh, *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, 1976, tr. 39.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 639.

Chủ nghĩa Mác – Lênin là học thuyết khoa học và cách mạng, là nền tảng tư tưởng của Đảng ta. Nhưng chủ nghĩa Mác – Lênin không phải là hệ thống lý luận khép kín, hoàn chỉnh tuyệt đối mà nó là hệ thống lý luận mở, luôn được bổ sung và phát triển qua thực tiễn cách mạng sinh động. Lý luận Mác – Lênin cũng không phải là khuôn mẫu và không tạo ra những khuôn mẫu cứng nhắc ở các lĩnh vực cụ thể cho tất cả các nước và các dân tộc ở các thời đại khác nhau. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đã nhắc lại lời dạy của V.I.Lênin rằng: “Lý luận cách mạng phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng, và lý luận cách mạng không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ thực tiễn sinh động”⁽²⁾. Vì vậy cán bộ, đảng viên học tập, tiếp thu và vận dụng lý luận Mác – Lênin một cách sáng tạo, không rập khuôn giáo điều.

Hồ Chí Minh căn dặn cán bộ, đảng viên học tập và tiếp thu lý luận Mác – Lênin là tiếp thu cái tinh thần chung, nguyên lý chung, phương pháp luận chung để định hướng trong suy nghĩ và vận dụng vào thực tiễn nước ta cho phù hợp với hoàn cảnh đặc biệt của nước ta. Chống cách học thuộc lòng câu chữ sách vở mà không hiểu hết ý nghĩa, nội dung các nguyên lý chung, các qui luật chung. Do đó cán bộ, đảng viên học nhiều lý luận mà không giỏi lý luận hoặc vận dụng lý luận một cách giáo điều. Người nhắc nhở cán bộ học lý luận: “Không phải học thuộc lòng từng câu từng chữ, đem kinh nghiệm của các nước anh em áp dụng một cách máy móc”⁽¹⁾.

Học lý luận Mác – Lênin mà chỉ nắm câu chữ, thuộc câu chữ không hiểu sâu sắc nội dung nguyên lý, qui luật để vận dụng vào thực tế cho phù hợp, đó là bệnh giáo điều sách vở. Học kinh nghiệm của nước khác, địa phương khác, ngành khác mà không phân tích tiếp thu tinh thần chung, đem áp dụng một cách rập khuôn, máy móc đó cũng là giáo điều.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải chống chủ nghĩa giáo điều. Người cho rằng học tập lý luận Mác – Lênin là để vận dụng một cách sáng tạo, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể của cách mạng cho phù hợp với điều kiện của nước ta. Người kiên quyết phê phán những cán bộ, đảng viên có tư tưởng lệch lạc trong việc học và tiếp thu lý luận Mác – Lênin. Người phê phán những cán bộ, đảng viên học lý luận theo kiểu học thuộc lòng sách vở, thuộc được nhiều câu, đọc được nhiều sách lý luận rồi tự cho mình là giỏi lý luận. Những người như vậy là giáo điều chủ nghĩa, xa rời thực tế khách quan. Họ không phải giỏi lý luận mà thực chất là yếu kém về lý luận, lý luận suông. Do đó họ thường có biểu hiện lời nói không đi đôi với việc làm. Trong bài “đạo đức cách mạng” Người đã chỉ rõ: “có đồng chí học thuộc lòng một số sách vở về chủ nghĩa Mác – Lênin, họ tự cho mình là hiểu biết chủ nghĩa Mác – Lênin hơn ai hết. Song khi gặp thực tế, thì họ lại là máy móc, hoặc là lúng túng. Lời nói và việc làm của họ không nhất trí. Họ học sách vở Mác – Lênin nhưng không học tinh thần Mác – Lênin. Học để trang sức chứ không phải để vận dụng vào công việc cách mạng”⁽²⁾. Người cũng chỉ rõ những khuyết điểm của cán bộ ta, Người nói: “Từ trước tới nay, đảng ta đã cố gắng liên hệ chặt chẽ chủ nghĩa Mác – Lênin với thực tế cách mạng Việt Nam. Cán bộ và đảng viên ta nói chung đều có phẩm chất cách

⁽²⁾ Sđd, tr. 638.

⁽¹⁾ Sđd, tr. 639.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh, *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, 1976, tr. 39.

mạng tốt đẹp. Nhưng chúng ta còn nhiều khuyết điểm như “bệnh chủ quan, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm”⁽¹⁾.

Người mong muốn đào tạo đội ngũ cán bộ của Đảng luôn nắm vững lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, nắm vững nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lênin về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn để vận dụng vào thực tiễn một cách sáng tạo. Bản thân Người, trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình đã luôn vận dụng sáng tạo lý luận Mác – Lênin trên nhiều lĩnh vực.

Chẳng hạn như luận điểm về con đường của cách mạng Việt Nam thông qua cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Người đã vận dụng những nguyên lý phổ biến và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin vào hoàn cảnh nước ta và các nước phương Đông, vì vậy tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh giải phóng dân tộc được coi là bước phát triển mới học thuyết của Lênin về cách mạng thuộc địa ở thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên đấu tranh cho độc lập, tự do.

Tư tưởng chiến tranh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân của Hồ Chí Minh và của Đảng ta rất phù hợp với chiến tranh cách mạng của nhân dân một nước nông nghiệp lạc hậu chống đế quốc xâm lược. Cả nước một lòng, toàn dân đánh giặc dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, đó là nội dung cơ bản trong tư tưởng chiến tranh nhân dân của Hồ Chí Minh, đó là sự vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận Mác – Lênin trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, đó là nguồn sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Trong lĩnh vực kinh tế, Người đã để lại những tư tưởng cơ bản, sâu sắc định hướng cho quá trình phát triển kinh tế nước ta hiện nay đi đúng hướng. Hồ Chí Minh thấy rõ xây dựng kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là quá trình lâu dài, gian khổ. Trong điều kiện nền kinh tế còn tồn tại nhiều thành phần, phải lấy kinh tế quốc doanh (kinh tế Nhà nước) làm nền tảng, Người viết: “Chúng ta phải phát triển thành phần kinh tế Quốc doanh để tạo nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội và thúc đẩy cải tạo xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾. Kinh tế tập thể được khuyến khích phát triển cùng kinh tế Quốc doanh làm nền tảng kinh tế cho xã hội mới. Đối với những người lao động riêng lẻ: “Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu tư liệu sản xuất của họ... khuyến khích họ tổ chức hợp tác sản xuất theo nguyên tắc tự nguyện”⁽²⁾. Đối với những nhà tư sản công thương: “Nhà nước không xóa bỏ quyền sở hữu tư liệu sản xuất và của cải khác của họ mà ra sức hướng dẫn họ hoạt động nhằm làm lợi cho quốc kế dân sinh... giúp đỡ họ cải tạo theo chủ nghĩa xã hội bằng hình thức công tư hợp doanh và những hình thức cải tạo khác”⁽³⁾. Đó chính là tư tưởng thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Về cơ cấu kinh tế, Hồ Chí Minh thấy được tầm quan trọng hàng đầu của nông nghiệp trong giai đoạn đầu thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Người chỉ ra rằng: “Nước ta là một nước nông nghiệp, cho nên hiện nay nông nghiệp là quan trọng nhất”, “cho nên cần phải cải tạo và phát triển nông nghiệp thì mới có cơ sở phát triển các ngành kinh tế khác”, “Muốn phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế nói chung, phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính. Nếu không phát triển nông nghiệp thì không có cơ sở để phát

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 805.

⁽²⁾ Sđd, tr. 753.

⁽³⁾ Sđd.

triển công nghiệp”⁽⁴⁾. Điều đó phù hợp với tư tưởng của V.I.Lênin rằng: “Cần phải lấy lương thực làm khởi điểm vì gốc rễ của tất cả các khó khăn là ở chỗ đó”⁽⁵⁾. Trong khi nhấn mạnh nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, là cơ sở để phát triển công nghiệp, đồng thời Người cũng vạch rõ mối quan hệ biện chứng giữa công nghiệp và nông nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế, Người nói: “Công nghiệp phát triển thì nông nghiệp mới phát triển, nên công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau phát triển, như hai chân đi khỏe và đi đều thì bước tiến sẽ nhanh và chóng đi đến mục đích”⁽¹⁾. Mối quan hệ biện chứng giữa công nghiệp và nông nghiệp là cơ sở định hướng cho quá trình công nghiệp hóa ở nước ta có những bước đi thích hợp. Về chế độ phân phối sản phẩm trong xã hội, Người luôn coi trọng sự công bằng lợi ích của người lao động. Người tôn trọng qui luật phân phối theo lao động, Người nói: “Phân phối phải theo mức lao động, lao động nhiều thì được phân phối nhiều... không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ cũng công điểm như nhau”⁽²⁾. Như vậy tính biện chứng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về phân phối và công bằng xã hội là mức thu nhập phải dựa trên sức lao động và cống hiến của mỗi người. Chống tư tưởng bình quân, khuyến khích cá nhân phấn đấu làm giàu cho xã hội và cho bản thân mình. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền kinh tế ở nước ta là sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác – Lênin trong điều kiện thực tế Việt Nam. Người đã phát triển lý luận Mác – Lênin về kinh tế trong điều kiện một nước sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Tư tưởng kinh tế của người vẫn giữ nguyên giá trị đối với sự nghiệp đổi mới của nước ta hiện nay.

2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa nói và làm

Hồ Chí Minh đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta, suy nghĩ và hành động của Người luôn biểu hiện là tấm gương sáng về lời nói đi đôi với việc làm, lý luận phải gắn với thực tiễn, đồng thời Người cũng chú ý giáo dục cán bộ, đảng viên của Đảng quán triệt tư tưởng đó.

Đúng như quan điểm của triết học Mác là: không chỉ nhận thức thế giới mà còn cải tạo thế giới, “nói đi đôi với làm” là triết lý sống, là tác phong hành động của Người. Đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh đã nêu một luận điểm quan trọng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến.

Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”⁽¹⁾. Luận điểm ấy đã khẳng định rất rõ vấn đề nêu gương, “nói đi đôi với làm” có tầm quan trọng đặc biệt trong đời sống, nhất là đối với cán bộ, đảng viên.

Người phê phán một số cán bộ có hiện tượng là lời nói không đi đôi với việc làm, nói nhiều nhưng làm ít, thậm chí nói một đằng làm một nẻo, “lời nói và việc làm của họ không nhất trí”. Đó là căn bệnh của những cán bộ, đảng viên không thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn. Do đó họ học lý luận có tính chất giáo điều, sách vở. Họ không nắm được thực chất nội dung của lý luận, do đó không vận dụng được vào công việc cụ thể, họ học tập lý luận để “trang sức” chứ không phải để vận dụng vào thực tế.

⁽⁴⁾ Hồ Chí Minh, *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, 1976, tr. 82.

⁽⁵⁾ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tr. 311.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 155.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh, *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, 1976, tr. 143.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 552.

Hồ Chí Minh luôn yêu cầu cán bộ, đảng viên học lý luận Mác – Lênin là để vận dụng vào công việc cách mạng cụ thể, nắm lý luận phải gắn liền với thực hành, lý luận phải liên hệ với thực tiễn. Thực hiện lời nói đi đôi với việc làm, nói lý luận phải gắn với hiệu quả công việc thực tế mới làm cho quần chúng tin tưởng vào cán bộ, đảng viên. Học lý luận nhưng không đi sát thực tế, không vận dụng lý luận để giải quyết công việc thực tế có hiệu quả thiết thực thì không có vai trò cải tạo được hoàn cảnh. Học như vậy thì có đọc thiên kinh vạn quyển cũng không có tác dụng gì. Lý luận mà không gắn với thực tế, lời nói không đi đôi với việc làm, lý thuyết không đi đôi với thực hành đó là căn bệnh lý luận suông. Người nói: “Lý luận mà không áp dụng vào thực tế là lý luận suông. Dù xem được hàng ngàn, hàng vạn quyển lý luận nếu không đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách”⁽²⁾.

Hồ Chí Minh cũng thấy được một số cán bộ, đảng viên có nhiệt tình cách mạng, có tinh thần hăng hái trong công việc nhưng trình độ thấp, ít hiểu biết lý luận khoa học cũng dẫn tới căn bệnh lời nói không đi đôi với việc làm. Họ thường nói nhiều nhưng thiếu cơ sở khoa học, thiếu cơ sở lý luận, nặng về kinh nghiệm cá nhân. Họ thường hành động tùy tiện, thiếu sự chỉ đạo của lý luận khoa học do đó cũng dẫn đến nói và làm không đi đôi với nhau. Người cũng phê phán thái độ không đúng của những cán bộ đảng viên, nhắc nhở họ cần phải sửa chữa, phê bình và tự phê bình. Người cho rằng phê bình và tự phê bình là rất tốt: “Vì trong cán bộ, có đồng chí tốt, miệng nói tay làm, nhưng cũng có đồng chí “chỉ tay năm ngón”, không chịu làm”⁽¹⁾. Những cán bộ như vậy thường diễn thuyết chung chung, nói nhiều làm ít hoặc không làm. Họ thường nặng về tuyên truyền, phô trương hình thức, ít quan tâm chú ý đến chất lượng và hiệu quả của công việc. Họ thường đặt ra mục tiêu, kế hoạch to tát nhưng xa rời thực tế, không có khả năng thực hiện được. Họ thường phát động phong trào ầm ĩ nhưng lại thiếu sự chỉ đạo một cách sát sao, thiếu tổng kết đúc rút kinh nghiệm, đây là một căn bệnh nguy hiểm đối với những người làm cách mạng.

Do đó Đảng ta cần làm tốt công tác giáo dục cán bộ, đảng viên quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về lý luận liên hệ với thực tiễn, lời nói đi đôi với việc làm, chống cách làm phô trương hình thức, nói nhiều làm ít, không chú ý đến kết quả thực tế, có như vậy chúng ta mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng.

2.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về giáo dục cán bộ chống quan liêu, xa rời thực tiễn

Hồ Chí Minh có tác phong giản dị, gần gũi với quần chúng. Dù bận nhiều công việc của Đảng, của cách mạng Người vẫn theo dõi sát tình hình lao động sản xuất và đời sống của nhân dân lao động. Người luôn gần gũi quần chúng, hiểu được khó khăn và nguyện vọng của quần chúng. Người thấm nhuần truyền thống dân tộc ta, dân là gốc của cách mạng. Mục tiêu của cách mạng nước ta là đem lại tự do, hạnh phúc và đời sống ấm no cho nhân dân lao động. Mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước phải sát với thực tế, nhằm phát triển sản xuất, nâng cao đời sống của nhân dân. Cán bộ, đảng viên phải là những người đầu tàu, gương mẫu hướng dẫn quần chúng, đồng thời phải học hỏi kinh nghiệm thực tế của quần chúng, Người nói: “Nhân dân lao động ta rất giàu kinh nghiệm và tính sáng tạo”, “Cán bộ, đảng viên lại càng phải có tinh thần ấy, phải gạt bỏ những thái độ sai lầm như: thỏa mãn với thành tích bước đầu, bảo thủ, tự mãn với kinh nghiệm đã có, có ít nhiều tri

⁽²⁾ Hồ Chí Minh, *Về vấn đề giáo dục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1990, tr. 64.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, 1976, tr. 614.

thức thì kiêu căng, coi khinh quần chúng, hoài nghi với những sáng kiến bình thường của quần chúng, lười biếng không tích cực học tập cái mới”⁽¹⁾.

Cán bộ, đảng viên coi khinh quần chúng, nghi ngờ vai trò của quần chúng, không chịu học tập, tìm tòi cái mới, không gần gũi với quần chúng, không nắm vững tình hình thực tế sẽ dẫn đến quan liêu, xa rời thực tế. Bệnh quan liêu, xa rời thực tế là nguyên nhân dẫn đến đề ra những chủ trương, chính sách không phù hợp với thực tế, chủ quan, duy ý chí. Người cho rằng: “phải nắm vững qui luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể. Kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái”⁽²⁾. Trong hoạt động thực tiễn, cán bộ lãnh đạo các cấp cần phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu thực tế một cách chính xác. Số liệu điều tra thực tế cần phải đảm bảo độ trung thực, tránh tình trạng cán bộ chỉ nặng về giấy tờ, báo cáo, chỉ thị, ra mệnh lệnh thiếu điều tra thực tế một cách sát sao, Người nói: “Phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu mọi công tác cũng như trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và Nhà nước”⁽¹⁾. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải phù hợp với thực tiễn, hợp qui luật, hợp lòng dân thì mới hướng dẫn, vận động quần chúng, tạo ra sức mạnh to lớn, mang lại hiệu quả thiết thực.

Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên, cán bộ lãnh đạo các cấp cần xuống tận các xí nghiệp, các hợp tác xã, các cơ sở sản xuất để nắm vững tình hình sản xuất, đời sống và nhu cầu của nhân dân, Người nói: “Các đồng chí phải đi xuống tận các xí nghiệp, các hợp tác xã, hỏi han công nhân, nông dân yêu cầu gì, họ làm ăn và sinh sống như thế nào, và phổ biến những điều cần thiết giúp đỡ họ cải tiến kỹ thuật, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống”⁽²⁾. Có như vậy cán bộ mới nắm được thực tế, trên cơ sở đó hướng dẫn quần chúng thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong bài nói chuyện với cán bộ cấp huyện, Người nhấn mạnh: “Nếu không đi sâu, đi sát cơ sở, nắm vững tình hình sản xuất và đời sống của nhân dân thì các đồng chí làm thế nào có thể vận dụng đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng, chủ trương của tỉnh vào huyện mình”⁽³⁾.

Người phê phán một số cán bộ còn ngại khó khăn, gian khổ, không lăn lộn với thực tế của địa phương, của cơ sở. Người nhắc nhở: “Bác chỉ nhắc nhở các cô, các chú phải đi sâu, đi sát cơ sở, nằm ở cơ sở để chỉ đạo phong trào, không nên xuống cơ sở theo lối chuồn chuồn đập nước. Vấn đề này nghe thì dễ, nhưng thực hiện chưa tốt lắm. Hiện nay, có một số đồng chí huyện ủy chưa thật sự lăn lộn ở cơ sở, còn ngại khó, ngại khổ nên chưa nắm được tình hình cụ thể của địa phương mình phụ trách”⁽¹⁾. Người dùng hình tượng “chuồn chuồn đập nước” để phê phán cán bộ ta quan liêu, xa rời thực tiễn, nắm tình hình thực tế theo kiểu hình thức chủ nghĩa, hời hợt bên ngoài, đi tìm hiểu thực tế nhưng vẫn xa rời thực tế.

Bệnh quan liêu, xa rời thực tiễn còn thể hiện ở một số cán bộ khi có quyền, có chức dẫn đến xa rời quần chúng, xa rời mục tiêu của cách mạng. Người nhắc nhở cán bộ trong công việc phải tính toán cân nhắc cẩn thận. Mục tiêu, kế hoạch, biện pháp phải sát với tình hình thực tế, phải mang lại hiệu quả thiết thực. Phải chống tác

(1) Sđd, tr. 132.

(2) Sđd, tr. 133.

(1) Sđd.

(2) Sđd, tr. 169.

(3) Sđd, tr. 210.

(1) Sđd, tr. 209.

phong hội họp lu bù, hình thức chủ nghĩa, bàn nhiều làm ít. Mặt khác phải đấu tranh khắc phục tệ tham ô, lãng phí. Người cho rằng nguyên nhân là do cán bộ lãnh đạo quan liêu, xa rời thực tế dẫn đến chỉ biết xem giấy tờ, ra chỉ thị, không kiểm tra sâu sát công việc, không nắm được tình hình thực tế do đó họ không giải quyết kịp thời các công việc nảy sinh, Người chỉ rõ: “Có nạn tham ô và lãng phí là vì bệnh quan liêu, vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng, đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi nơi, không vào sâu vấn đề, chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn”⁽²⁾.

Vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh quan liêu, xa rời thực tiễn cho nên: có mắt mà không thấu suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Nó là kẻ thù nguy hiểm, vì nó không mang gươm, mang súng, mà nó nằm trong tổ chức của ta, dễ làm hỏng công việc của ta.

Bệnh quan liêu, xa rời thực tiễn và giáo điều, lý luận suông là những biểu hiện cực đoan trong suy nghĩ và hành động, vì vậy trong quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, Hồ Chí Minh luôn chú ý giáo dục cán bộ, đảng viên đấu tranh khắc phục những sai lầm đó, cần thực hiện nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, chúng ta trung thành với chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đồng thời vận dụng sáng tạo và phát triển trong điều kiện mới để chúng ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

KẾT LUẬN

Hồ Chí Minh không những là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta, là nhà văn hóa lớn mà còn là người có tư tưởng triết học duy vật biện chứng sâu sắc. Người không viết những tác phẩm triết học lớn, nhưng Người đã vận dụng sáng tạo và phát triển lý luận Mác – Lênin trong thực tiễn. Thông qua những tác phẩm, những bài phát biểu... của Hồ Chí Minh trong quá trình chỉ đạo thực tiễn cách mạng, chúng ta thấy tư tưởng của Người thể hiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Do có tư tưởng triết học biện chứng sâu sắc, Hồ Chí Minh luôn thực hiện tốt mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn. Người chú ý giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ của Đảng nâng cao trình độ lý luận để vận dụng vào thực tiễn cách mạng nước ta một cách sáng tạo. Người là tấm gương sáng trong việc đấu tranh chống tư tưởng giáo điều, lý luận suông, chống tư tưởng quan liêu, xa rời thực tiễn. Tư tưởng triết học của Người về sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn có giá trị hướng dẫn cho hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên hiện nay.

Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động là hoàn toàn đúng đắn. Do đó việc tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng triết học Hồ Chí Minh nói riêng là có ý nghĩa thiết thực, chỉ có nắm vững lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh một cách sâu sắc, chúng ta mới vận dụng được lý luận vào thực tiễn hiện nay một cách sáng tạo, phù hợp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

⁽²⁾ *Tư tưởng Hồ Chí Minh và thời đại*, Nxb Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr. 186.

1. ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2003.
3. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
5. Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
6. Hồ Chí Minh, *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, 1976.
7. Hồ Chí Minh, *Về vấn đề giáo dục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1990.
8. Hồ Chí Minh, *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970.
9. *Một số chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2008.
10. *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Viện Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1993.
11. *Tư tưởng Hồ Chí Minh và thời đại*, Nxb Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, 1992.